

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY

Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
trong Đại học Thái Nguyên

Thái Nguyên, năm 2014

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY
(Theo Quyết định số: 74/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phan Quang Thế	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Trần Minh Đức	TS, Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ
3	Vũ Ngọc Pi	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ
4	Hoàng Vị	TS, Trưởng khoa Cơ khí	P. Chủ tịch HĐ
5	Phạm Thị Mai Yến	ThS, TP. TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên - Thư ký
6	Dương Trọng Đại	ThS, Phó trưởng khoa Cơ khí	Ủy viên TT
7	Hồ Ký Thanh	ThS, Phó trưởng khoa Cơ khí	Ủy viên
8	Phạm Quang Hiếu	ThS, Phó TP Đào tạo	Ủy viên
9	Đỗ Mạnh Cường	ThS, Tổ trưởng tổ quản lý điểm	Ủy viên
10	Phạm Đức Ngọc	KS, Trưởng phòng CT-HSSV	Ủy viên
11	Trần Lệ Thu	KS, Phó Trưởng phòng HC-TC	Ủy viên
12	Nguyễn Quốc Hùng	ThS, Trưởng phòng QT-PV	Ủy viên
13	Nguyễn Duy Hiền	CN, Trưởng phòng KH-TC	Ủy viên
14	Vũ Như Nguyệt	ThS, P. Trưởng BM Chế tạo máy	Ủy viên
15	Phạm Thành Long	TS, Trưởng BM Cơ điện tử	Ủy viên
16	Nguyễn Thị Hoa	ThS, Trưởng BM Cơ học	Ủy viên
17	Văn Ngọc Hồng	ThS, Trưởng BM Công nghệ vật liệu	Ủy viên
18	Nguyễn Thế Đoàn	ThS, Trợ lý đào tạo khoa Cơ khí	Thư ký

(Án định danh sách: 18 người)

MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ.....	1
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
I. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.....	7
II. Giới thiệu khái quát về khoa Cơ khí.....	7
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo	14
IV. Người học (chỉ tính số lượng người học chương trình đào tạo này).....	17
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	23
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	27
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng.....	27
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG.....	30
I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	30
II. TỔNG QUAN CHUNG.....	31
III. ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ CÁC TIÊU CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY.....	40
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	40
Mở đầu:.....	40
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội.....	40
Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được	42
Tiêu chí 1.3: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá, điều chỉnh và bổ sung.....	44
Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội.....	47
Kết luận tiêu về tiêu chuẩn 1:	48
TIÊU CHUẨN 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	50
Mở đầu:.....	50
Tiêu chí 2.1: Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	50

Tiêu chí 2.2: Chương trình đào tạo đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết khác.....	52
Tiêu chí 2.3: Các môn học có sự logic bổ sung cho nhau	53
Tiêu chí 2.4: Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội.	54
Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo.	56
Tiêu chí 2.6: Chương trình đào tạo mềm dẻo nhằm giúp người học có khả năng lựa chọn môn học, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá và thời gian học tập phù hợp.....	57
Kết luận về tiêu chuẩn 2:	59
TIÊU CHUẨN 3: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	60
Mở đầu:.....	60
Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm.	60
Tiêu chí 3.2: Người học được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập	62
Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân	64
Kết luận về tiêu chuẩn 3:	66
TIÊU CHUẨN 4: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	67
Mở đầu:.....	67
Tiêu chí 4.1: Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo.....	67
Tiêu chí 4.2: Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học	70
Tiêu chí 4.3: Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học.....	71
Tiêu chí 4.4: Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được định kỳ thẩm định.....	72
Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý tin cậy.....	74
Kết luận về tiêu chuẩn 4:	75

TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY	76
Mở đầu:.....	76
Tiêu chí 5.1: Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo.	76
Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên được định kỳ bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.....	79
Tiêu chí 5.3: Việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác.....	81
Tiêu chí 5.4: Việc sắp xếp bố trí nhân lực vào các vị trí phải phù hợp với năng lực quản lý, trình độ chuyên môn và công việc đảm nhận.	84
Tiêu chí 5.5: Có quy trình đánh giá cán bộ phù hợp trên tinh thần hướng đến sự cải thiện về mọi mặt của cán bộ, giảng viên	85
Kết luận về tiêu chuẩn 5:	88
TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC	89
Mở đầu:.....	89
Tiêu chí 6.1: Có chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo – Chuyên ngành CKCTM.....	89
Tiêu chí 6.2: Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập.....	92
Tiêu chí 6.3: Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập.....	94
Tiêu chí 6.4: Người học được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội.	96
Tiêu chí 6.5: Người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh.....	99
Tiêu chí 6.6: Các chương trình hỗ trợ người học có hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách	101
Kết luận về tiêu chuẩn 6:	104
TIÊU CHUẨN 7: TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT	105
Mở đầu:.....	105
Tiêu chí 7.1: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo CKCTM.....	105

Tiêu chí 7.2: Có thư viện với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ.....	107
Tiêu chí 7.3: Có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm và phòng làm việc đáp ứng nhu cầu của người học, cán bộ, giảng viên.....	108
Tiêu chí 7.4: Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học, cán bộ, giảng viên.....	110
Tiêu chí 7.5: Có các biện pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.	111
Kết luận về tiêu chuẩn 7:	113
TIÊU CHUẨN 8: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY/HỌC TẬP	114
Mở đầu:.....	114
Tiêu chí 8.1: Chương trình đào tạo được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo bao gồm sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.	114
Tiêu chí 8.2: Chương trình đào tạo được điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội.....	115
Kết luận về tiêu chuẩn 8:	117
IV. KẾT LUẬN CHUNG	118
PHỤ LỤC	122

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CKCTM	-	cơ khí chế tạo máy
GTC	-	giờ tiêu chuẩn
NCS	-	nhà nghiên cứu sinh
HSSV	-	học sinh sinh viên
NCKH	-	nhà nghiên cứu khoa học
ĐMGTC	-	định mức giờ tiêu chuẩn
GVCN	-	giáo viên chủ nhiệm
CVHT	-	cố vấn học tập
BCN	-	ban chủ nhiệm
ĐHKTCN	-	Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY

I. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt và tiếng Anh):
Cơ khí Chế tạo máy - Manufacturing Engineering.
2. Tên viết tắt (tiếng Việt và tiếng Anh): CKCTM
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ sở đào tạo (trường ĐH thành viên, khoa trực thuộc ĐHTN): Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
5. Địa chỉ: Đường 3/2, Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
6. Số điện thoại liên hệ: (84)2803 847 145 số fax: (84)2803847403
- E-mail: office@tnut.edu.vn
- Website: <http://www.tnut.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở đào tạo (theo Quyết định thành lập): 1965
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của chương trình đào tạo được đánh giá): 2007
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2012

II. Giới thiệu khái quát về khoa Cơ khí

10. Thông tin chung về khoa Cơ khí

Thành lập ngày 30/10/1972, tại trường Đại học Cơ Điện là tiền thân của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ngày nay, trường đóng trên xã Tích Lương, TP. Thái Nguyên. Vừa mới thành lập được một thời gian ngắn, khoa Cơ khí cũng như Trường ĐHKTCN đã cùng với cả nước chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Để duy trì việc dạy và học và đảm bảo an toàn cho thầy và trò, ngày 18/12/1972 Khoa Cơ khí phải sơ tán vào xóm Bá Vân và xóm Bình Định thuộc xã Bình Sơn - thị xã Sông Công; xóm Đầu Trâu, xã Thịnh Đức – TP. Thái Nguyên. Vào thời gian này giảng đường và phòng thí nghiệm là những căn nhà lá nằm sâu trong địa đạo, khe núi, đói rét thường xuyên rình rập nhưng thầy và trò khoa Cơ khí vẫn “tiếng hát át tiếng bom; vai kề vai, đèn sách sớm hôm”.

Các lớp Sinh viên K2, K3, K4, K5 vẫn tốt nghiệp ra trường đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng. Ngày 27/3/1973, sau khi hiệp định Pari về việc lập lại hoà bình Việt Nam được ký kết, thầy trò khoa Cơ khí trở về xây dựng mái trường trên mảnh đất thân yêu của mình. Sinh viên K8, K9 tựu trường được sống và học tập trong những khu nhà tầng kiên cố A1, A2, A3 và thực hành thí nghiệm trong khu nhà C1, C2, C3. Phong trào học tập sôi nổi hơn lúc nào hết. Công tác NCKH bắt đầu phát triển từ đây.

Sau ngày 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, khoa Cơ khí vui mừng đón chào gần 200 các anh bộ đội là sinh viên K3, K4, K5, K6, K7 chiến thắng, từ mặt trận trở về. Cũng những ngày này trong khoa bắt đầu có hệ đào tạo chuyên tu: CT75, CT76 v.v . Họ là những cán bộ công nhân tích cực được các nhà máy cử đi học để về phát triển sản xuất của nhà máy sau chiến tranh. Thời gian học tập trong khung cảnh hòa bình chưa đầy 4 năm, tháng 3 năm 1979 theo tiếng gọi của Tổ quốc thầy và trò lại gác bút nghiên lên huyện Trảng Định tỉnh Lạng Sơn xây dựng phòng tuyến phía Bắc bảo vệ Tổ quốc. Do yêu cầu bảo vệ biên giới, toàn bộ sinh viên K14, K15 tiếp tục ở lại tập quân dự nhiệm 6 tháng tại thị trấn Đu huyện Phú Lương, sinh viên K13, K12, K11 được trở về trường học tập. Những thành tích và đóng góp của thầy, trò Khoa cơ khí đã được ghi nhận, Khoa Cơ khí đã được UBND tỉnh Lạng Sơn tặng bằng khen.

Trong thời gian từ 1980 đến 1994, đây là giai đoạn nền kinh tế nước ta sau 2 cuộc chiến tranh đã rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, đời sống thầy và trò gặp nhiều khó khăn, thiếu từ giấy, mực, vải mặc đến cả lương thực; điển hình là năm 1983 do quá khó khăn, lương thực không đủ cho học sinh sinh viên phải nghỉ tự túc lương thực hai tháng. Thêm vào đó, khoa Cơ khí phải đối mặt với một khó khăn không nhỏ là lượng sinh viên thi vào khoa rất ít. Sở dĩ như vậy vì nhiều nhà máy cơ khí phải đóng cửa do không có việc làm, nên không có nhu cầu tuyển dụng kỹ sư cơ khí. Sinh viên ra trường rất khó phân công. Vì vậy trong suốt 14 năm, toàn bộ sinh viên Khoa Cơ (kể cả hệ trung cấp và cao đẳng mỗi khóa chỉ tuyển từ 100 đến 300 HSSV, đặc biệt cả khóa tuyển sinh năm 1988, K24M chỉ tuyển được 28 SV, trong Khoa chỉ còn 32 cán bộ, giáo viên.

Tuy nhiên, khoa Cơ khí trong thời kỳ này đã đẩy mạnh công tác NCKH & LĐSX, thành lập phòng thí nghiệm chế thử (PTNCT) để thực hành, thí nghiệm, NCKH &CGCN, đây cũng là nơi rèn luyện khả năng thực tiễn của đội ngũ giáo viên, là nơi thực hiện các hợp đồng kinh tế - kỹ thuật giữa Nhà trường và các doanh nghiệp. Chỉ trong vòng 6 năm (1987- 1993) khoảng 60% giáo viên của khoa đã được thực hành công nghệ cơ khí tại PTNCT, trực tiếp chế tạo ra sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, đời sống giáo viên đã được cải thiện. Nhiều đề tài phục vụ sản xuất, chuyển giao công nghệ đã được triển khai như: đề tài chế tạo bi xe cải tiến cho nhà máy Cơ khí 3-2 Bắc Thái, chế tạo dây chuyền tinh lọc bột sắn cho huyện Phú Lương, chế tạo khung xe đạp cho nhà máy cơ khí Tuyên Quang, đề tài nghiên cứu chế tạo bộ chày cối dập thuốc viên cho ngành Dược Việt Nam, chế tạo lô nghiền bột giấy cho công ty Giấy Bãi Bằng. Hoạt động NCKH và CGCN đã được gắn với thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt được yêu cầu của xã hội, góp phần khẳng định thương hiệu Đại học Cơ điện - Đại học KTCN Thái Nguyên trên mảnh đất thân yêu của Tổ quốc Việt Nam. Điều này khẳng định: mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng thầy trò quyết tâm, lại có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo khoa, sự quan tâm thường xuyên của lãnh đạo Nhà trường và phương châm đào tạo đúng; vẫn có thể cho chất lượng đào tạo tốt.

Từ 1994 đến 2007, trường ĐHKTCN trở thành Đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên; cũng là 1 trong 14 đại học trọng điểm của cả nước. Giai đoạn này khoa Cơ khí đã có những phát triển vượt bậc về mọi mặt, khoa đã thực hiện đào tạo 4 hệ: Trung cấp, Cao đẳng, Đại học và Sau đại học. Hệ đại học đào tạo 3 chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy, Cơ khí động lực và Cơ khí luyện kim cán thép; từ 2003 – 2005 Khoa được giao thêm nhiệm vụ đào tạo ở bậc đại học ngành Kỹ thuật Môi trường và ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, sau đó chuyển cho khoa quản lý Công nghiệp và Kỹ thuật môi trường; đào tạo sau đại học với ngành Công nghệ CTM & Cơ kỹ thuật và đào tạo Tiến sĩ ngành Công nghệ CTM.

Giai đoạn này, khoa Cơ khí đã có những cố gắng vươn lên trên tất cả các mặt, từ xây dựng đội ngũ, xây dựng cơ sở vật chất đến đổi mới nội dung chương trình đào tạo, từng bước đổi mới cách dạy, cách học theo phương thức học chế tín chỉ – một phương thức đào tạo tiên tiến lấy người học làm trung tâm. Chất lượng đào tạo ngày một nâng lên.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng tài năng sinh viên cũng thường xuyên được chăm lo. Khoa đã duy trì được phong trào bồi dưỡng sinh viên học sinh thi Olympic Quốc gia về các môn Cơ học. Năm 2005 đạt giải nhất toàn đoàn 4 môn Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Nguyên lý Máy và Chi tiết máy. Trường ĐHKTCN được xếp thứ 6 trong top các trường hàng đầu, được Bộ trưởng Bộ GD & ĐT cấp bằng khen. Công tác NCKH và CGCN cũng phát triển rất mạnh, mỗi năm bình quân khoa tiến hành từ 6- 8 đề tài NCKH cấp bộ và cấp bộ trọng điểm, tham gia các đề tài cấp Nhà nước và khoảng 12 - 15 đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài đều hướng vào giải quyết những vấn đề cấp bách của sản xuất và tập trung vào đổi mới phương pháp giảng dạy.

Công tác chuyển giao công nghệ và LĐSX cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhiều thầy giáo đã trở thành chuyên gia có uy tín cho các doanh nghiệp. Mỗi năm tổng doanh thu các HĐKT thực hiện trong trường khoảng 4 -5 tỷ đồng góp phần cải thiện đời sống, đóng góp phúc lợi cho Nhà trường và góp phần đáng kể vào công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Những sản phẩm cơ khí do các thầy khoa Cơ khí chế tạo đã giữ được uy tín trong các ngành sản xuất thép, giấy, dược phẩm xi măng góp phần khẳng định thương hiệu của Nhà trường. Công tác đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ cao CAD-CAM-CNC cũng có bước phát triển tốt. Khoa đã được đầu tư một PTN Công nghệ cao tương đối hoàn chỉnh và hiện đại, đang phát huy có hiệu quả cho đào tạo, NCKH và CGCN. Bắt đầu từ năm học 2006-2007, khoa có đào tạo 1 lớp kỹ sư CLC chương trình CKCTM.

Từ năm 2008 đến nay, thực hiện nghị quyết ĐH Đảng bộ trường ĐHKTCN lần thứ XII, Nghị quyết đại hội chi bộ Khoa Cơ khí nhiệm kỳ 2008-2010, 2010-2013, chi bộ Khoa Cơ khí đã lãnh đạo tập thể cán bộ giáo viên của khoa đạt

được nhiều thành tích to lớn. Trong khoa đã xây dựng được khối đoàn kết, nhất trí và dân chủ, phát huy được sức mạnh tập thể thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ công tác mà Nhà trường giao cho. Trong giai đoạn này khoa Cơ khí đã tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh sinh hoạt học thuật tại các bộ môn và khoa, góp ý giảng thử, dự giờ cho giảng viên trẻ, động viên giảng viên trẻ đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn học sau đại học, NCS trong nước và nước ngoài. Hiện tại toàn khoa có 60 cán bộ giáo viên cơ hữu và 14 cán bộ giáo viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng; trong đó có 09 Phó giáo sư và giáo sư, 14 Tiến sĩ, 37 Thạc sĩ, 11 GV đang là học viên cao học và NCS ở trong nước và nước ngoài. Nhiều giảng viên đang học các khóa tiếng Anh như TA văn bằng 2, TA sau C, tiếng Anh theo hệ thống Toefl v.v... Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí cũng luôn chú trọng công tác NCKH và chuyển giao công nghệ đã góp phần quan trọng trong rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, đóng góp một phần vào khoản thu Ngân sách qua thuế. Khoa đã xuất bản được hàng chục bài báo quốc tế, hàng trăm bài báo quốc gia; thường niên tổ chức hội nghị khoa học cấp trường với nhiều báo cáo có chất lượng cao. Cán bộ giáo viên khoa Cơ khí đã và đang thực hiện 07 đề tài NCKH cấp bộ, 10 đề tài cấp đại học, hàng chục đề tài cấp trường và đề tài NCKH sinh viên góp phần nâng cao đời sống của CBVC và động viên phong trào học tập của HSSV.

Từ năm học 2008-2009, trong khoa mỗi năm có tuyển sinh 01 lớp đào tạo kỹ sư chất lượng cao theo chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật Cơ khí nhập khẩu từ ĐH Bang New York - Mỹ do BGD & ĐT thẩm định và phê duyệt. Khoa đã trực tiếp đào tạo 02 chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy, Cơ kỹ thuật ở bậc Sau đại học và đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy, Kỹ thuật máy công cụ. Đến nay, có hàng trăm thạc sĩ và 05 tiến sĩ đã tốt nghiệp. Công tác bồi dưỡng tài năng sinh viên vẫn luôn được khoa quan tâm chú trọng, đặc biệt công tác tổ chức và bồi dưỡng sinh viên giỏi tham dự kỳ thi Olympic quốc gia.

Những phần thưởng cao quý đã đạt được:

Với những thành tích lớn lao trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, trong hơn 40 khoa Cơ khí đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng các phần thưởng sau đây:

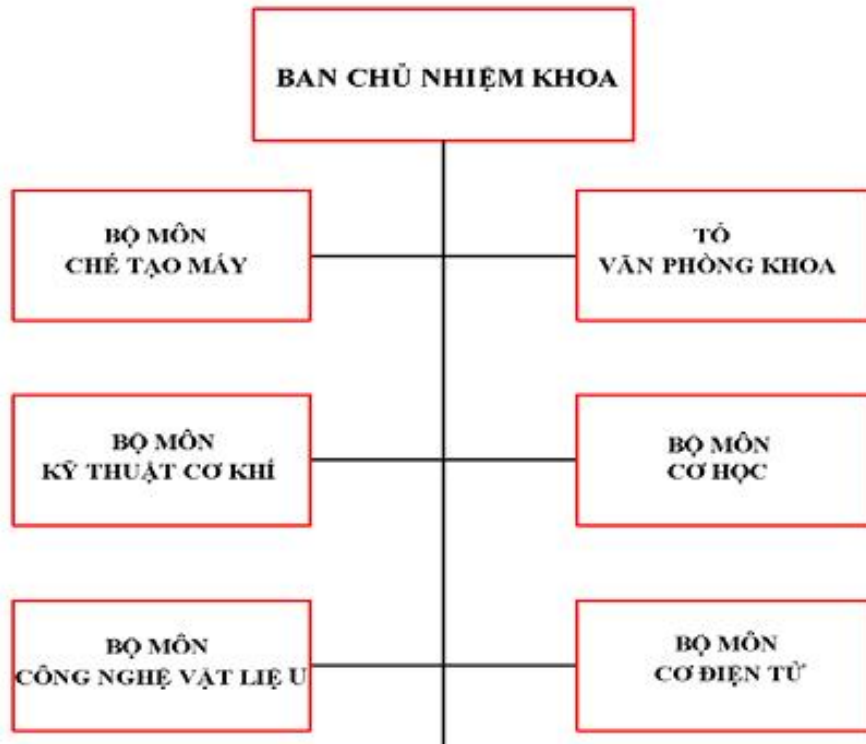
- 01 Huân chương lao động Hạng 3 năm 1997;
- 03 bằng khen Chính phủ, 04 bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT;
- 03 bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- 03 cá nhân được tặng HCLĐ hạng ba;
- 06 thầy giáo được tặng danh hiệu NGƯT;
- 01 bộ môn được tặng bằng khen Chính phủ, 04 bộ môn, 20 cá được tặng bằng khen của Bộ trưởng, 02 thầy giáo được tặng danh hiệu CSTĐ cấp bộ và nhiều thầy giáo, cô giáo, CBVC đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở và giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

11. Cơ cấu tổ chức của trường ĐH KTCN và của khoa Cơ khí
Cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp:

BAN GIÁM HIỆU

- | | |
|--|---|
| ▪ Khoa Cơ khí | ▪ Phòng Công tác Học sinh sinh viên |
| ▪ Khoa Điện | ▪ Phòng Công nghệ Thông tin và Thư viện |
| ▪ Khoa Điện tử | ▪ Phòng Đào tạo |
| ▪ Khoa Khoa học Cơ bản | ▪ Phòng Hành chính - Tổ chức |
| ▪ Khoa Kinh tế Công nghiệp | ▪ Phòng Kế hoạch - Tài chính |
| ▪ Bộ môn Kỹ thuật ô tô và Máy động lực | ▪ Phòng Quản lý Khoa học và QHQT |
| ▪ Bộ môn Lý luận chính trị | ▪ Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học |
| ▪ Khoa Quốc tế | ▪ Phòng Quản trị - Phục vụ |
| ▪ Khoa Sư phạm Kỹ thuật | ▪ Phòng Thanh tra - KT - ĐBCLGD |
| ▪ Khoa Xây dựng và Môi trường | ▪ Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế |
| ▪ Trung tâm Thí nghiệm | ▪ Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội |
| ▪ Trung tâm Thực nghiệm | ▪ Trung tâm dịch vụ tổng hợp |
| | ▪ Viện Nghiên cứu PTCNC về KTCN |

Cơ cấu tổ chức của Khoa Cơ khí:



12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của khoa Cơ khí.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1. Ban Chủ nhiệm khoa			
Chủ nhiệm khoa	Nguyễn Văn Dự	1963	PGS.TS. Trưởng khoa
Phó chủ nhiệm khoa	Hồ Ký Thanh	1980	ThS, P. Trưởng khoa
Phó chủ nhiệm khoa	Đồ Thị Tám	1981	TS, P. Trưởng khoa
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội			
Chi bộ Khoa	Hoàng Vị	1963	PGS.TS, BT Chi bộ
Công đoàn Khoa	Dương Trọng Đại	1978	ThS, CT CĐ Khoa
Hội sinh viên Khoa	Hoàng Trung Kiên	1986	ThS, CT Hội SV Khoa
Liên chi Đoàn Khoa	Lê Xuân Hưng	1985	ThS, BT LC Khoa
3. Các trung tâm/phòng trực thuộc			
4. Các bộ môn			

Chế tạo máy	Trần Minh Đức	1962	TS, PHT, Trưởng BM
Cơ điện tử	Phạm Thành Long	1977	TS, Trưởng BM
Thiết kế Cơ khí	Ngô Như Khoa	1970	PGS.TS, Trưởng BM
Cơ học	Nguyễn Thị Hoa	1980	ThS, Trưởng BM
Công nghệ Vật liệu	Vũ Lai Hoàng	1978	TS, Trưởng BM

13. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo

Số lượng ngành đào tạo: 03 (gồm: Kỹ thuật Cơ khí; Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Vật liệu).

Chuyên ngành Đào tạo: 05 (gồm: CKCTM; Thiết kế Cơ khí; Cơ khí Luyện kim – Cán thép; Cơ khí Động lực; Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Vật liệu).

14. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng):

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Liên thông đại học; Đào tạo Sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ).

15. Tổng số các ngành đào tạo: 03

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

16. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	59	10	69

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	22	6	28
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	5	0	5
	Tổng số	86	16	102

Thông kê, phân loại giảng viên (Thời điểm thống kê: tính đến tháng 9/2013).

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					
2	Phó Giáo sư	11	1		6	4	
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	6	3		2	1	
5	Thạc sĩ	49	40	6	3		
6	Đại học	32	15	16	1		
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	98	59	22	12	5	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) – cột (7) = 93 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 15,15%

17. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007)

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

Số liệu bảng 17 được lấy từ bảng 16 nhân với hệ số quy đổi.

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ QL			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	3,0	0						
2	Phó Giáo sư	2,5	11	1		6	4		13,5
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0		0
4	Tiến sĩ	2,0	6	3		2	1		38
5	Thạc sĩ	1,3	49	40	6	3			59,8
6	Đại học	1,0	32	15	16	1			33
7	Cao đẳng	0,5	0						0
8	Trình độ khác	0,2	0						0
	Tổng		98	59	22	12	5		144,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3. (cột 5 + cột 6 + 0,3.cột 7 + 0,2.cột 8 + 0,2.cột 9)

18. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	7		7				6	1	
3	Tiến sĩ khoa học	0								
4	Tiến sĩ	5		4	1		2	2	1	
5	Thạc sĩ	49		40	9	13	29	3	4	
6	Đại học	32		30	1	22	3	1	6	
7	Cao đẳng	0								
8	Trình độ khác	0								
	Tổng	93		81	11	35	34	12	12	

18.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 34 tuổi

18.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 13,04%

18.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 53,26%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10	15
2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc)	75	70
3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc)	10	5
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc)	5	5
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
6	Tổng	100	100

IV. Người học (chỉ tính số lượng người học chương trình đào tạo này)

20. Tổng số sinh viên đăng ký dự thi tuyển vào chương trình đào tạo, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2008-2009	719	15,5/30	16,4	0
2009-2010	869	14/30	14,9	2
2010-2011	886	13/30	13,2	2
2011-2012	686	13/30	13	1
2012-2013	323	13,5/30	13,6	0

Số lượng sinh viên chính quy đang theo học chương trình đào tạo này (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007): 3483 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng sinh viên theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Hệ chính quy	2506	2662	2471	2901	2585
Hệ không chính quy	1268	1078	1106	684	601

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 3483

Tổng số sinh viên quy đổi (theo hướng dẫn tại công văn số 1325/BGDĐT ngày 09/02/2007): 3569 người.

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 24,7

22. Số sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo này trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Số lượng	0	2	2	1	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0,014	0,014	0,0074	0

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số sinh viên có nhu cầu:

Các tiêu chí	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	23418	23418	23418	23418	19080
2. Sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	2506	2662	2471	2901	2585
3. Số lượng sinh viên của khoa được ở trong ký túc xá (người)	250	415	494	870	851
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	9,3	8,8	9,5	8,1	7,4

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học

Các tiêu chí	Năm học				
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Số lượng	2	7	8	12	6
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0,015	0,052	0,06	0,09	0,045

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp đại học trong 4 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
Hệ chính quy	410	458	666	663	400
Hệ không chính quy	321	181	309	222	100

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
26.1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	410	458	666	663	400
26.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	48	49	47	49	50
26.3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
26.3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	369 >90%	415 >90%	600 >90%	598 >90%	360 >90%
26.3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng	41 <10%	43 <10%	66 <10%	65 <10%	40 <10%

cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
26.3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
26.4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
26.4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	308 >75% 390 >95%	345 >75% 435 >95%	500 >75% 634 >95%	498 >75% 630 >95%	300 >75% 380 >95%
26.4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	82 >20%	96 >20%	132 >20%	134 >20%	80 >20%
26.4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	2-4 triệu	2-4 triệu	2-4 triệu	3-5 triệu	3-5 triệu
26.5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
26.5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu	345	390	566	563	340

cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	>85%	>85%	>85%	>85%	>85%
26.5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	40 <10%	46 <10%	65 <10%	66 <10%	38 <10%
26.5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	25 5%	22 5%	35 5%	34 5%	22 5%

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2008- 2009	2009- 2010	2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013
27.1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	731	639	975	885	500
27.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	63	100	100	100	100
27.3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
27.3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	369 >90%	415 >90%	600 >90%	598 >90%	360 >90%

27.3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	41 <10%	43 <10%	66 <10%	65 <10%	40 <10%
27.3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
27.4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
27.4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	308 >75% 390 >95%	345 >75% 435 >95%	500 >75% 634 >95%	498 >75% 630 >95%	300 >75% 380 >95%
27.4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	82 >20%	96 >20%	132 >20%	134 >20%	80 >20%
27.4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	2-4 triệu	2-4 triệu	2-4 triệu	3-5 triệu	3-5 triệu
27.5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo không điều tra về vấn đề này →					

chuyên xuống và kết thúc bảng này					
B. Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
27.5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	345 >85%	390 >85%	566 >85%	563 >85%	340 >85%
27.5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	40 <10%	46 <10%	65 <10%	66 <10%	38 <10%
27.5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	25 5%	22 5%	35 5%	34 5%	22 5%

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	1					2,0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	3	5	9	0	2	21
3	Đề tài cấp trường	0,5	11	13	31	18	35	54
4	Tổng		15	18	40	18	37	77

Cách tính: Cột 9 = cột 3 x (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 77

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy

đôi) trên cán bộ cơ hữu: 0,75

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo trong 4 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%)	Tỷ số Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2010	600	100	5,88
2	2011	50	100	0,49
3	2012	1411	100	13,83
4	2013	1960	100	19,21

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	7	70	90	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	4	10	
Trên 6 đề tài	0	0	5	
Tổng số cán bộ tham gia	7	74	105	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

31. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được xuất bản trong 5 năm gần đây:

ST T	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	2	0	2	0	0	6
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng							6

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 6,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,06

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	5	0	5
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	5	0	5

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

T T	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2009	2010	2011	2012	2013	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	6	7	12	11	5	61,5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	8	15	18	12	6	59
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
4	Tổng							120,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 120,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,18

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ giảng dạy có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	3	30	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	34	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo, được đăng toàn văn

trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2009	2010	2011	2012	2013	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2		8	5	4	16
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	5	7	1	12	14
3	Hội thảo cấp trường	0,25				12	23	8,75
4	Tổng		5	5	15	18	30	38,75

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng

học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 38,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,38

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	14	8	11
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 9 báo cáo	0	0	0
Trên 9 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	14	8	11

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2012-2013	1

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	35	

Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	35	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012	2012-2013
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	0	1	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (tính bằng m²): 35ha

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 18933 m² Nơi học: 16317 m² Nơi vui chơi giải trí: 12782 m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 16317 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2,8 m²

42. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo này được sử dụng tại Trung tâm TT

- TV: trên 100.000

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có): Không

43. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 373 bộ

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 92 bộ

- Dùng cho sinh viên học tập: 281 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên/sinh viên chính quy: 0,03

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 93

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 15,15%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%): 13,04%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (%): 53,26%

2. Người học (sinh viên):

Tổng số sinh viên chính quy (người): 13125

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 13394,5

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 92,8

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 92,6%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): > 90%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): < 10%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

- Sau 6 tháng tốt nghiệp: > 75%

- Sau 12 tháng tốt nghiệp: > 59%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): > 20%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 2-5triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): > 85%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): < 10%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy

đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,75

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:
39,4

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,06

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,18

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,38

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,003

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2,8 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 1,9 m²

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm bảo chất lượng trong giáo dục, đào tạo là hoạt động quan trọng giúp Trường ĐH KTCN nói chung và khoa Cơ khí nói riêng khẳng định chất lượng đào tạo với cơ quan quản lý Nhà nước, Bộ GD&ĐT, người học và xã hội. Hoạt động đảm bảo chất lượng giúp cho Nhà trường khẳng định vị thế trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời giúp Nhà trường tồn tại và phát triển trong giai đoạn hội nhập thế giới. Trong đảm bảo chất lượng thì hoạt động đánh giá chương trình đào tạo là một hoạt động quan trọng và thường xuyên của các trường đại học. Đánh giá chương trình là một phần không thể thiếu trong quá trình kiểm định cơ sở đào tạo đại học. Đây là hoạt động giúp Nhà trường đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu và nhu cầu của xã hội.

Đánh giá chương trình là những hoạt động có tính hệ thống, nằm trong một tiến trình, nhằm kiểm tra toàn bộ các khía cạnh của chương trình: chất lượng đầu vào, hoạt động thực hiện chương trình, triển khai chương trình, kết quả đầu ra, đánh giá kết quả đầu ra.

Khoa Cơ khí của trường ĐH KTCN đã chủ động triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động này là cơ sở để giúp khoa và Nhà trường cải tiến chất lượng, đổi mới phương pháp tiếp cận trong giáo dục đại học, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, đồng thời thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao, đồng thời hiện thực hóa sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường, của chương trình đào tạo.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo là kết quả của quá trình đánh giá liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian và sự tham gia của tất cả các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các Nhóm chuyên trách, Ban chỉ đạo góp phần lớn công sức nhằm thể hiện tính khách quan, trung thực và công khai. Kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo dựa trên cơ sở thực tế với hệ thống minh chứng cụ thể, rõ

ràng, đảm bảo độ tin cậy, bao quát đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn của Đại học Thái Nguyên. Hoạt động tự đánh giá giúp Khoa và Nhà trường phát hiện những điểm còn tồn tại trong quá trình đào tạo, quản lý và đưa ra hệ thống các biện pháp và kế hoạch hành động để khắc phục điểm tồn tại, phát huy điểm mạnh... từ đó xây dựng văn hóa chất lượng trong giáo dục đại học của Nhà trường nói chung và Khoa Cơ khí nói riêng.

II. TỔNG QUAN CHUNG

MỞ ĐẦU

Khoa Cơ khí là đơn vị trực thuộc Trường ĐH KTCN – Đại học Thái Nguyên. Khoa Cơ khí là một trong các đơn vị đầu tiên của Nhà trường tham gia đánh giá chương trình đào tạo (chương trình Cơ khí chế tạo máy – CKCTM). Đây là cơ hội để Khoa và Nhà trường xem xét lại quá trình đào tạo, tạo cơ sở để điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu, nhu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập thế giới và quốc tế hiện nay.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, khoa Cơ khí đã bám sát vào sứ mạng của Nhà trường để xây dựng chương trình đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực cơ khí chế tạo máy. Trên cơ sở đó, khoa Cơ khí đã xác định nhiệm vụ đào tạo chính là: “Đào tạo Kỹ sư chuyên ngành CKCTM có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ thuật cơ khí, hướng chuyên sâu Chế tạo máy; có năng lực tổ chức, thực sự yêu nghề, có trình độ ngoại ngữ tốt, có kiến thức khoa học xã hội nhân văn, khoa học cơ bản, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng, có khả năng tiếp thu các kiến thức mới, biết phương pháp nắm bắt và giải quyết các vấn đề mới nảy sinh trong quá trình công tác”.

Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề được khoa Cơ khí quan tâm hàng đầu, nhất là trong bối cảnh xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Đáp ứng với xu hướng hội nhập, Nhà trường và khoa Cơ khí đã thực hiện chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ với phương châm lấy người học làm trung tâm, tạo mọi điều kiện cho người học phát huy tinh thần “tự học, tự nghiên cứu”, quá trình đào tạo dần

chuyên dịch theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội của các tỉnh miền núi nói riêng và cả nước nói chung.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cơ khí chế tạo máy

1. Những điểm mạnh

Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí, chuyên ngành CKCTM được xây dựng trên cơ sở sứ mạng của Nhà trường, yêu cầu của xã hội và thường xuyên được rà soát, đổi mới đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức và kỹ năng rõ ràng và phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chương trình đào tạo thường xuyên được điều chỉnh và bổ sung nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nhà tuyển dụng. Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành được đào tạo và tỷ lệ sinh viên xin được việc ngay sau khi ra trường khá cao.

2. Những tồn tại

Nội dung đào tạo chương trình CKCTM chưa chú trọng nhiều vào đào tạo kỹ năng thực hành. Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình CKCTM đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, khoa Cơ khí sẽ phối hợp chặt chẽ với các phòng ban chức năng, các khoa chuyên môn khác để quảng bá rộng rãi thông tin về chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo CKCTM tới các nhà tuyển dụng và xã hội; Rà soát, bổ sung những nội dung đào tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, thực tập kết hợp chặt chẽ với giảng dạy lý thuyết; kết hợp với Nhà trường xây dựng, ban hành quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Khoa Cơ khí kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình CKCTM.

Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo CKCTM được xây dựng phù hợp trên cơ sở các quy định và phân biệt rõ các khối kiến thức để đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Chương trình đào tạo CKCTM được sắp xếp logic giữa các học phần, cân đối và hợp lý các khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành; thể hiện tính liên thông ngang, dọc tốt; các học phần được sắp xếp hợp lý vào các khối kiến thức. Các học phần có yêu cầu tiên quyết, tương đương, đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau. Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành Cơ khí nói chung cũng như cơ bản đáp ứng nhu cầu xã hội, do vậy số lượng sinh viên lựa chọn chương trình CKCTM có tỷ lệ cao nhất so với các chương trình khác trong khoa. Người học được lựa chọn đăng ký học các học phần trong danh mục đăng ký học phần của từng học kỳ và được lựa chọn các học phần để cải thiện kết quả học tập.

2. Những tồn tại

Số lượng học phần tự chọn chuyên sâu theo từng lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể của chương trình chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu xã hội. Đề cương của chương trình Cơ khí Chế tạo máy (CKCTM) chưa thể hiện rõ các kỹ năng thực hành cần trang bị cho người học. Khoa chưa lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo. Nhà trường và Khoa chưa khảo sát mức độ phù hợp nội dung chương trình với nhu cầu xã hội. Chưa có nhiều lựa chọn về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, Nhà trường và Khoa Cơ khí sẽ tăng cường các học phần tự chọn chuyên sâu trong chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội cụ thể. Rà soát, điều chỉnh và xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng thực hành, cụ thể hóa hơn kỹ năng thực hành trong từng giáo án, đề cương chi tiết ở đầy đủ các hệ chính quy, VLVH, liên thông, sinh viên học cùng lúc 2 chương trình đào tạo. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic của các học phần trong chương trình đào tạo. Trong giai đoạn 2013 – 2016, Khoa Cơ khí sẽ tiếp tục rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học

phần, trong đó đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần, tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều lựa chọn hơn về các phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần. Trong năm học 2014 – 2015, Khoa Cơ khí sẽ tiến hành khảo sát rộng rãi nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình CKCTM để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu học tập của xã hội. Trong giai đoạn 2013 – 2016, Khoa Cơ khí phối hợp cùng với các phòng chức năng tiến hành rà soát, đối chiếu, so sánh, bổ sung đề cương các học phần bậc đại học và bậc sau đại học cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Những điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Cơ khí đã thực sự coi trọng và tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên về phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Định hướng, tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập và NCKH tới sinh viên dưới nhiều hình thức phong phú. Định kỳ, Nhà trường và Khoa tiến hành sơ kết học kỳ để đánh giá tình hình giảng dạy và học tập; đối thoại với sinh viên để nắm bắt tình hình học tập, giải đáp những thắc mắc, khó khăn của sinh viên. Chương trình đào tạo CKCTM đã tạo ra nhiều cơ hội học tập và giao lưu cho người học từ đó phát huy khả năng của bản thân như: tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thực hành, khả năng thuyết trình và chủ động trong học tập. Khoa Cơ khí và Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, giao lưu tạo cơ hội cho người học tham gia và phát huy khả năng cá nhân của người học.

2. Những tồn tại

Vai trò cố vấn học tập chưa thực sự phát huy hết hiệu quả để tư vấn chiến lược học tập đối với từng sinh viên. Người học ở hệ đào tạo vừa làm vừa học, học đồng thời 2 chương trình chưa tham gia vào các câu lạc bộ và các hoạt động giao lưu của Khoa và Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, Khoa Cơ khí tích cực triển khai, đôn đốc các bộ môn hoàn thiện đề cương chi tiết môn học. Tổ chức hội nghị công tác cố vấn học tập cho các giảng viên. Vào đầu mỗi học kỳ, khoa và các câu lạc bộ của

Khoa sẽ xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động và giao lưu đến các lớp trong đó có cả các lớp vừa làm vừa học, học đồng thời 2 chương trình.

Tiêu chuẩn 4. Kiểm tra đánh giá

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và được thực hiện thường xuyên phù hợp với từng học phần. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau: website, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên của mỗi môn học, qua GVCN trong các buổi sinh hoạt lớp. Công tác phúc khảo cũng được triển khai sâu rộng cho sinh viên thuộc chương trình CKCTM đảm bảo công khai, chính xác. Khoa đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các học phần. Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

2. Những tồn tại

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết, nhất là đối với các đề thi cho hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Chưa có quy định cụ thể về cách đánh giá điểm thường xuyên, do đó chưa có sự thống nhất chung về tiêu chí đánh giá điểm với tất cả các học phần. Tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện và chưa định kỳ đánh giá. Việc công bố điểm, kết quả học tập một số học phần thuộc hệ đào tạo vừa làm vừa học chương trình CKCTM còn chậm trễ.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015, Nhà trường ban hành quy định chung về các tiêu chí đánh giá điểm thường xuyên đối với tất cả các học phần. Từ học kỳ 2 năm học 2014 – 2015, nhà trường bổ sung các quy định về đánh giá kết quả thường xuyên theo hướng rèn luyện tính tự giác của sinh viên, cụ thể là: Mỗi học phần giảng viên có sách giao bài tập, sinh viên phải có vở bài tập và làm bài

tập ở nhà, giáo viên phải có trách nhiệm kiểm tra, chấm vở bài tập của sinh viên. Ngoài ra, sinh viên còn phải làm các bài kiểm tra thường xuyên trên lớp (01 tín chỉ 2 bài kiểm tra) theo yêu cầu của giảng viên.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

1. Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên, nhân viên thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Độ tuổi của giảng viên khá trẻ nên tiếp thu nhanh những kiến thức mới và thực hiện có hiệu quả các phương pháp giảng dạy tiên tiến ở bậc đại học và thường xuyên được học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường đã xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với các tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với yêu cầu đào tạo. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ. Tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên đảm bảo công khai, minh bạch và dân chủ. Hàng năm đều tổ chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng một cách công bằng, minh bạch và khách quan.

2. Những tồn tại

Giảng viên có trình độ GS, PGS, TS chiếm tỉ lệ còn thấp, đặc biệt là giảng viên cơ hữu (chiếm khoảng 18% kể cả GV kiêm nhiệm và thỉnh giảng, 4% nếu chỉ tính GV cơ hữu). Số lượng giảng viên và chuyên viên tham gia đánh giá, khảo sát trước và sau khi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa nhiều. Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi rộng rãi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường. Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, Khoa Cơ khí lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn. Tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy. Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên, phối hợp với các cuộc điều tra về hoạt động đào tạo của Nhà trường bằng cách bổ sung tiêu chí này vào bảng câu hỏi. Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn Trường.

Tiêu chuẩn 6. Người học

1. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học (đặc biệt là việc tổ chức ngày OpenDay). Việc cung cấp thông tin cho người học đã được Khoa Cơ khí hết sức quan tâm bằng nhiều hình thức cụ thể, đa dạng và đầy đủ đảm bảo cho người học yên tâm học tập. Nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, tạo môi trường cho người học yên tâm và có được niềm say mê học tập đã được áp dụng và cho hiệu quả rõ rệt. Đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người học. Người học được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, được chăm sóc sức khỏe thường xuyên và được đảm bảo an toàn trong học tập và sinh hoạt. Nhà trường, Khoa đã quan tâm đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của sinh viên có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong ký túc xá của khoa cũng như của toàn trường nói chung tốt.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá hiệu quả của các hoạt động thu hút người học và chưa có các tài liệu để hướng dẫn người học về các chính sách thu hút người học vào quá trình đào tạo. Chưa tiến hành việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của CVHT trong việc cung cấp thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra. Chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Chưa tổ chức khảo sát ý kiến của

sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao. Chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được sinh viên tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho sinh viên chương trình CKCTM. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015 và những năm tiếp theo, Khoa Cơ khí sẽ tiếp tục tổ chức các buổi tư vấn và tiến hành khảo sát lấy ý kiến người về vai trò của CVHT với việc đáp ứng nhu cầu thông tin tới người học. Tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo. Tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập chương trình CKCTM. Nhà trường tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

Tiêu chuẩn 7. Trang thiết bị, cơ sở vật chất

1. Những điểm mạnh

Trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học được trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại, đạt tiêu chuẩn (bàn ghế, máy chiếu, hệ thống điện,...). Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý. Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa trang thiết bị. Năm học 2013 – 2014, Nhà trường kết hợp với Khoa thực hiện bố trí phòng làm việc cho từng giảng viên của các khoa chuyên môn, các bộ môn phù hợp và tương đối đầy đủ.

2. Những tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu cũng như chất lượng phục vụ thư viện.

Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính thực hiện chưa tốt.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện. Trong năm học 2014 – 2015, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính. Bổ sung hướng dẫn sử dụng các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài... còn thiếu.

Tiêu chuẩn 8. Đảm bảo chất lượng quá trình giảng dạy/học tập

1. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo liên tục được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

2. Những tồn tại

Chương trình đào tạo CKCTM chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện. Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo CKCTM. Tổ chức lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội, dự kiến tổ chức lần tiếp theo vào năm 2015. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng do tăng số lượng điều tra.

III. ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ CÁC TIÊU CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY.

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Sứ mạng của trường ĐH KTCN là đào tạo nguồn nhân lực trình trong các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, trong đó đặc biệt chú trọng vào nhóm ngành Cơ khí với chuyên ngành CKCTM đóng vai trò mũi nhọn. Trên cơ sở sứ mạng của Nhà trường, Nhà trường và khoa Cơ khí đã chủ động xây dựng chương trình đào tạo CKCTM tập trung theo hướng tiếp cận yêu cầu thực tế xã hội đặt ra. Các chuẩn mực kiến thức, kỹ năng đã được xây dựng phù hợp với thực tế quá trình đào tạo và được công bố đến cán bộ, giảng viên, sinh viên trong khoa và công khai trên Website của khoa và Nhà trường. Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu trong từng thời điểm; đảm bảo cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Trong chương trình đào tạo, các kỹ năng thực hành, thực tập đã được thể hiện rõ trên từng học phần, từng modul. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo CKCTM cũng đã được xây dựng và công bố công khai trên các trang Web của khoa và Nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu của xã hội.

Từ khóa: mục tiêu của chương trình đào tạo, xác định, phù hợp, sứ mạng, yêu cầu xã hội.

1. Mô tả

Sứ mạng của trường ĐH KTCN là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học; tổ chức phối hợp nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước trên các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ phục vụ sự nghiệp

phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc [H1.01.01.01].

Mục tiêu của chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành CKCTM được xây dựng trên cơ sở sứ mạng của Nhà trường: "Đào tạo kỹ sư CKCTM có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực CKCTM; có khả năng áp dụng, tổ chức triển khai các kiến thức chuyên môn vào sản xuất công nghiệp cũng như các lĩnh vực ứng dụng khác". Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các công ty, nhà máy, xí nghiệp cơ khí chế tạo hoặc trong các lĩnh vực kỹ thuật khác; các cơ sở đào tạo và nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực cơ khí [H1.01.01.02]; [H1.01.02.01].

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đã được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của xã hội thể hiện ở:

- Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM góp phần quan trọng trong việc cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực đại học và sau đại học có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

- Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của xã hội và các bên liên quan.

- Chương trình đào tạo CKCTM được xây dựng căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và các văn bản quy định cụ thể của Trường ĐH KTCN. Nhà trường đã thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo, Hội đồng Khoa học Nhà trường và Hội đồng khoa học Khoa. Chương trình đào tạo liên tục được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội và được Hiệu trưởng Trường ĐH KTCN ký chính thức ban hành sau khi có sự thông qua và phê chuẩn của Hội đồng khoa học Nhà trường [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

- Mục tiêu chương trình đào tạo CKCTM được phổ biến chi tiết tới từng giảng viên thông qua các cuộc họp Bộ môn và Khoa, được công bố trên Website của Nhà trường, được phổ biến tới sinh viên trong Khoa thông qua các buổi sinh

hoạt lớp và học tập chính trị đầu khóa cũng như trên Website của khoa và giới thiệu tư vấn tuyển sinh khi sinh viên đầu khóa nhập học [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09].

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng của Nhà trường và mục tiêu đào tạo chương trình CKCTM được xác định rõ ràng và công bố rộng rãi trong Nhà trường cũng như ngoài xã hội. Được xác định là một chuyên ngành trọng tâm của nhà trường phục vụ quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nên từ khi mới thành lập cho đến nay, nhà trường và khoa Cơ khí luôn quan tâm đến việc duy trì mục tiêu của chương trình đào tạo, thăm dò về các yêu cầu của nhà tuyển dụng, của xã hội để có những điều chỉnh phù hợp.

3. Những tồn tại

Mục tiêu chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đã được điều chỉnh, tuy nhiên đôi khi còn chậm hơn so với các yêu cầu của sản xuất thực tế cũng như đòi hỏi ngày càng cao của các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015, Nhà trường và Khoa tiếp tục tổ chức rà soát, nghiên cứu, điều chỉnh nội dung, mục tiêu chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đảm bảo sát hơn với các yêu cầu thực tế của người tuyển dụng.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của chương trình đào tạo xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được

Từ khóa: mục tiêu, xác định, chuẩn mực, cần đạt được

1. Mô tả

Chương trình đào tạo CKCTM có mục tiêu rõ ràng, cụ thể: đào tạo ra các kỹ sư có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực Cơ khí chế tạo máy. Chương trình này là cơ sở cho quá trình tự học và phát triển toàn diện của người học; tạo cho họ khả năng áp dụng, tổ chức triển khai các kiến thức

chuyên môn vào sản xuất công nghiệp thực tế cũng như các ứng dụng khác [H1.01.02.01].

Để đạt được các mục tiêu chung này, người học ở chương trình đào tạo CKCTM được thực hiện theo các chuẩn sau:

Về kiến thức: Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, tin học và các phần mềm nhằm phục vụ ngành đào tạo; Kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc, cách tính toán thiết kế các chi tiết máy; Khả năng áp dụng quy trình công nghệ gia công chi tiết, triển khai các dự án phát triển sản phẩm; Thực hiện các chức năng quản trị như: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, vận hành, khai thác các máy móc, thiết bị cũng như bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị; Kiến thức về quá trình sản xuất công nghiệp cũng như các mối quan hệ kinh tế - kỹ thuật giữa các công đoạn trong quá trình, ...

Về kỹ năng: Có thể xây dựng kế hoạch, lập dự án sản xuất, tham gia tổ chức, điều hành và chỉ đạo sản xuất; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp, dây chuyền sản xuất và trang thiết bị công nghệ thuộc lĩnh vực cơ khí; Vận hành, khai thác, bảo trì các trang thiết bị công nghệ thuộc lĩnh vực cơ khí; Trình bày, giải đáp và phản biện các vấn đề thuộc lĩnh vực cơ khí; Kỹ năng cộng tác trong các nhóm; Kỹ năng nhận biết xác định và giải quyết các vấn đề kỹ thuật; Kỹ năng giao tiếp kỹ thuật, ...

Về thái độ: Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có khả năng làm việc nhóm; có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo; biết phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, ...

Mục tiêu chung của chương trình CKCTM là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra của ngành để đo lường, đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu xã hội. Từ đó, làm cơ sở để xây dựng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong đề cương từng môn học về kiến thức, thái độ, kỹ năng mà người học cần đạt được [H1.01.02.02]. Mục tiêu chung của chương trình học và mục tiêu riêng của mỗi môn học trong chương trình CKCTM đã được các thành viên hội đồng

trong các hội nghị về xây dựng chương trình đào tạo nhận xét, thảo luận, đánh giá [H1.01.02.03], [H1.01.02.04].

Các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần thu được được công bố rộng rãi cho các giảng viên và sinh viên. Trước khi bắt đầu mỗi khóa học, các giảng viên của khoa giới thiệu cho sinh viên về các chuẩn này, dùng các chuẩn này để đối chiếu trong quá trình học.

Dù mục tiêu chung của chương trình đào tạo CKCTM đã chú trọng đến kỹ năng cho người học như thành thạo sử dụng máy tính và tiếng Anh. Tuy nhiên, những kỹ năng mềm còn chưa được đưa nhiều vào chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo có chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng và thái độ rõ ràng và phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Kể từ những ngày đầu đào tạo đến nay, đã có hàng chục nghìn kỹ sư (đại học, cao đẳng), kỹ thuật viên, thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp chuyên ngành CKCTM ra trường và luôn nhận được sự chào đón nồng nhiệt của thị trường lao động.

3. Những tồn tại

Chưa cung cấp được nhiều kỹ năng mềm cho người học chương trình đào tạo CKCTM, đặc biệt là việc thể hiện kỹ năng này trong chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới, Nhà trường và Khoa Cơ khí sẽ bổ sung những nội dung đào tạo, rèn luyện kỹ năng mềm thông qua hoạt động giảng dạy một số học phần, các cuộc thi sáng tạo, các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo CKCTM tự tin hơn nữa khi ra trường xin việc.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá, điều chỉnh và bổ sung.

Từ khóa: chương trình đào tạo, định kỳ đánh giá, điều chỉnh, bổ sung

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM theo hệ thống tín chỉ bắt đầu được đưa vào giảng dạy từ học kỳ I năm học 2006 – 2007 cho hai khóa K41, K42 với 180 tín chỉ. Đến học kỳ I năm học 2008 – 2009 (khóa K43), Nhà trường đã hoàn thành tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong phạm vi toàn trường, số tín chỉ của chương trình đào tạo được rút xuống là 150. Năm 2000, Nhà trường đã công bố khung chương trình CKCTM theo niên chế, người học phải tích lũy 280 ĐVHT. Đến năm 2008, Nhà trường đã triển khai và thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM cho khóa K40, K41, K42 với tổng tín chỉ người học phải tích lũy là 180 tín chỉ [H1.01.03.01]. Đến năm 2009 kèm theo quyết định số 509/QĐ-ĐT, ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Hiệu trưởng trường ĐH KTCN, Nhà trường công bố chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM với tổng số tín chỉ mà người học phải tích lũy là không quá 155 tín chỉ, áp dụng cho khóa K43 trở đi. Trong khoảng thời gian này, Nhà trường và Khoa Cơ khí chưa công bố tiêu chuẩn kiểm định chất lượng nên khoa Cơ khí và Nhà trường chưa có căn cứ để tiến hành các hoạt động đánh giá chương trình đào tạo.

Từ năm 2008 theo quy định của Đại học Thái Nguyên, Nhà trường chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong đó, khối kiến thức đại cương và khối giáo dục chuyên nghiệp được linh động điều chỉnh tăng giảm theo điều kiện thực tiễn, cụ thể như sau:

Bảng 1: Khối kiến thức quy định theo hình thức đào tạo

	2009 (TC)		2011 (TC)	
1. Kiến thức đại cương	45		50	
2. Kiến thức cơ sở khối ngành	39		33	
3. Kiến thức cơ sở ngành	27		31	
4. Kiến thức chung của chuyên ngành	32		31 (29)	
5. Thực tập môn học, tốt nghiệp, KL	10		10	
Tổng	153		155(153)	

Sau 2 năm đưa vào áp dụng, năm 2011 Nhà trường tiến hành rà soát lại và điều chỉnh một số phần kiến thức của chương trình CKCTM như sau:

Kiến thức đại cương điều chỉnh bằng cách chia học phần Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin thành 2 học phần học trong 2 học kỳ, sắp xếp các học phần thay đổi trong các học kỳ đầu như môn học Đại cương về kỹ thuật, Tiếng việt thực hành.

Kiến thức chuyên ngành chính điều chỉnh thay đổi tổng số lượng tín chỉ, chuyển vị trí một số môn học phần từ kiến thức chuyên ngành sang phần kiến thức chung. Đặc biệt, trong lần điều chỉnh này, Nhà trường gia tăng số học phần tự chọn, tạo điều kiện thuận lợi cho người học vì có thể lựa chọn môn học phù hợp với khả năng [H1.01.03.02].

Năm 2013, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát và điều chỉnh lại khối lượng kiến thức giữa các phần, số tín chỉ của học phần tự chọn không chỉ giới hạn trong phần kiến thức chuyên ngành mà còn cả trong phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chung. Điều đó khẳng định sinh viên ngày càng làm chủ kế hoạch học tập và làm chủ kiến thức của mình, đúng như tinh thần của hình thức đào tạo theo tín chỉ [H1.01.03.03].

Như vậy, cứ định kỳ sau 2 năm thực hiện thì chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM lại được đánh giá, điều chỉnh, bổ sung từ cấp Bộ môn, Hội đồng Khoa học của Khoa và sau đó được Hội đồng khoa học nhà trường xét duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy trình cụ thể về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đã được đánh giá, điều chỉnh bổ sung định kỳ. Việc thực hiện chương trình linh hoạt, giúp sinh viên làm chủ kế hoạch học tập của mình và chủ động xác định thời điểm ra trường. Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức (cơ bản, cơ sở, chuyên môn) nhằm đào tạo ra những kỹ sư không chỉ có chuyên môn giỏi mà còn có cả phẩm chất đạo đức, lối sống tốt.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có các quy định về quy trình cụ thể về đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015, Nhà trường xây dựng, ban hành quy trình về hoạt động đánh giá, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội

Từ khoá: chuẩn đầu ra, đáp ứng, thị trường lao động/ xã hội

1. Mô tả

Năm 2013, Nhà trường lần đầu tiên công bố chuẩn đầu ra cho tất cả các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra xây dựng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Cũng trong năm 2013, Nhà trường chủ động tiến hành rà soát lại chuẩn đầu ra cho phù hợp hơn. Đến nay chuẩn đầu ra chương trình đào tạo CKCTM của khoa Cơ khí đã xác định yêu cầu cụ thể đối với 3 nhóm yếu tố [H1.01.04.01], [H1.01.04.02] về:

- *Kiến thức*: Sử dụng các kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong doanh nghiệp.

- *Kỹ năng*: Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp; khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh kinh doanh, dám đương đầu với thử thách.

- *Phẩm chất đạo đức*: có trách nhiệm công dân; ý thức tổ chức kỷ luật, tự tin, linh hoạt, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, hiểu biết vai trò của chuyên ngành CKCTM trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Thực hiện hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo CKCTM vào năm 2013 và thực hiện như sau:

- *Họp, hội thảo*: Khoa tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai; đề xuất các ý kiến được tham

khảo từ chuyên gia; đề xuất các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức tương ứng với ngành đào tạo để có danh mục chuẩn đầu ra của ngành, hướng tới sản phẩm đào tạo cụ thể theo định hướng nghề nghiệp.

- *Lấy ý kiến*: Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin từ các đối tượng bao gồm: giảng viên, chuyên gia đào tạo, cán bộ và lãnh đạo phòng nhân sự, trưởng các bộ phận của đơn vị sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp.

Trên cơ sở chuẩn đầu ra đã được công bố, Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh, xây dựng lại chương trình đào tạo CKCTM. Chương trình đào tạo CKCTM có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Chuẩn đầu ra chương trình CKCTM đã đáp ứng được nhu cầu xã hội, tuy nhiên các hoạt động đánh giá, điều chỉnh mục đích, mục tiêu của chương trình đào tạo còn chưa chủ động, chưa có kế hoạch cụ thể.

2. Những điểm mạnh

- Chuẩn đầu ra cụ thể, chi tiết, xây dựng đúng quy trình.
- Phù hợp với chương trình đào tạo, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.

3. Những tồn tại

Chưa có kế hoạch cụ thể trong việc điều chỉnh để chuẩn đầu ra chương trình Cơ khí chế tạo máy đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015, Khoa Cơ khí kết hợp với Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình CKCTM.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Kết luận tiêu về tiêu chuẩn 1:

- Mục tiêu của chương trình đào tạo CKCTM được xác định phù hợp với sứ mạng của Nhà trường cũng như các yêu cầu của xã hội.

- Mục tiêu của chương trình đào tạo CKCTM đã xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được.

- Chương trình đào tạo CKCTM thường xuyên được đánh giá, điều chỉnh và bổ sung với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu xã hội.

- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo CKCTM đã cơ bản đáp ứng tốt các yêu cầu và nhu cầu của thị trường lao động, xã hội, được xã hội tin tưởng sử dụng và đánh giá cao.

TIÊU CHUẨN 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Từ những năm đầu thành lập Trường, chương trình đào tạo CKCTM đã được khoa và Nhà trường xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của các trường ĐH lớn trong nước cũng như các trường ĐH ở nước ngoài. Trên cơ sở chuẩn đầu ra, các văn bản quy định cũng như các văn bản hướng dẫn của các Bộ – Ban – Ngành, khoa và Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo CKCTM đảm bảo sự cân đối và liên kết chặt chẽ giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết khác. Các khối kiến thức này liên tục được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn nữa các yêu cầu của xã hội. Các học phần của chương trình đào tạo có sự logic bổ sung cho nhau, liên kết chặt chẽ với nhau thông qua các học phần học trước, học phần tiên quyết,... Nội dung chương trình đào tạo CKCTM đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành cũng như nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo CKCTM được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo đảm bảo người học có thể học đồng thời nhiều chương trình trong một thời điểm cũng như học tập nâng cao sau đại học. Chương trình đào tạo CKCTM được thiết kế mềm dẻo nhằm giúp người học có khả năng lựa chọn các học phần, tự hoạch định tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá và thời gian học tập phù hợp.

Tiêu chí 2.1: Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ khóa: xây dựng chuẩn đầu ra, phù hợp, quy định.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM của Trường ĐH KTCN đã được xây dựng từ những năm đầu khi thành lập Trường.

Căn cứ Quyết định số 18/ĐHKTCN-KT&ĐBCLGD ngày 19/3/2012 của Hiệu trưởng Nhà trường về việc cử 70 cán bộ tập huấn chuẩn đầu ra tại Trung tâm học liệu – Đại học Thái Nguyên, đến 10/4/2012 Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo nhằm

rà soát lại chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM và các chương trình đào tạo khác đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra mà Nhà trường vừa mới ban hành [H02.02.01.01], [H02.02.01.02].

Chương trình chuyên ngành CKCTM được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT. Việc xây dựng chương trình đào tạo này có sự tham gia của các thành viên hội đồng khoa học khoa, các giảng viên và các chuyên gia đào tạo. Quá trình xây dựng được tuân thủ theo quy trình như sau: Căn cứ chương trình khung của Bộ GD&ĐT đồng thời trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các chuyên gia đào tạo, nhu cầu học tập của xã hội, chuẩn đầu ra đã được ban hành, Hội đồng Khoa học khoa Cơ khí tiến hành xây dựng khung chương trình và đề cương các học phần. Khung chương trình đào tạo được thông qua Hội đồng Khoa học Khoa, sau đó được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thẩm định, đóng góp ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện và trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H02.02.01.03], [H02.02.01.04], [H02.02.01.05].

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được rà soát với sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành trong lĩnh vực CKCTM, các nhà tuyển dụng, chuyên gia đào tạo, cựu sinh viên và giảng viên. Số lượng các học phần chuyên môn đã được tăng lên đáng kể. Sinh viên phải tự tích lũy kiến thức tiếng Anh để đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Những tồn tại

Số lượng học phần các học phần tự chọn bổ trợ kiến thức cho các học phần chuyên môn theo hướng chuyên sâu CKCTM chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, tăng số lượng các học phần tự chọn bổ trợ kiến thức cho các học phần chuyên môn, giảm số lượng các học phần cơ bản (các học phần tiếng Anh theo hướng tự học, tự tích lũy và thi đạt chuẩn theo yêu cầu) và cơ sở cho cân đối với chương trình đào tạo.

5. Kết quả tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Chương trình đào tạo đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết khác.

Từ khóa: cân đối, các khối kiến thức, kỹ năng

1. Mô tả

Chương trình được thiết kế đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức, được sắp xếp một cách có hệ thống: Khối kiến thức học những năm đại cương 46/153 tín chỉ chiếm tỷ lệ 30,06%, khối kiến thức học khi đã phân chuyên ngành 107/153 tín chỉ chiếm tỷ lệ 69,94% [H02.02.02.01].

Chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành. Chương trình chuyên ngành CKCTM có đầy đủ đề cương chi tiết các môn học, đảm bảo công tác giảng dạy của các giảng viên trong mỗi môn học được thống nhất. Cụ thể: Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM chính quy được thiết kế cho 5 năm học với tổng số tín chỉ toàn khóa là 153 tín chỉ. Khối kiến thức đại cương 46/153 tín chỉ chiếm 30,06%; khối kiến thức cơ sở của khối ngành 70/153 tín chỉ chiếm 45,7%; khối kiến thức chuyên ngành 25/153 tín chỉ chiếm tỷ lệ 16,3%, Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp 12/153 tín chỉ chiếm 7,8%, không bao gồm tín chỉ GDTC và GDQP [H02.02.02.02].

Mỗi khối kiến thức của chương trình đều được rà soát, thiết kế một cách cân đối giữa các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, điều này làm tăng sự phong phú đa dạng về các học phần trong chương trình, giúp sinh viên có điều kiện mở rộng kiến thức, có điều kiện lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Các học phần đều có yêu cầu tiên quyết/học trước theo thứ tự trước sau đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống và tính linh hoạt của chương trình đào tạo [H02.02.02.03].

Chương trình đã thể hiện cấu trúc hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học, đồng thời đảm bảo các chuẩn đầu ra về kỹ năng của chuyên ngành, kỹ năng ngoại ngữ-tin học.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM được sắp xếp các học phần logic, cân đối hợp lý giữa các khối kiến thức, tỷ lệ phần trăm giữa các khối phù hợp với tổng thể chương trình.

3. Những tồn tại

Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM chưa thể hiện, lồng ghép được nhiều các kỹ năng mềm để phục vụ tốt hơn cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015, Khoa Cơ khí sẽ rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, giáo án nên cần bổ sung, thể hiện thêm kỹ năng mềm, cụ thể hóa hơn kỹ năng mềm trong từng giáo án, đề cương chi tiết và bổ trợ kỹ năng mềm cho sinh viên năm cuối [H02.02.02.04].

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Các môn học có sự logic bổ sung cho nhau

Từ khóa: các môn học, logic, bổ sung

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành chuyên ngành CKCTM được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các khối kiến thức được sắp xếp một cách có hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của người học. Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM được thiết kế đảm bảo phù hợp về thời lượng, số tín chỉ, nội dung giảng dạy. Các môn học được tổ hợp có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng, vừa ở mức độ cơ bản, vừa ở mức nâng cao [H02.02.02.02].

Các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung như: mô tả tóm tắt nội dung môn học, môn học tiên quyết, môn học song hành, môn học học trước, ... đảm bảo tính logic và thống nhất trong chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu trong công tác giảng

dạy [H02.02.03.01], [H02.02.03.02], [H02.02.03.03], [H02.02.03.04], [H02.02.03.05].

Các môn học có nội dung kế thừa để phát triển các kiến thức học được từ bậc học trước và các môn đã học trong chương trình đào tạo. Tỷ lệ giữa lý thuyết, thực hành và tự học phân bổ hợp lý theo mục tiêu của môn học. Hằng năm, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của người học đánh giá các môn học trong chương trình đào tạo của Khoa cơ khí trước khi sinh viên tốt nghiệp .

2. Những điểm mạnh

Các môn học đều có đề cương chi tiết, có yêu cầu tiên quyết/học trước theo thứ tự trước, sau đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống, logic và sự bổ sung cho nhau của cả chương trình đào tạo.

3. Những tồn tại

Khoa chưa lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015, Khoa tổ chức lấy ý kiến đánh giá tính logic giữa các môn học trong chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, chuyên ngành và nhu cầu xã hội.

Từ khóa: nội dung, phù hợp, mục tiêu, nhu cầu xã hội.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành CKCTM là đào tạo kỹ sư chế tạo máy có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức khoa học cơ bản, kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực CKCTM. Chương trình này là cơ sở cho quá trình tự học và phát triển toàn diện của người học; tạo cho họ khả năng áp dụng, tổ chức triển khai các kiến thức chuyên môn vào sản xuất công nghiệp cũng như các ứng dụng khác.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp làm các công việc kỹ thuật hoặc quản lý, điều hành sản xuất trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp cơ khí chế tạo hoặc trong các lĩnh vực kỹ thuật khác; các cơ sở đào tạo và nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực cơ khí. Đây là những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học. Đây cũng chính là tiêu chuẩn xã hội sử dụng để đánh giá kết quả đào tạo của nhà trường trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mà sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM [H02.02.02.01].

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM được xây dựng trên cơ sở khung chương trình của bộ GD&ĐT ban hành, có đề cương chi tiết, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống, có sự liên thông giữa các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Trong chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM tất cả các môn học đều có đề cương chi tiết trong đó quy định rõ tên học phần, thời lượng, phân bổ thời gian (tỉ lệ phân lý thuyết, thực hành), điều kiện tiên quyết, mục tiêu, mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ của sinh viên, tài liệu học tập tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, nội dung chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy được xây dựng và phê duyệt theo kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường [H02.02.02.01], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.04.01].

2. Những điểm mạnh

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM phù hợp với yêu cầu lựa chọn nghề nghiệp của người học và nhu cầu nhân lực thị trường lao động trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay.

3. Những tồn tại

Nhà trường và Khoa chưa khảo sát được nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên, hai năm một lần Khoa Cơ khí tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội với người học tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM để điều chỉnh phù hợp với nhu cầu học tập của xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo.

Từ khóa: thiết kế, liên thông, hợp lý, trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM được thiết kế các chương trình giáo dục liên thông dọc và liên thông ngang. Đối với những cá nhân đã tốt nghiệp cao đẳng ngành CKCTM thì không phải học kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở và kiến thức cơ sở của ngành chính, học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 65 tín chỉ. Đối với những cá nhân đã tốt nghiệp cao đẳng các ngành khác chương trình đào tạo CKCTM nhưng thuộc khối ngành Cơ khí thì phải học 4 học phần chuyển đổi là Rô bốt Công nghiệp, Cơ điện tử, Các quá trình gia công, Kỹ thuật đo lường 2, sau đó học kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với 65 tín chỉ. Bên cạnh đó, cá nhân đang học chương trình một tại trường được đăng ký học cùng lúc chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM. Chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đã được thiết kế liên thông ngang và liên thông dọc một cách hợp lý và khoa học [H02.02.05.01], [H02.02.05.02].

Các môn học trong chương trình đào tạo liên thông chuyên ngành CKCTM được thiết kế theo nguyên tắc mềm dẻo, phát triển theo hướng kế thừa và tích hợp theo nguyên tắc bù đắp những khối lượng kiến thức còn thiếu và kiến thức cập nhật mới phù hợp với thực tế xã hội, để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở trình độ Cao đẳng. Dựa trên sự kế thừa kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, người học tiếp tục học thêm 65 tín chỉ trong chương trình đào tạo liên thông CKCTM bao gồm kiến thức chung của ngành chính và kiến thức chuyên sâu của ngành chính. Các môn học

giúp sinh viên có được kiến thức chuyên môn cơ sở và nâng cao về cơ khí chế tạo máy, có tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật.

Chương trình đào tạo đảm bảo liên thông hợp lý giữa các phương thức tổ chức đào tạo. Đối với chuyên ngành CKCTM, chương trình đào tạo được thực hiện theo phương thức đào tạo học chế tín chỉ.

2. Những điểm mạnh

Đảm bảo liên thông dọc và liên thông ngang giữa các trình độ và phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt.

3. Những tồn tại

Chưa tiến hành rà soát, bổ sung các học phần mới trong chương trình đào tạo khi tổ chức đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2014 – 2015, Khoa tiến hành rà soát, bổ sung các học phần mới trong chương trình đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 2

Tiêu chí 2.6: Chương trình đào tạo mềm dẻo nhằm giúp người học có khả năng lựa chọn môn học, tiến độ học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá và thời gian học tập phù hợp.

Từ khóa: chương trình đào tạo mềm dẻo, lựa chọn môn học, phù hợp

1. Mô tả

Trong chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành CKCTM, người học phải học khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các môn học thay thế Đồ án tốt nghiệp gồm Dụng cụ cắt 2, Máy công cụ 2, Công nghệ Chế tạo máy 2, Đồ án Kỹ thuật và Giới thiệu Vật liệu Composite. Sinh viên được lựa chọn các môn học trong danh mục môn học của từng học kỳ và đăng ký trên phần mềm Edusoft.

Về tiến độ học tập, sinh viên được lựa chọn tối thiểu 10 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ trong một học kỳ tùy thuộc khả năng học tập. Sau mỗi học kỳ, nhà trường thành lập Hội đồng đánh giá kết quả học tập của sinh viên và có các hình thức

nhắc nhở, cảnh báo để sinh viên quan tâm, chú trọng học tập và tốt nghiệp theo đúng tiến độ [H02.02.06.01].

Đối với phương pháp kiểm tra và đánh giá, công tác tổ chức thi và đánh giá việc học của sinh viên một cách chặt chẽ, nghiêm túc và khách quan. Phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần đa dạng, phù hợp với mục tiêu của học phần, khuyến khích người học chủ động trong học tập và phản ánh đúng năng lực của người học, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên gồm kiểm diện, minh chứng tham gia semina, làm việc nhóm, trắc nghiệm, bài tập. Đánh giá định kỳ bao gồm kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ. Đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp được phép lựa chọn các học phần học thay thế như trên.

Đối với khả năng lựa chọn thời gian học tập, người học theo hình thức học chế tín chỉ được lựa chọn thời gian học ban ngày, tập trung liên tục tại trường, sau khi kết thúc khoá học, nếu đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp của hệ chính quy, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy. Đối với sinh viên hệ phi chính quy theo hình thức học chế tín chỉ, thời gian học được sắp xếp phù hợp với nhu cầu và đặc thù của người học.

2. Những điểm mạnh

- Sinh viên được lựa chọn học phần trong danh mục các học phần của từng học kỳ.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học, giúp người học chủ động và tích cực trong học tập.

3. Những tồn tại

Chưa có nhiều lựa chọn về phương pháp kiểm tra, đánh giá định kỳ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giai đoạn 2013 – 2015, Khoa Cơ khí rà soát đề cương môn học chi tiết, trong đó đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa học phần.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

- Trên cơ sở chuẩn đầu ra, các văn bản quy định cũng như các hướng dẫn của các Bộ – Ban – Ngành, khoa và Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo CKCTM đảm bảo sự cân đối và liên kết chặt chẽ giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành.

- Các học phần của chương trình đào tạo có sự logic bổ sung cho nhau, liên kết chặt chẽ với nhau.

- Nội dung chương trình đào tạo CKCTM đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo cũng như nhu cầu xã hội.

- Chương trình đào tạo CKCTM được thiết kế theo hướng liên thông giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo.

- Chương trình đào tạo CKCTM được thiết kế mềm dẻo giúp người học có khả năng lựa chọn các học học, tự hoạch định tiến độ học tập.

TIÊU CHUẨN 3: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Khác với đào tạo học phần niên chế, đào tạo theo học chế tín chỉ lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo. Thời gian học tập của người học được quy định thay đổi trong phạm vi từ 3,5 đến 8 năm, do đó người học có thể tự hoạch định được kế hoạch học tập của mình. Do tổng số tín chỉ cần tích lũy của chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ nhỏ hơn nhiều so với tổng số học trình theo hình thức đào tạo niên chế trong khi khối lượng kiến thức không hề giảm, do đó các phương pháp giảng dạy và học tập cũng được thay đổi để đáp ứng yêu cầu. Ngoài thời gian học tập trên lớp, sinh viên phải làm bài tập và tự học ở nhà với thời gian tương ứng là 1 : 3. Để đảm bảo tổ chức đào tạo hoạt động hiệu quả, đội ngũ tư vấn đóng vai trò rất quan trọng. Nhận thức rõ vấn đề này, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tư vấn sinh viên, trực tiếp là các GVCN và các trợ lý khoa, BCN khoa cũng như các hướng dẫn khi thực hiện chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo CKCTM đã tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân thông qua các buổi thảo luận, thực tập, thăm quan, kiến tập,...

Tiêu chí 3.1: Chương trình đào tạo áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm.

Từ khóa: áp dụng, phương pháp, người học làm trung tâm

1. Mô tả

Phương pháp giảng dạy là một trong những yêu cầu quan trọng đối với giảng viên. Đối với mỗi đối tượng người học và hình thức học tập khác nhau, phương pháp giảng dạy cũng phải có sự khác nhau. Vì vậy, Khoa Cơ khí đã có hội nghị thảo luận về phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp theo hướng lấy người học làm trung tâm. Nhà trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn cho giảng viên về đổi mới phương pháp dạy học, Nhà trường đã tổ chức khóa tập huấn kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Sau 7 năm áp dụng hình thức đào tạo tín chỉ, Nhà trường đã mở hội nghị tổng kết, rút kinh

nghiệm về công tác này, trong Hội nghị này, Khoa Cơ khí có tham luận về đổi mới phương pháp đào tạo cho phù hợp hình thức đào tạo tín chỉ.

Khoa Cơ khí đã quán triệt giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ công cụ giảng dạy gồm: bài giảng, đề cương, giáo trình, tài liệu tham khảo. Đối với từng môn học, các bộ môn chú trọng tới công tác xây dựng đề cương với sự thống nhất của các giảng viên dạy cùng môn học. Dựa trên hướng dẫn tập huấn của Nhà trường về việc xây dựng đề cương, giảng viên giảng dạy các môn học đã có đề cương, theo đó, nội dung của đề cương chỉ rõ phần nào sinh viên tự nghiên cứu, phần nào được giảng viên trình bày trên lớp, các tài liệu sinh viên cần tìm phục vụ cho môn học được chỉ rõ trong quyển bài giảng phát cho sinh viên.

Nhận thức sự cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, giảng viên đã áp dụng bằng nhiều hình thức khác nhau: giảng viên nêu câu hỏi gợi mở, tăng cường trao đổi hai chiều giữa sinh viên với giảng viên; thuyết trình, thảo luận nhóm (số người trong nhóm thảo luận tùy thuộc vào tính chất của môn học), Seminar, trao đổi thông tin giữa thầy và trò qua diễn đàn khoa Cơ khí [<http://mea.tnut.edu.vn/www/forum/forum.php>].

Để nâng cao chất lượng công tác dạy và học tập, Phòng Thanh tra khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với Khoa Cơ khí đã thực hiện đúng quy trình lấy ý kiến người học đối với giảng viên giảng dạy, ít nhất mỗi giảng viên dạy trong học kỳ có một lần được đánh giá. Phòng Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện lấy ý kiến phản hồi của sinh viên. Trong đó, tiêu chí phương pháp giảng dạy của giảng viên được đánh giá là một trong những tiêu chí quan trọng. Kết quả đánh giá từ người học được Phòng Thanh tra khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thông báo trực tiếp tới từng giảng viên. Bên cạnh đó, từng bộ môn triển khai công việc dự giờ trực tiếp cho từng giảng viên, có biên bản đánh giá công tác giảng dạy [H3.03.02.01].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giảng viên theo hướng lấy người học làm trung tâm. Khoa Cơ khí đã có hội nghị thảo luận về phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp theo hướng lấy người

học làm trung tâm. Các Bộ môn thường xuyên tổ chức giảng chuyên môn theo phương pháp giảng dạy mới cho các giáo viên, thành lập các nhóm chuyên môn để trao đổi những kiến thức về chuyên môn của từng môn học nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

3. Những tồn tại

Việc áp dụng phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm vẫn chưa phát huy được tác dụng của phương pháp này bởi lẽ sinh viên vẫn chưa có tính chủ động trong việc học tập đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015, Khoa Cơ khí tiếp tục chỉ đạo cho các giảng viên giảng chuyên môn ở Bộ môn và Khoa để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đặc biệt đối với giảng viên trẻ. Đối với sinh viên, thúc đẩy tính tự học của sinh viên bằng cách giao bài tập cho sinh viên làm ở nhà theo quy định về đào tạo tín chỉ là một tiết học trên lớp bằng hai tiết học ở nhà và giáo viên có trách nhiệm kiểm tra và đánh giá mức độ hoàn thành của sinh viên. Tăng cường tương tác giữa giảng viên và sinh viên thông qua Elearning để cải thiện chất lượng dạy và học [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4

Tiêu chí 3.2: Người học được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập

Từ khóa: tư vấn, hướng dẫn, chiến lược học tập

1. Mô tả

Với đa số sinh viên của Nhà trường nói chung, sinh viên khoa Cơ khí nói riêng, sinh sống tại khu vực miền núi, vẫn quen với hình thức học tập theo học chế niên chế, chưa thích ứng phương pháp học tập theo học chế tín chỉ. Để giúp sinh phát huy việc học tập có hiệu quả, sinh viên được tư vấn, hướng dẫn thông qua cuốn Sổ tay sinh viên và được sự giúp đỡ của CVHT (giáo viên chủ nhiệm). Cuốn Sổ tay sinh viên được phát tới tận tay sinh viên với nội dung cuốn sách gồm 3 phần. Phần thứ nhất, giới thiệu chung về Trường ĐH KTCN; phần thứ hai, giới thiệu về quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, gồm những quy định

chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét công nhận tốt nghiệp, xử lý vi phạm và điều khoản thi hành; phần thứ ba, giới thiệu về chương trình đào tạo bậc đại học theo học chế tín chỉ với chi tiết từng môn học, mỗi môn học có số lượng tín chỉ, được giảng dạy ở học kỳ nào, năm thứ bao nhiêu [H1.01.03.03]. Đối với cố vấn học tập có Sổ tay giảng viên, bao gồm 5 phần: phần một, những vấn đề chung; phần hai, các quy chế và quy định công tác đào tạo; phần ba, các quy chế và quy định trong công tác học sinh, sinh viên; phần bốn, các chương trình đào tạo trình độ đại học; phần năm, các học phần thay thế của chương trình đào tạo 150 tín chỉ cho chương trình đào 180 tín chỉ [H1.01.03.02].

Theo quyết định số 379/QĐ-HSSV, ngày 25 tháng 11 năm 2011 về việc ban tư vấn và hỗ trợ sinh viên trường ĐH KTCN [H3.03.02.01]. Theo quyết định số 120/QĐ-ĐHKTCN về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý sinh viên tại trường đại học kỹ thuật công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên [H3.03.02.02].

Năm 2009, Khoa cơ khí đã tổ chức "Hội nghị học tốt năm học 2009 – 2010" nhằm đẩy mạnh phong trào học tập của toàn thể sinh viên Khoa Cơ khí. Ngoài ra, hằng năm, Khoa cơ khí cùng các Bộ môn tổ chức ôn luyện cho các sinh viên xuất sắc tham dự kì thi Olympic cơ học toàn quốc và đã mang lại cho Khoa và Nhà trường có nhiều giải cao về cá nhân và đồng đội [có nhiều cờ giải được treo ở Bộ môn Thiết kế Cơ khí và Bộ môn Cơ học]. Phong trào này đã thúc đẩy cho sinh viên Khoa Cơ khí có được một sân chơi trí tuệ.

Ngoài ra, Khoa Cơ khí hằng năm tổ chức tư vấn cho sinh năm thứ hai về việc lựa chọn chuyên ngành thuộc Khoa Cơ khí. CVHT còn có nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về việc đăng ký học một lúc hai chương trình [H3.03.02.03].

Mỗi giáo viên chủ nhiệm phụ trách CVHT một lớp sinh viên và các lớp sinh viên đều thành lập lên ban cán sự lớp bao gồm: lớp trưởng, lớp phó học tập, lớp phó đời sống, bí thư và phó bí thư. Ban cán sự lớp sẽ giúp cho các bạn cùng lớp sinh viên giúp đỡ nhau việc học tập và hoạt động phong trào của lớp [H3.03.02.04].

Khoa cử một Phó khoa phụ trách quản lý học sinh sinh viên, trợ lý quản lý sinh viên và các giáo viên chủ nhiệm các lớp theo khóa học đồng thời kiêm công tác cố vấn học tập. Để nâng cao hiệu quả chiến lược học tập, hằng năm, từng bộ môn, CVHT đã chấp hành công tác sinh hoạt lớp theo định kỳ, có sự giám sát của đại diện Phòng TTKT&ĐBCL.

2. Những điểm mạnh

Phát huy truyền thống Khoa Cơ khí, thầy và trò luôn nỗ lực trong công việc giảng dạy và học tập một cách hiệu quả. Mỗi giảng viên trong Khoa đều là một cố vấn cho sinh viên khi cần giải đáp thắc mắc của sinh viên.

3. Những tồn tại

Vai trò CVHT chưa phát huy hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015, Nhà trường tổ chức hội nghị công tác CVHT cho các giảng viên.

5. Tự đánh giá: đạt mức 4

Tiêu chí 3.3: Chương trình đào tạo tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân

Từ khóa: cơ hội, học tập, giao lưu, tham gia, phát huy, khả năng

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của chuyên ngành CKCTM quy định rõ số tiết học lý thuyết, số tiết thảo luận, seminars, số tiết tự học, tự nghiên cứu đã giúp cho sinh viên chủ động về khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thực hành, khả năng thuyết trình qua đó phát huy khả năng cá nhân của mỗi sinh viên trong quá trình tham gia học tập [H1.01.02.01]; [H1.01.02.02].

Chương trình đào tạo của chuyên ngành CKCTM tạo ra cơ hội cho người học tiếp cận lý thuyết gắn liền với thực tiễn. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy giảng viên đã đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy giúp người học chủ động giao lưu phát huy các khả năng của bản thân như: diễn giảng, thảo luận nhóm (hội thảo, seminar), tự học, tự nghiên cứu, phương pháp nêu và giải quyết

vấn đề, bài tập tình huống đã được sử dụng nhằm tăng tính chủ động, khả năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề [H1.01.02.02].

Để sinh viên có thêm các kiến thức thực tế trong chương trình đào tạo đã xây dựng nội dung thực tập thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp bên ngoài từ đó đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao của xã hội [H1.01.02.01]; [H3.03.03.01].

Chương trình đào tạo của chuyên ngành CKCTM được cung cấp đến toàn bộ sinh viên có liên quan vào đầu khóa. Khoa và Nhà trường đã công bố chương trình đào tạo đã được cụ thể hoá qua từng học kỳ, theo từng nhóm học phần, có thể hiện mối liên hệ tương hỗ giữa các học phần đã giúp sinh viên dễ dàng lên kế hoạch học tập toàn khóa và cho từng học kỳ. Qua đó, sinh viên có cái nhìn tổng quát về khung chương trình đào tạo mà mình đang theo học, đảm bảo tốt qui trình học tập theo hệ tín chỉ, trong đó người học được toàn quyền quyết định môn học, thời gian học và thời điểm kết thúc chương trình học, tốt nghiệp ra trường [H3.03.03.02].

Nhà trường đã thành lập và tổ chức hoạt động các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, thi Robocon, hội trại... để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập cũng như vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn [H3.03.03.03].

2. Những điểm mạnh

Khoa và Nhà trường đã tạo ra cho sinh viên khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thực hành, khả năng thuyết trình và chủ động trong học tập. Tổ chức các hoạt động, giao lưu tạo cơ hội cho người học tham gia và phát huy khả năng cá nhân của người học.

3. Những tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của giảng viên, người học đánh giá về hoạt động tự học, tự nghiên cứu và thảo luận nhóm chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Nhà trường nên tiến hành khảo sát lấy ý kiến của giảng viên, người học đánh giá về hoạt động tự học, tự nghiên cứu và thảo luận nhóm của từng học phần.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

- Chương trình đào tạo CKCTM được xây dựng theo hướng lấy người học làm trung tâm, đã áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập tích cực, người học tự chủ động tiếp nhận và lĩnh hội kiến thức.

- Người học được tư vấn, hướng dẫn về chiến lược học tập thông qua đội ngũ tư vấn và hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo.

- Chương trình đào tạo tạo ra các cơ hội học tập và giao lưu giúp người học có thể tham gia, phát huy tối đa các khả năng của bản thân thông qua các buổi thảo luận trên lớp, thực tập, thăm quan tại các trung tâm thực nghiệm, các nhà máy xí nghiệp.

TIÊU CHUẨN 4: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Mở đầu:

Để vận hành các chương trình đào tạo trong trường nói chung và chương trình đào tạo CKCTM đúng theo quy chế tạo tạo tín chỉ đã được ban hành của Bộ GD – ĐT và của trường, Nhà trường đã ban hành các văn bản và hướng dẫn về việc thi, kiểm tra. Các hình thức đánh giá này rất đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo như: làm bài tập ở nhà, kiểm tra thường xuyên trên lớp, kiểm tra giữa học kỳ, thi kết thúc học kỳ. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học thông qua đội ngũ CVHT, qua giáo viên trực tiếp giảng dạy, qua các thông báo trên Website của Nhà trường và khoa. Cùng với đó, các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học cũng qua các kênh như trên. Việc quy định về công tác thi, kiểm tra rất chặt chẽ, được tính toán kỹ lưỡng trước khi thực hiện đảm bảo độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được định kỳ thẩm định. Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý và tin cậy cao.

Tiêu chí 4.1: Chương trình đào tạo áp dụng các hình thức đánh giá đa dạng, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo.

Từ khóa: áp dụng, hình thức đánh giá, đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành quy định chung về quy trình tổ chức đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Căn cứ quy định này, quy trình đánh giá bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá cuối kỳ.

Theo quy trình này, đánh giá thường xuyên bao gồm: kiểm tra thường xuyên trong quá trình học, bài tập lớn, thảo luận, tiểu luận, thí nghiệm, thực hành, kiểm tra giữa học phần và điểm chuyên cần (yêu cầu người học phải tham gia tối thiểu 80% thời gian của môn học). Đánh giá thường xuyên được tính

50% trong tổng số điểm đánh giá và hình thức đánh giá này được sửa đổi thường xuyên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.01.01], [H4.04.01.02].

Đánh giá cuối kỳ được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ và chiếm 50% tổng số điểm của mỗi học phần [H4.04.01.01].

Cách thức đánh giá các học phần trong chương trình đào tạo CKCTM cũng được đa dạng hóa. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của môn học, học phần được tổ chức theo hình thức tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, thực hiện trên máy tính nên việc đánh giá đã phản ánh khách quan được năng lực thực tế của người học [H1.01.02.02].

Đến nay, 100% số môn học thuộc chương trình đào tạo CKCTM đã có ngân hàng câu hỏi thi; trong đó, một số môn có ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm trên máy tính. Bộ ngân hàng câu hỏi thi có kèm theo đáp án cụ thể và được xây dựng chi tiết đến 0,25 điểm. Ngân hàng câu hỏi thi luôn được chỉnh sửa, bổ sung theo từng kỳ [H4.04.01.03].

Tất cả các môn được tổ chức dùng chung đề thi, thi chung, chấm chung. Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa. Mỗi kỳ thi đều có sự giám sát của cán bộ Phòng TTKT&ĐBCL, Bộ môn quản lý học phần của khoa Cơ khí [H4.04.01.03].

Công tác chấm thi đối với học phần thi viết: Giảng viên giảng dạy có trách nhiệm chấm bài kiểm tra thành phần tại Văn phòng bộ môn, bài thi kết thúc học phần được thực hiện chấm tập trung tại Phòng chấm thi của Khoa. Trưởng bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên chấm bài thi kết thúc học phần (giảng viên không chấm thi lớp giảng dạy). Tất cả các bài thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, có 02 giáo viên chấm và ký trên bảng điểm và có xác nhận của trưởng bộ môn [H4.04.01.01], [H4.04.01.05], [H4.04.01.06].

Chấm thi vấn đáp được thực hiện tại phòng thi theo lịch của Nhà trường. Điểm thi vấn đáp được công bố ngay sau mỗi buổi thi khi hai giảng viên chấm thi thống nhất [H4.04.01.06].

Chấm thi trắc nghiệm trên máy tính và bài thi thực hành trên máy tính được thực hiện theo phần mềm và được công bố sau khi sinh viên hoàn thành bài thi [H4.04.01.06].

Trong quá trình học, sinh viên đến Trung tâm thí nghiệm, Trung tâm thực nghiệm để làm thí nghiệm, thực hành (nội dung thí nghiệm, thực hành bao gồm các môn: Thí nghiệm cơ bản, Thí nghiệm cơ sở khối ngành Cơ – Điện – Điện tử, Thực tập cơ sở khối ngành Cơ – Điện – Điện tử, Thí nghiệm cơ sở cơ khí, Thực tập kỹ thuật nhóm ngành Cơ khí, Thí nghiệm chuyên môn ngành CTM) và thực tập tốt nghiệp tại các nhà máy, xí nghiệp trong thời gian là 07 tuần vào năm thứ 5. Trong quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo để đánh giá mức độ tích lũy của sinh viên về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực giải quyết vấn đề [H01.01.02.01].

Tuy nhiên, việc đánh giá mức độ tích lũy về năng lực thực hành và năng lực giải quyết vấn đề chưa được tiến hành ở một số môn học thuộc chương trình đào tạo.

2. Những điểm mạnh

Công tác kiểm tra đánh giá của Nhà trường được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc đảm bảo tính khoa học, chính xác và công bằng. Kết cấu của đề thi phù hợp, phủ kín được nội dung của môn học.

3. Những tồn tại

Một số ngân hàng câu hỏi và đề thi chưa có đáp án chi tiết đến 0,25đ.

Một số môn học chưa đánh giá được mức độ tích lũy về năng lực thực hành của người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiến hành rà soát các đáp án chi tiết chưa theo đúng yêu cầu của Phòng TTKT&ĐBCL. Nếu vi phạm sẽ đánh giá vào công tác thi đua hàng tháng, hàng quý, hàng năm của giáo viên và bộ môn quản lý.

Tiến hành khảo sát sinh viên về tính sát thực của đề thi và lấy ý kiến giảng viên về các hình thức thi, kiểm tra.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học

Từ khóa: tiêu chí đánh giá, kết quả học tập, công bố rộng rãi

1. Mô tả

Sinh viên được thông báo về kế hoạch và chương trình đào tạo ngay từ khi nhập học, trong tuần lễ chính trị đầu khóa, trong buổi gặp mặt BCN Khoa. Danh sách các môn học, kế hoạch đào tạo, khung chương trình, cách tính điểm trung bình, cách quy đổi điểm số, điểm chữ theo thang điểm 4 của đào tạo tín chỉ được trình bày đầy đủ trong Niên giám trường đại học và sổ tay sinh viên được phát cho sinh viên từ năm thứ nhất [H1.01.01.07], [H4.04.02.01].

Trong buổi học đầu tiên của môn học, giảng viên thông báo đầy đủ các tiêu chí đánh giá về điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi cuối kỳ và các phương pháp đánh giá cụ thể (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp). Trong buổi học này, đề cương môn học và lịch trình học tập cũng sẽ được thông báo cụ thể tới sinh viên [H4.04.01.01]. Tuy nhiên, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhu cầu tiếp cận các thông tin về môn học, giảng viên, yêu cầu kiểm tra đánh giá của môn học đó đối với sinh viên trước thời điểm đăng ký học là rất cấp thiết. Hiện nay hoạt động cung cấp thông tin về giảng viên và các học phần giảng dạy còn yếu.

Đối với các sinh viên các năm thứ 2, thứ 3, thứ 5 điều kiện để được xét phân ngành, thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp là phải tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu. Sinh viên có thể nắm bắt thông tin này qua sổ tay sinh viên, niên giám hoặc qua các buổi sinh hoạt lớp, tổng kết học kỳ, tổng kết năm học hàng năm, thông báo bằng văn bản [H4.04.02.01].

Sau mỗi kỳ, Nhà trường tiến hành xét kết quả học tập cho sinh viên theo các tiêu chí đã công bố. Kết quả xét được công bố bằng văn bản và đưa lên website của trường [H4.04.02.02].

Để được xét tốt nghiệp, sinh viên cũng phải tích lũy đủ số tín chỉ như trong quy định. Chuẩn đầu ra được đăng tải trên website của Nhà trường và được đôn

độc nhắc nhở sinh viên hàng kỳ, hàng năm tại các buổi tổng kết, các buổi sinh hoạt lớp [H4.04.02.03], [H4.04.02.04].

2. Những điểm mạnh

Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thông tin đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau như: website, sổ tay sinh viên, niên giám, thông tin trực tiếp từ giảng viên môn học, bảng tin.

3. Những tồn tại

Sinh viên vẫn chưa có thêm kênh hữu ích để tiếp cận các thông tin cần thiết liên quan đến môn học trước thời điểm đăng ký học từng kỳ như: thông tin về giảng viên, đề cương chi tiết, cách đánh giá, các yêu cầu cụ thể đối với môn học, lịch trình học tập chi tiết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới, Nhà trường và Khoa Cơ khí sẽ triển khai hoạt động cung cấp các thông tin liên quan đến môn học bao gồm: thông tin giảng viên, lịch trình học tập, đề cương chi tiết môn học, tiêu chí kiểm tra đánh giá, ... để sinh viên có thể tiếp cận được với môn học từ trước khi bước vào học kỳ mới.

5. Kết quả tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 4.3: Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học

Từ khóa: quy định, thủ tục khiếu nại, kết quả đánh giá, công bố công khai.

1. Mô tả

Hoạt động khiếu nại kết quả đánh giá người học được thể hiện qua công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần của Nhà trường. Công tác phúc khảo được thực hiện theo Quy chế đào tạo [H04.04.01.01], [H04.04.03.01] và được cụ thể hóa trong Quy định về công tác thi.

Năm 2013, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác thi hệ đại học chính quy [H04.04.01.06], trong đó quy định về công tác phúc khảo bài thi kết thúc học phần như sau: Thắc mắc về điểm kiểm tra thường xuyên sinh viên kiến

ngộ trực tiếp với giảng viên giảng dạy. Sau khi công bố điểm thi kết thúc học phần chậm nhất 07 ngày, sinh viên có thắc mắc về điểm thi kết thúc học phần làm đơn xin phúc khảo bài thi theo mẫu và nộp về Văn phòng khoa Cơ khí. Văn phòng khoa Cơ khí tập hợp đơn và gửi về các Bộ môn để xây dựng kế hoạch và tổ chức chấm phúc khảo bài thi. Công tác chấm thi phúc khảo do 02 cán bộ chấm thi (ít nhất một cán bộ chấm thi không phải là cán bộ chấm thi lần 1) đảm nhiệm. Sau khi có kết quả chấm phúc khảo bài thi, điểm phúc khảo được gửi về Phòng Đào tạo, Bộ môn, thông báo tới sinh viên phúc khảo qua việc cập nhật vào phần mềm Edusoft của Nhà trường [H04.04.03.02].

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên đảm bảo công khai, chính xác.

2. Những điểm mạnh

Công tác phúc khảo hiện đã được triển khai sâu rộng cho sinh viên hệ đại học chính quy đảm bảo công khai, chính xác.

3. Những tồn tại

Mặc dù được công bố rộng rãi nhưng vẫn còn một số ít sinh viên vẫn gửi thắc mắc của mình quá muộn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thông báo rộng rãi đến sinh viên biết trình tự và thời gian phúc khảo điểm khi cần thiết thông qua đội ngũ GVCN-CVHT và các giảng viên giảng dạy học phần.

5. Tự đánh giá đạt mức: đạt mức 4

Tiêu chí 4.4: Độ tin cậy và tính giá trị của các phương pháp kiểm tra đánh giá được định kỳ thẩm định

Từ khóa: độ tin cậy, tính giá trị, phương pháp kiểm tra, định kỳ thẩm định.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường đã chủ trương rà soát, bổ sung, đánh giá ngân hàng câu hỏi thi tất cả các môn học thuộc chương trình đào tạo các ngành trong trường. Theo đó, Khoa Cơ khí đã tiến hành bổ sung ngân hàng câu hỏi, tổ chức

đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học thuộc chuyên ngành CKCTM [H04.04.01.02], [H04.04.04.01].

Việc kiểm tra đánh giá trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Đại học Thái Nguyên. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở chủ trương của Trường, Ban chủ nhiệm Khoa Cơ khí triển khai đôn đốc các Bộ môn tiến hành bổ sung ngân hàng câu hỏi, tổ chức đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học, quy trình đánh giá tại các Bộ môn có sự tham gia của tất cả giảng viên tham gia giảng dạy môn học, các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi được đánh giá theo mức độ khó, dễ, câu hỏi hiểu, nhớ... Qua hoạt động đánh giá đã giúp cho quá trình xây dựng bài giảng, bộ ngân hàng câu hỏi thi tốt hơn, sát với chương trình hơn đồng thời giúp cho việc xây dựng câu hỏi thi của từng môn học có sự phân loại chất lượng sinh viên. Tuy nhiên, tính giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá chưa được đánh giá nguyên nhân là do thời gian đầu tư cho hoạt động này chưa tương xứng; mặt khác đội ngũ giảng viên chưa được trang bị đầy đủ về phương pháp để đo lường tính giá trị.

Nhà trường đã có chương trình khảo sát ý kiến của Nhà tuyển dụng về năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, kết quả khảo sát chưa được thể hiện rõ ràng [H6.06.01.08].

2. Những điểm mạnh

Khoa Cơ khí đã triển khai nghiêm túc và đúng tiến độ hoạt động đánh giá ngân hàng câu hỏi và xây dựng bảng trọng số cho đề thi đối với các môn học.

3. Những tồn tại

Việc đánh giá chưa được thực hiện phù hợp, rõ ràng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới, Nhà trường xây dựng kế hoạch và trang bị cho đội ngũ cán bộ giảng viên về phương pháp kiểm tra đánh giá đối với mỗi học phần thuộc chuyên ngành CKCTM

5. Kết quả tự đánh giá: đạt mức 2

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý tin cậy.

Từ khóa: kết quả học tập, công bố, kịp thời, chính xác, lưu trữ, pháp lý.

1. Mô tả

Thực hiện Quy định về công tác thi, Nhà trường có quy định giảng viên phải công bố công khai trước lớp điểm thường xuyên trong tiết học cuối cùng; điểm thi kết thúc môn học phải hoàn thành trong vòng 07 ngày kể từ khi thi; điểm thi vẫn đáp phải công bố vào cuối buổi thi; điểm thi tốt nghiệp sau 2 tuần kể từ khi tổ chức chấm thi, điểm thi phải được công bố trên phần mềm Edusoft [H04.04.03.02]. Kết quả học tập của sinh viên sau mỗi kỳ của chuyên ngành CKCTM được Khoa thông báo cụ thể đến từng lớp bằng văn bản và phòng Đào tạo công khai điểm thi trên website và lưu trữ dưới dạng bản in để thuận tiện cho sinh viên trong việc xem và đối chiếu điểm [H04.04.01.05].

Nhà trường đã thực hiện thống nhất mẫu ghi kết quả học tập của từng học phần: điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc học phần, phiếu chấm thi tốt nghiệp lần 1, biên bản chấm đồ án và thi viết tốt nghiệp [H04.04.01.05].

Bảng điểm kiểm tra định kỳ, giảng viên chấm và trưởng bộ môn xác nhận và được lưu trữ ở 2 nơi: Khoa và Bộ môn; Bảng điểm thi kết thúc học phần (phiếu điểm gốc) được lập thành 3 bản có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi, trưởng bộ môn xác nhận được lưu ở Khoa. Bài thi học phần được lưu trữ tại bộ môn (phòng giảng viên) ít nhất 02 năm, bài thi tốt nghiệp lưu trữ ít nhất 04 năm, phiếu điểm gốc lưu tối thiểu 10 năm [H04.04.03.02].

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học khoa học, rõ ràng, đầy đủ, chính xác và hiệu quả bằng hệ thống sổ sách song song với phần mềm chuyên dụng Edusoft được phân cấp hợp lý, bảo đảm an toàn bằng hệ thống chia quyền hạn truy cập với password riêng cho từng người và thuận tiện cho việc truy cập. Mạng có hệ thống chống vi rút thường xuyên, đảm bảo tính chính xác và tin cậy. Mỗi sinh viên có một tài khoản riêng để truy cập. Kết quả học tập toàn khóa của sinh viên sau khi được hội đồng xét tốt nghiệp thông qua sẽ được Nhà trường lưu trữ theo quy định để phục vụ cho nhu cầu của nhà trường và sinh viên sau này [H4.04.01.01], [H4.04.01.06].

Trong quá trình nhập điểm còn có một số sai sót nhỏ, không nghiêm trọng do thao tác không chính xác của giáo viên khi nhập điểm vào phiếu điểm gốc hoặc của cán bộ khi nhập điểm vào phần mềm. Tuy nhiên, đã có sự chỉnh sửa kịp thời và Nhà trường cũng có sự đối chiếu kết quả học tập giữa các bộ phận phụ trách liên quan trước khi xét tốt nghiệp cuối khoá cho sinh viên, đảm bảo tính chính xác trong kết quả bảng điểm và xếp loại tốt nghiệp cuối cùng.

Việc công bố điểm thi đôi khi còn chậm so với kế hoạch do các giảng viên phải làm nhiều việc cùng lúc như coi thi, hỏi thi, chấm thi, giảng dạy.

2. Những điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được quản lý song song bằng cả hai hệ thống là sổ sách và phần mềm Edusoft chuyên dụng quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, chính xác, an toàn, thuận lợi cho việc nhập, truy cập, tổng hợp và được công bố công khai, kịp thời.

3. Những tồn tại

Trong quá trình làm điểm vẫn còn tồn tại sai sót, nhầm lẫn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015, Nhà trường tăng cường biện pháp giáo dục nâng cao trách nhiệm cá nhân trong quá trình chấm và công bố điểm [H3.03.01.02].

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

- Các hình thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học rất đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng.

- Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được công bố rộng rãi đến người học thông qua đội ngũ CVHT, qua giáo viên trực tiếp giảng dạy, qua các thông báo trên Website của Nhà trường và khoa.

- Các quy định và thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá được công bố công khai tới người học cũng qua các kênh như trên.

- Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, chính xác đến người học và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính pháp lý và tin cậy cao.

TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY

Mở đầu:

Đội ngũ giảng viên có vai trò vô cùng quan trọng của mọi chương trình đào tạo. Vì vậy việc xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có cơ cấu chuyên môn phù hợp, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chương trình trong hơn 45 năm xây dựng và phát triển.

Để có được một đội ngũ như vậy, Ban Chủ nhiệm Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung cho từng năm (thay thế giảng viên nghỉ hưu hoặc chuyển công tác). Trên cơ sở đó đề nghị nhà trường tuyển đủ số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn giảng viên, từ nhiều nguồn khác nhau và tạo điều kiện cho họ được học tập, làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

Tiêu chí 5.1: Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo.

1. Mô tả

Tính đến năm 2014 đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện các hoạt động đào tạo của chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM có 93 người trong đó có 65 giảng viên nam, 28 giảng viên nữ. Trong số giảng viên cơ hữu có 12 người từ 51–60; có 12 người từ 41–50, có 34 người từ 30–40; còn 35 người dưới 30 tuổi. Độ tuổi trung bình của giảng viên khoảng từ 30–40 tuổi [H5.05.01.01].

Tất cả cán bộ, giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo của Nhà trường đều có trình độ từ Đại học trở lên cụ thể có: 12 giảng viên cơ hữu có trình độ Phó Giáo Sư, Tiến sĩ: chiếm 12,9%; 49 giảng viên có trình độ Thạc sĩ : chiếm 52,69%; 32 giảng viên có trình độ Cử nhân: chiếm 34,41%; 05 giảng viên thỉnh giảng (03 giảng viên công tác tại Đại học Thái Nguyên; 02 giảng viên đã nghỉ hưu), các giảng viên đều đảm bảo trình độ chuẩn theo Điều 24 Điều lệ trường đại học về 5 tiêu chuẩn của giảng viên đại học [H5.05.01.06], [H5.05.01.01].

Giảng viên được giao nhiệm vụ căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn theo quy trình công khai dân chủ, đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt công việc được giao.

Nhà trường có các chính sách và biện pháp ưu tiên nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước thông qua việc xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo cán bộ, giảng viên, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đối với giảng viên cụ thể:

Đối với giảng viên học cao học

+ Nhà trường hỗ trợ về thời gian: Giảm trừ khối lượng công tác chuyên môn kỳ học ôn và dự thi cao học; giảm trừ 70% ĐMGTC cho học viên cao học [H5.05.01.02].

+ Hỗ trợ tiền học phí cao học [H5.05.01.03].

+ Ưu tiên chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động khoa học khác.

+ Giảng viên được tuyển dụng làm giảng viên hợp đồng của Nhà trường mà chưa là Thạc sĩ thì khi tốt nghiệp Thạc sĩ được xếp lại lương vào bậc 2 kể từ ngày ký quyết định công nhận thạc sĩ [H5.05.01.05].

Đối với nghiên cứu sinh

+ Nhà trường hỗ trợ về thời gian: Giảm trừ khối lượng công tác chuyên môn kỳ học ôn và dự thi cao học; giảm trừ 70% định mức GTC cho nghiên cứu sinh [H5.05.01.02].

+ Hỗ trợ tiền học phí cho các NCS [H5.05.01.07].

+ Ưu tiên chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động khoa học khác.

+ Giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ đúng thời hạn sẽ được thưởng 15.000.000 triệu đồng [H5.05.01.04].

+ Giảng viên được tuyển dụng làm giảng viên hợp đồng của Nhà trường mà chưa là Tiến sĩ thì khi tốt nghiệp Tiến sĩ được xếp lại lương vào bậc 3 kể từ ngày ký quyết định công nhận Tiến sĩ.

Hiện nay, số giảng viên thực hiện chương trình đào tạo đang đi học nâng cao trình độ khá nhiều cụ thể là: Số giảng viên đang nghiên cứu sinh, đang đi học cao học trong nước và ngoài nước là 13 giảng viên, nhưng gần 70% tổng số giảng viên đang thực hiện Chương trình đào tạo CKCTM có trình độ trên đại học nên đã đáp ứng đủ yêu cầu chuyên môn, có đủ năng lực nghiên cứu khoa học, có kiến thức về tin học và ngoại ngữ để phục vụ cho hoạt động giảng dạy và quản lý [H5.05.01.01]. Nhà trường cũng chính thức đặt chuẩn đối với giảng viên để hoàn thành chương trình Ngoại ngữ quốc gia 2020 [H5.05.01.08]. Đến nay hầu hết giảng viên của khoa (trong độ tuổi) đã hoàn thành chuẩn ngoại ngữ năm 2014, điểm tiếng Anh Toefl ITP 450 trở lên.

Cơ cấu tổ chức của Chương trình đào tạo lấy cán bộ, giảng viên của Khoa Cơ khí làm nòng cốt; đồng thời huy động các giảng viên chuyên ngành Chế tạo máy là giảng viên cơ hữu của trường được bố trí ở các bộ phận khác và giảng viên thỉnh giảng cùng tham gia vào quá trình đào tạo. Với một cơ cấu phù hợp với mô hình quản lý chuyên môn của trường và phù hợp với tình hình thực tế, trong những năm qua, cán bộ giảng viên của Chương trình vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, vừa tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn và là một trong những chương trình đào tạo có sự phát triển nhanh chóng về chất lượng đội ngũ.

2. Những điểm mạnh

Số lượng đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo; được đào tạo chính quy ở các trường trong nước và nước ngoài. Cơ cấu tổ chức của chương trình đã huy động tối đa năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý và giảng viên chuyên ngành CKCTM trong Trường và trong Đại học Thái Nguyên; trong đó, có nhiều giảng viên trẻ, nhiệt tình, có lòng yêu nghề, có ý chí vượt khó và say mê nghiên cứu khoa học và một số giảng viên có chức danh và học vị cao, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại.

Giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tỉ lệ thấp (12,9%). Bên cạnh đó, vẫn còn số lượng giảng viên có trình độ kỹ sư cao (chiếm 34,41%).

Hiện nay, giảng viên thực hiện Chương trình chủ yếu là các giảng viên trẻ dưới 30 tuổi: chiếm 37,63%, nên kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng đảm bảo sự kế cận liên tục về tuổi đời và kinh nghiệm nghề nghiệp và nâng cao chất lượng đội ngũ tuyển dụng mới về tiêu chuẩn điểm học tập cũng như trình độ ngoại ngữ [H5.05.01.09]. Xây dựng và triển khai các nội dung hoạt động cụ thể trong mỗi giai đoạn và trong từng năm học theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H3.03.01.02], [H3.03.01.04].

Năm học 2014-2015, khoa sẽ lập kế hoạch và giao chỉ tiêu cụ thể cho từng bộ môn, từng giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn [H3.03.01.02], [H3.03.01.04].

5. Kết quả tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên được định kỳ bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

Từ khóa: đội ngũ, định kỳ, bồi dưỡng, chuyên môn, nghiệp vụ

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo CKCTM được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định về việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đối với toàn bộ giảng viên có tuổi đời dưới 35 bắt buộc phải học cao học, dưới 40 tuổi bắt buộc phải làm nghiên cứu sinh và các giảng viên đều phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu [H5.05.02.01].

Các giảng viên chương trình chuyên ngành chế tạo máy đều tích cực tham gia các chương trình bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ qua các khóa đào tạo do nhà trường và các đơn vị ngoài trường tổ chức như: Bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng anh, Bồi dưỡng thiết kế bài giảng trong đào tạo theo tín chỉ và đổi mới phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy đại học; Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nữ cán

bộ; Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy đại học; Tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ đầu thầu; Tham gia khóa đào tạo kiến thức về công tác khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục [H5.05.02.03].

Đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập đều được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đã được cử đi học các lớp như: Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, Tham gia các lớp huấn luyện tự vệ, An toàn lao động, Văn thư lưu trữ, thư viện, bảo vệ... [H5.05.02.04].

Các giảng viên của chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM được cử đi học nghiên cứu sinh, Cao học đều sớm hoàn thành chương trình học tập, được công nhận học vị và cấp bằng, đạt tiêu chuẩn giảng viên đứng lớp theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đặt ra [H5.05.02.02].

Nhiều giảng viên đã hoàn thành và nhận chứng chỉ của các khóa bồi dưỡng về Giáo dục học đại học, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, Tiếng Anh (Văn bằng 2, TOEFL-IPT, chứng chỉ tiếng Anh ở Philippines, chứng chỉ Anh C). Hầu hết các giảng viên đều được cấp chứng chỉ hoàn thành nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của năm học khi tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, các khóa đào tạo này đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn giảng dạy [H5.05.02.05].

Trong các năm học, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, đánh giá về thái độ làm việc và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ lãnh đạo và chuyên viên trong phục vụ hoạt động học tập và giảng dạy và đã nhận được những kết quả nhất định làm cơ sở cho các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn [H5.05.02.06].

Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện Chương trình chuyên ngành CKCTM đều có kinh nghiệm trong NCKH, từ khâu lựa chọn đề tài đến thuyết minh khoa học, triển khai nghiên cứu và thu thập sản phẩm. Nhiều giảng viên đã tích lũy được những công trình khoa học có giá trị, có bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và trên thế giới [H5.05.02.04].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên phần lớn có học vị cao, có khả năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh, Nga, Trung) để đọc, dịch tài liệu chuyên môn, sử dụng thành thạo máy tính phục vụ cho giảng dạy và NCKH, có kỹ năng nghề nghiệp vững, đạt được nhiều kết quả trong nghiên cứu khoa học; thực hiện tốt hai nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Giảng viên của Chương trình CKCTM không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đội ngũ giảng viên và chuyên viên tham gia chương trình đào tạo thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

3. Những tồn tại

Hiệu quả sử dụng ngoại ngữ và tin học phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học còn hạn chế ở một số giảng viên nhiều tuổi. Kinh nghiệm giảng dạy của một số giảng viên trẻ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015 trường tổ chức đánh giá hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên, chuyên viên trong phục vụ giảng dạy thông qua việc xếp thứ tự giảng viên và cán bộ viên chức, đồng thời duy trì hoạt động này thường xuyên [H5.05.02.07].

Thực hiện, yêu cầu bắt buộc giảng viên trẻ mới được tuyển dụng phải đạt trình độ TOEFL và ILEST theo quy định [H5.05.01.09].

Thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên trẻ: phân công giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn soạn bài, lên lớp; dự giờ rút kinh nghiệm; đánh giá giảng thử cho các giảng viên có thâm niên công tác dưới 10 năm.v.v... [H3.03.01.04], [H5.05.02.08].

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và các thành tích khác.

Từ khóa: tuyển chọn, nâng bậc, năng lực giảng dạy, nghiên cứu, các thành tích khác.

1. Mô tả

Về việc tuyển dụng giảng viên, mỗi năm nhà trường tiến hành từ 1 đến 2 đợt tuyển dụng xuất phát từ nhu cầu thực tế của các đơn vị. Tất cả các đợt tuyển dụng đều được thông báo công khai trên website của nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Thái Nguyên, Truyền hình Thái Nguyên, Báo Nhân dân [H5.05.01.09]. Quy trình tuyển dụng của Nhà trường về sơ bộ được thực hiện theo 6 bước: Bước 1: Nhận hồ sơ của ứng viên; Bước 2: Sơ tuyển; Bước 3: Ứng viên thử việc soạn giáo án khối lượng một đơn vị học trình (tương đương 15 tiết) và tự nghiên cứu các tài liệu liên quan tới nhiệm vụ của giáo viên (*Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học, Pháp lệnh cán bộ công chức, Các quy chế Đào tạo đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo, Nội quy & quy chế của Nhà trường*); Bước 4: Ứng viên thông qua bài giảng ở bộ môn, khoa và nhà trường; Bước 5: Ký hợp đồng 1 năm với ứng viên; Bước 6: Ký hợp đồng chính thức. Năm học 2008-2009, nhà trường tuyển dụng mới 35 giảng viên (*báo cáo tổng kết năm học 2008 - 2009*). Năm học 2010 – 2011, nhà trường tuyển dụng trên 40 cán bộ (chủ yếu là giảng viên) (*báo cáo tổng kết năm học 2010 – 2011*) [H5.05.03.01], [H5.05.03.02].

Quy trình bổ nhiệm trường phó các bộ môn của Nhà trường được thực hiện minh bạch trên cơ sở thực hiện đúng “Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm trường, phó bộ môn các đơn vị trong trường” để đáp ứng nhu cầu thực tế. Quy trình này được thực hiện dưới hai hình thức như sau:

Hình thức bổ nhiệm trực tiếp (được áp dụng đối với các ứng viên thuộc khối phòng, khoa, trung tâm và bộ môn khác trong Nhà trường): B1- Hiệu trưởng Trường ĐH KTCN giới thiệu nhân sự Trường, Phó bộ môn với Thường vụ đảng ủy nhà trường. B2 - Thường vụ Đảng ủy Nhà trường thảo luận, biểu quyết thống nhất về nhân sự giữ chức vụ trường, phó bộ môn. B3- Hiệu trưởng trường ĐH KTCN ra quyết định bổ nhiệm.

Hình thức lấy thư tín nhiệm : B1-Các thành viên bộ môn giới thiệu nhân sự trong bộ môn tham gia chức vụ Trường, phó bộ môn bằng hình thức gửi thư tín nhiệm. B2 -Trên cơ sở phiếu tín nhiệm, Hiệu trưởng Trường ĐH KTCN lựa

chọn và giới thiệu nhân sự Trưởng, Phó bộ môn với Thường vụ đảng ủy nhà trường. B3 - Thường vụ Đảng ủy Nhà trường thảo luận, biểu quyết thống nhất về nhân sự giữ chức vụ trưởng, phó bộ môn. B4- Hiệu trưởng trường ĐH KTCN ra quyết định bổ nhiệm (Quyết định thành lập tổ công tác thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, phó bộ môn các đơn vị trong trường số 68/QĐ-TCCB (2011), số 136/QĐ-TCCB(2011), số 571/QĐ-TCCB) [H5.05.03.03].

Việc xét nâng lương định kỳ cho cán bộ giảng viên đều căn cứ vào các văn bản đã ban hành về việc hướng dẫn thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ công chức, viên chức gồm:

1. Thông tư số 03/2005/TT-BNV, ngày 05/01/2005 hướng dẫn nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ công chức, viên chức.
2. Thông tư số 04/2005/TT-BNV, ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ công chức, viên chức.
3. Công văn số 1965/BNV-TL, ngày 02/05/2005 về việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ.
4. Thông tư số 83/2005/TT-BNV, ngày 10/08/2005 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ công chức, viên chức.

Minh chứng thể hiện trong các quyết định: số 619/QĐ-TCCB(2009), số 469/QĐ-TCCB(2011), số 729/QĐ-TCCB(2011), số 666/QĐ-ĐHKTCN (2012) [H5.05.03.04]; [H5.05.03.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên với tiêu chí cụ thể, minh bạch, công khai, được điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế. Việc nâng bậc lương, bổ nhiệm chức vụ cho cán bộ, giảng viên được thực hiện công bằng, dân chủ.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015, Nhà trường cần tiến hành lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên về việc tuyển dụng và nâng bậc cho giảng viên. Hoạt động này nên được tiến hành hàng năm phối hợp với các cuộc điều tra về hoạt động đào tạo của nhà trường bằng cách bổ sung tiêu chí này vào bảng câu hỏi.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Việc sắp xếp bố trí nhân lực vào các vị trí phải phù hợp với năng lực quản lý, trình độ chuyên môn và công việc đảm nhận.

Từ khóa: bố trí nhân lực, phù hợp, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, công việc đảm nhận.

1. Mô tả

Số lượng tuyển chọn cán bộ hợp đồng lao động, phục vụ giảng dạy và tuyển chọn giảng viên hợp đồng đều dựa trên nhu cầu thực tế hàng năm của Nhà trường. Các tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên ngày càng được nâng cao về chất lượng: học lực, trình độ ngoại ngữ, tư cách đạo đức, đối tượng ưu tiên và một số chỉ tiêu khác; quy trình tuyển chọn tạo nguồn giảng viên bao gồm 6 bước và các nhiệm vụ cụ thể của các ứng viên, của Bộ môn, Khoa và Nhà trường trong quy trình tuyển dụng. Tương tự, Quy định tuyển chọn cán bộ hợp đồng lao động hành chính, phục vụ giảng dạy cũng nêu rõ: điều kiện dự tuyển, đối tượng ưu tiên; quy trình tuyển chọn [H5.05.03.01].

Quy trình bổ nhiệm cán bộ được thực hiện minh bạch trên cơ sở thực hiện đúng “Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm trưởng, phó bộ môn các đơn vị trong trường”. Nhà trường đã tiến hành sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tế, trong đó nêu rõ các điều kiện, tiêu chuẩn, các nguyên tắc để bổ nhiệm [H5.05.03.03], thậm chí là tuyển từ bên ngoài trường những cán bộ đủ năng lực quản lý chuyên môn [H5.05.04.03].

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và đội ngũ cán bộ quản lý của chuyên ngành CKCTM được tuyển dụng, bổ nhiệm căn cứ vào tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, theo quy trình công khai, dân chủ đảm bảo có khả năng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được đơn vị và Nhà trường giao. Việc bố trí sắp xếp công việc đối với lực lượng cán bộ, viên chức tại các đơn vị chức năng và các khoa chuyên môn hoàn toàn phù hợp với trình độ, năng lực, chuyên môn tạo điều kiện cho lực lượng cán bộ, viên chức phát huy năng lực cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ được Nhà trường giao phó. Hàng năm, căn cứ theo nhiệm vụ được giao Nhà trường tiến hành hoạt động khen thưởng đối với lực lượng cán bộ viên chức của các đơn vị, đồng thời đề xuất danh sách khen thưởng cao nhằm tạo động lực cho đội ngũ cán bộ tiếp tục phấn đấu trong hoạt động chuyên môn [H5.05.04.01].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tiến hành thường xuyên hoạt động lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức đối với việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn trường.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường tạo môi trường cho đội ngũ CBVC phát huy phẩm chất cá nhân, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn đảm bảo công khai, minh bạch và dân chủ.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực trong toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2014 – 2015, Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ viên chức trong việc bố trí sắp xếp nhân lực tại các đơn vị trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Có quy trình đánh giá cán bộ phù hợp trên tinh thần hướng đến sự cải thiện về mọi mặt của cán bộ, giảng viên

Từ khóa: quy trình đánh giá, cải thiện mọi mặt

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Thi đua – Khen thưởng giúp cho công tác thi đua, khen thưởng luôn đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và công khai. Hàng năm cán bộ, giảng viên, nhân viên thực hiện đăng kí danh hiệu thi đua trong năm học để làm căn cứ xét thi đua. Cuối năm học, căn cứ vào bộ tiêu chí đánh giá thi đua các cán bộ, giảng viên, nhân viên tự chấm điểm và đề nghị xét công nhận danh hiệu thi đua. Hội đồng thi đua – khen thưởng căn cứ vào bản tự chấm điểm cá nhân, hội đồng tiến hành xét công nhận danh hiệu thi đua cho từng cá nhân, đơn vị. Kết quả bình xét thi đua được gửi tới các đơn vị, cá nhân và đăng tải công khai tải trên website Nhà trường. Trong năm học 2007 – 2008, có 225 cán bộ viên chức đạt lao động tiên tiến; 147 cán bộ viên chức đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và 14 tập thể lao động tiên tiến. Năm học 2008 – 2009 có 386 cán bộ viên chức đạt lao động tiên tiến; 149 cán bộ viên chức đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 17 tập thể lao động tiên tiến và 6 tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2010 – 2011 có 504 cán bộ viên chức đạt lao động tiên tiến; 200 cán bộ viên chức đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 09 tập thể lao động tiên tiến và 06 tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2012 – 2013, có 09 tập thể lao động xuất sắc, 19 giấy khen của Đại học Thái Nguyên, 10 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo, 02 chiến sĩ thi đua cấp Bộ và 01 bằng khen của Thủ tướng chính phủ [H5.05.05.01].

Từ năm 2011, Nhà trường ban hành tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ cán bộ, viên chức theo thang điểm A – B – C – D. Thông qua bộ tiêu chuẩn đánh giá giúp lãnh đạo Nhà trường quản lý được hiệu quả công việc, lãnh đạo các đơn vị đánh giá được mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và từng cán bộ viên chức biết được mức độ đáp ứng đối với yêu cầu và từ đó có biện pháp nâng cao chất lượng công việc cũng như nhiệm vụ được giao phó [H5.05.05.02].

Nhà trường ban hành quy định trong hoạt động dự giờ đối với đội ngũ giảng viên, đây là hoạt động đánh giá đồng nghiệp trong quá trình đào tạo của đơn vị. Qua đó, đội ngũ giảng viên biết được những điểm mạnh, những điểm tồn

tại trong quá trình giảng dạy, đồng thời đây là kênh thông tin giúp cho lãnh đạo các khoa chuyên môn điều chỉnh hoạt động giảng dạy của đội ngũ cán bộ trong đơn vị và có những biện pháp nhằm cải thiện chất lượng trong quá trình giáo dục và đào tạo.

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, qua đó lãnh đạo Nhà trường nắm được thực trạng hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên để từ đó có chính sách phù hợp nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo của Nhà trường.

Từ năm học 2011 – 2012, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến người học và cán bộ giảng viên về chất lượng phục vụ tại các đơn vị chức năng. Hoạt động này là kênh thông tin hữu ích giúp Nhà trường điều chỉnh hoạt động phục vụ, làm tăng mức độ hài lòng của đội ngũ cán bộ, người học về hoạt động phục vụ, đây là minh chứng cho thấy tính dân chủ trong nhà trường đồng thời phục vụ cho hoạt động tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường đại học.

2. Những điểm mạnh

Hàng năm đều tổ chức đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên dựa trên các tiêu chí đã xây dựng một cách công bằng, minh bạch và khách quan. Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường [H5.05.05.03]. Hơn nữa, hàng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức các cấp để đảm bảo dân chủ công khai các hoạt động của đơn vị, Nhà trường và tạo điều kiện cho cán bộ viên chức tham gia đóng góp xây dựng đơn vị, xây dựng Nhà trường vào các đợt tổng kết năm học, khai giảng năm học mới, các dịp họp khoa, họp trường...

3. Những tồn tại

Hệ thống quy trình đánh giá cán bộ thiếu tính gắn kết (thống nhất) giữa các tiêu chí thi đua với các tiêu chí đánh giá khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015, Nhà trường ban hành hệ thống quy định thống nhất tiêu chí đánh giá trong toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt mức 4

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia chương trình đào tạo CKCTM hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu về số lượng và chất lượng, trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng.

- Nhà trường và khoa luôn chủ động quan tâm và có kế hoạch bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia đào tạo chương trình CKCTM.

- Nhà trường và khoa luôn đảm bảo việc tuyển chọn và nâng bậc cho giảng viên dựa trên các tiêu chuẩn về năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các thành tích khác.

- Nhà trường và khoa luôn đảm bảo việc sắp xếp bố trí nhân lực vào các vị trí phải phù hợp với năng lực quản lý, trình độ chuyên môn và công việc đảm nhận.

- Nhà trường và khoa luôn chủ động trong quy trình đánh giá cán bộ trên tinh thần hướng đến sự cải thiện về mọi mặt của cán bộ, giảng viên.

TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC

Mở đầu:

Đối với học chế tín chỉ, người học luôn luôn được xác định là trung tâm của quá trình đào tạo. Do vậy Nhà trường và khoa Cơ khí luôn luôn đảm bảo các chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo như: tích cực chủ động trong tuyên truyền về công tác đào tạo, công tác thi, kiểm tra,... rộng rãi, công khai đến người học qua các kênh thông tin. Đặc biệt người học được cung cấp đầy đủ mọi thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập. Nhận thức rõ sự phát triển của xã hội, sự đa dạng của các trường và ngành nghề đào tạo do đó Nhà trường và khoa Cơ khí luôn tích cực chủ động trong việc cung cấp cho người học đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập đảm bảo người học được chủ động trong việc lập kế hoạch học tập của bản thân cũng như kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường. Bên cạnh đó, người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh, đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội. Khu nội trú khang trang gồm 6 tòa nhà 5 tầng luôn đảm bảo cung cấp chỗ ở với giá cả hợp lý cho khoảng 3000 sinh viên, trong đó có khoảng 1000 sinh viên chuyên ngành CKCTM. Cùng với đó các chương trình hỗ trợ người học trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cũng được triển khai rộng rãi, tích cực như các cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phong trào lao động công ích trong sinh viên, phong trào tình nguyện, tiếp sức mùa thi,...

Tiêu chí 6.1: Có chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo – Chuyên ngành CKCTM

Từ khóa: chính sách, thu hút, tham gia

1. Mô tả

Người học được xác định là trung tâm của chương trình đào tạo, để tạo điều kiện cho người học hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá Nhà trường và Khoa Cơ khí đã biên tập các văn bản có liên quan đến HSSV trong tài liệu: “Các văn bản pháp quy liên quan đến CT

HSSV và tư vấn sinh viên”, “Sổ tay Sinh viên” [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.03.03], [H6.06.03.04] và niên giám để phổ biến và cấp cho HSSV mỗi người một bộ để sử dụng từng năm học trong suốt khoá học [H6.06.02.02]. Đến thời điểm hiện nay, HSSV thông qua Website của Nhà trường và Khoa [H6.06.01.06] có thể tìm hiểu, tham khảo các quy định của Nhà trường về các chương trình cũng như các hình thức đào tạo.

Để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội việc làm sau khi ra trường, trong quá trình thực tế môn học và thực tập tốt nghiệp Nhà trường và Khoa Cơ khí đã kết nối với các doanh nghiệp, sinh viên có thể gặp gỡ trao đổi và tìm hiểu thêm nhu cầu tuyển dụng của xã hội đối với chuyên ngành. Chương trình đào tạo cũng liên tục được rà soát, điều chỉnh hàng năm để phù hợp với mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.01.03], ngoài ra Khoa còn lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, người học, cựu người học về nội dung chương trình đào tạo [H6.06.01.08].

Các chương trình đào tạo, chuyên ngành đào tạo, cơ cấu tổ chức và các hoạt động của Khoa Cơ khí thường xuyên được cập nhật và phổ biến chi tiết cho HSSV trong chương trình "Tuần sinh hoạt công dân-HSSV" đầu mỗi khoá học, đầu năm học, trong các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn thể giúp cho người học nắm rõ được về Khoa Cơ khí cũng như chuyên ngành được đào tạo [H6.06.01.01], [H6.06.02.01].

Để hỗ trợ quá trình học tập sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên chuyên ngành CKCTM nói riêng được mượn tài liệu và tự học tại thư viện của Nhà trường, tại Trung tâm học liệu của ĐHTN, được tự học thêm tại giảng đường vào giờ tự học, được giảng viên hỗ trợ học tập trong Ký túc xá và trên phòng làm việc của giảng viên [H6.06.03.03].

Để hỗ trợ cho sinh viên tìm kiếm cơ hội việc làm, cuối mỗi năm học nhà trường phối hợp với các công ty (như Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Công ty TNHH Siemens, Tập đoàn Trường Hải Thaco, Canon, Samsung Việt Nam...) tổ chức giới thiệu việc làm cho toàn bộ sinh viên của trường, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng sinh viên chuyên ngành CKCTM.

Để khuyến khích sinh viên học tập, Nhà trường ban hành các quy định về xét và cấp học bổng khuyến khích [H6.06.01.02], ưu tiên xem xét bố trí chỗ ở nội trú trong Ký túc xá cho sinh viên thuộc gia đình chính sách, khó khăn, sinh viên học giỏi,... [H6.06.01.02]. Cuối năm, các sinh viên thuộc diện gia đình chính sách, các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường tặng quà tết [H6.06.01.02],... Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn học bổng từ phía các tổ chức, cá nhân để tài trợ cho sinh viên chương trình CKCTM học giỏi, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập như: học bổng của các công ô tô (Toyota, Trường Hải,...), công ty cơ khí, các doanh nghiệp khác....

Ngoài ra, sinh viên còn được tham gia các hoạt động từ các Câu lạc bộ nhằm hỗ trợ tích cực cho công tác học tập như: tham gia Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Robotcon, ... [H6.06.05.01], [H6.06.05.10], người học còn được giúp đỡ sinh hoạt và học tập ở các khu nhà nội trú, được giúp đỡ học tập tại phòng làm việc của giảng viên [H6.06.03.03].

Trong các báo cáo tổng kết công tác HSSV hàng năm đều có đánh giá tổng kết các hoạt động thực hiện chính sách xã hội cho người học và các giải pháp cải tiến hoạt động. Để quảng bá cho sinh viên biết thêm về ngành và chuyên ngành đào tạo, Nhà trường kết hợp với Khoa đã tổ chức hội thảo giới thiệu ngành nghề, phát tờ rơi, tổ chức ngày hội mở trường Open Day, đưa thông tin công khai trên các trang Website Nhà trường và Khoa, quảng cáo trên kênh truyền hình của địa phương và đi dự triển lãm các trường Đại học [H6.06.01.06].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã có nhiều chính sách thu hút người học tham gia, có những chiến lược quảng bá về ngành, chuyên ngành đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng. Việc tổ chức Ngày hội mở trường Open Day tuy mới được tổ chức trong một vài năm gần đây nhưng đã cho thấy những hiệu quả rõ rệt với việc thu hút người học. Ngoài ra Nhà trường và Khoa đã có những chính sách khen thưởng, động viên kịp thời

cho những sinh viên xuất sắc để tạo động lực thu hút thêm người học tham gia vào quá trình đào tạo [H6.06.01.02].

3. Những tồn tại

Khoa chưa thường xuyên lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, người học, cựu người học về chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tới Khoa sẽ thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, người học và cựu người học về chương trình đào tạo, phân tích số liệu và kịp thời điều chỉnh chương trình, chính sách hợp lý để thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.2: Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập.

Từ khóa: cung cấp, đầy đủ, nội dung, chuẩn đầu ra, kiểm tra đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm Nhà trường và Khoa Cơ khí đã triển khai các biện pháp thực hiện đầy đủ và kịp thời việc phổ biến, cung cấp thông tin cho người học về nội dung các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và quy định khung chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch công tác của Nhà trường, kế hoạch của Khoa và từng bộ môn thông qua “Tuần sinh hoạt công dân”, các giờ sinh hoạt lớp, thông qua Sổ tay sinh viên, Niên giám năm học của Trường ĐH KTCN, vai trò của các Cố vấn học tập và công tác cố vấn học tập, đặc biệt trên hệ thống Website của Nhà trường, của Khoa [H6.06.01.03], [H6.06.02.02].

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin kịp thời về chương trình đào tạo, các yêu cầu về học tập như thi, kiểm tra của từng học phần, cách tính điểm của từng học phần cũng như của toàn bộ chương trình đào tạo, các điều kiện để được thi/làm đồ án tốt nghiệp [H6.06.01.01], [H6.06.01.03], [H6.06.02.08].

Chương trình đào tạo của Khoa cung cấp cho người học ngành Kỹ thuật Cơ khí có mục tiêu phổ biến về quy chế đào tạo, nội dung chương trình đào tạo cũng như ý nghĩa, tầm quan trọng của những nội dung thuộc chuyên ngành CKCTM [H6.06.01.01]. Thông qua đó đã định hướng cho người học quá trình tự xây dựng cho mình một khối lượng học tập phù hợp trong toàn khóa học.

Tất cả các nội dung thông tin trong chuẩn đầu ra, cam kết về chất lượng đào tạo của chương trình đào tạo chuyên ngành CKCTM đều được công khai trên Website của Nhà trường và Khoa [H6.06.01.04], đảm bảo hướng tới việc cung cấp, phổ biến cho người học đầy đủ các tiêu chí về chất lượng đào tạo, cụ thể như khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức chuyên ngành CKCTM với một có cấu trúc hợp lý, thiết kế một cách có hệ thống trong từng môn học đảm bảo tính logic phù hợp [H6.06.02.01].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học thuộc chuyên ngành CKCTM được khoa Cơ khí thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc biên soạn và chỉnh sửa đề cương chi tiết, bài giảng của giảng viên và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên thuộc chuyên ngành CKCTM về nội dung, hình thức và cách thức truyền đạt của giảng viên [H6.06.02.09].

Khi còn đào tạo theo hình thức niên chế việc đánh giá kết quả người học được thực hiện theo quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT (đối với hình thức đào tạo chính quy) [H6.06.02.03], quy chế 36/QĐ-BGD&ĐT (đối với hình thức đào tạo không chính quy) [H6.06.02.04]. Hiện nay khi Nhà trường và Khoa Cơ khí đã hoàn toàn chuyển sang hình thức đào tạo tín chỉ việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT [H6.06.02.05]; Quy định Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-ĐHTN, ngày 02 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 408 ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên [H6.06.02.06] và Quy định Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số

384/QĐ-ĐT, ngày 14 tháng 03 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học KTCN [H6.06.01.01].

2. Những điểm mạnh

Phương pháp phổ biến thông tin cho người học đối với chuyên ngành CKCTM được quy định công khai, chặt chẽ, đảm bảo cho người học luôn kịp thời cập nhật thông tin mới nhất về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra.

Việc kiểm tra đánh giá, kiểm soát việc xử lý thông tin được quy định rõ ràng đảm bảo thông tin cung cấp cho người học mang tính thường xuyên, chính xác, kịp thời. Đồng thời việc tiếp nhận và xử lý những thông tin phản hồi từ người học được cũng được đảm bảo liên tục.

3. Những tồn tại

Kênh thông tin từ cố vấn học tập đến người học khi còn bị hạn chế nhiều do cố vấn học tập còn vừa thực hiện nhiệm vụ giảng dạy vừa giữ vai trò cố vấn học tập nên thời gian dành cho việc truyền đạt thông tin tới người học và xử lý thông tin phản hồi chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015 Nhà trường và Khoa Cơ khí phối hợp tổ chức các buổi tư vấn về chương trình đào tạo cho người học [H6.06.02.07] với các nội dung: mục đích, nội dung, ý nghĩa thực tiễn của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí nói chung và chuyên ngành CKCTM nói riêng. Xây dựng kênh phổ biến thông tin tới người học một cách hệ thống từ trường đến khoa, bộ môn và từng giảng viên. Xây dựng chương trình hoạt động cụ thể cho đội ngũ cố vấn học tập thuộc chuyên ngành CKTCM giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và nắm bắt thông tin kịp thời về nội dung chương trình đào tạo thuộc chuyên ngành cũng như các chế độ, chính sách của Nhà trường, của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.3: Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập.

Từ khóa: cung cấp đầy đủ, dịch vụ tư vấn hỗ trợ

1. Mô tả

Sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên chuyên ngành CKCTM nói riêng được cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập như: được phổ biến về mục tiêu đào tạo, các quy chế, quy định về công tác đào tạo tại trường [H6.06.01.01]; Chương trình đào tạo; Các nội dung, yêu cầu trong đào tạo theo học chế tín chỉ và học tập đáp ứng nhu cầu của xã hội thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa học, đầu năm học [H6.06.02.01]. Ngoài ra mỗi sinh viên còn được cung cấp cuốn sổ tay sinh viên và cuốn Niên giám trường Đại học... Đây là những tài liệu vô cùng quan trọng và hữu ích, cung cấp thông tin chi tiết về chương trình học và yêu cầu kiểm tra đánh giá môn học cũng như các hướng dẫn cụ thể đối với từng thắc mắc, nguyện vọng của sinh viên [H6.06.01.03].

Trong đào tạo theo học chế tín chỉ, cố vấn học tập là người có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược học tập của sinh viên. Kể từ năm học 2007 – 2008, nhà trường đã đưa ra quy định về việc phân công đội ngũ GVCH kiêm CVHT có nhiệm vụ tư vấn, trợ giúp sinh viên trong học tập, đăng ký học phần cũng như nghiên cứu khoa học, giúp sinh viên ra quyết định chọn lựa chọn chương trình đào tạo, môn học phù hợp với nhu cầu, khả năng, sở thích, kế hoạch cá nhân. Các công việc GVCH – CVHT vẫn được duy trì đều đặn hàng năm đảm bảo cho người học được tư vấn kịp thời [H6.06.03.03].

Bên cạnh đội ngũ GVCH – CVHT, Nhà trường thành lập trung tâm tư vấn và đội ngũ tư vấn trực tiếp tại VP Khoa, các trợ lý cũng như BCN Khoa để hỗ trợ kịp thời cho sinh viên khi có những thắc mắc. Hệ thống này hoạt động thường xuyên, liên tục có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng đến sự thành công trong học tập và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

Ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp số điện thoại di động và địa chỉ email để có thể liên lạc với GVCH – CVHT của mình khi có vấn đề liên quan đến việc học tập cần giải đáp, tất cả các thông tin này được công khai trên Website của Nhà trường và Khoa. Kế hoạch trực và giải quyết các công việc tư

vấn sinh viên của BCN Khoa cũng được niêm yết công khai tại văn phòng khoa [H6.06.03.05].

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ về học tập, hệ thống tư vấn của Nhà trường còn đặc biệt chú trọng đến công tác tư vấn, giới thiệu việc làm. Nhà trường mà đầu mối là phòng CT HSSV và các Khoa chủ động phối hợp với các công ty mở ngày hội việc làm tại trường tạo điều kiện cho người học được tìm hiểu về công việc thực tế, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường cũng đang được triển khai đều đặn hàng năm.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập, sinh hoạt cho người học, tạo điều kiện cho người học yên tâm và có được niềm say mê học tập. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổng kết việc triển khai nhiệm vụ tư vấn, GVCN – CVHT để đánh giá các mặt hạn chế, các mặt tích cực và từ đó giúp cải thiện hiệu quả tư vấn cho sinh viên. Nhà trường và Khoa đã tích cực, chủ động phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức giới thiệu, tư vấn việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường.

3. Những tồn tại

Nhà trường và Khoa vẫn chưa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVHT và việc cố vấn việc làm đối với sinh viên mới tốt nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, Nhà trường nên phối hợp với Khoa tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của CVHT cũng như việc cố vấn việc làm đối với sinh viên mới tốt nghiệp. Từ đó, kịp thời điều chỉnh các khâu chưa hợp lý nhằm cải thiện công tác tư vấn, đặc biệt là tư vấn việc làm cho sinh viên mới tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.4: Người học được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội.

Từ khóa: đảm bảo đầy đủ, chế độ chính sách xã hội

1. Mô tả

Đầu mỗi năm học, sinh viên chuyên ngành CKCTM của Nhà trường được phổ biến đầy đủ và kịp thời các văn bản về các chế độ chính sách như: chế độ học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, trợ cấp xã hội; miễn, giảm học phí; vay vốn tín dụng thông qua “Tuần sinh hoạt công dân của sinh viên” cũng như trên Website của Nhà trường, của Khoa và tại các buổi sinh hoạt lớp. Đồng thời thông qua Phòng CT HSSV và đội ngũ tư vấn của Khoa, sinh viên được hướng dẫn đầy đủ, kịp thời cách làm thủ tục hồ sơ để được hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông qua đó sinh viên chuyên ngành CKCTM của trường hiểu rõ được quyền lợi và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quá trình đào tạo tại trường [H6.06.04.01].

Hàng kỳ, quỹ học bổng khuyến khích học tập của trường được trích 10% từ quỹ học phí chính quy của kỳ đó để xét cấp cho các sinh viên có kết quả học tập tốt và rèn luyện tốt. Trong đó quỹ học bổng được trích cho sinh viên Khoa Cơ khí chiếm khoảng 35% tổng quỹ học bổng của Nhà trường. Số sinh viên chuyên ngành CKCTM đạt học bổng khuyến khích học tập hàng kỳ chiếm khoảng 30% trong tổng số sinh viên đạt học bổng khuyến khích học tập của toàn trường. Ngoài ra Nhà trường còn xét trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí cho các sinh viên chuyên ngành CKCTM thuộc các đối tượng chính sách theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Danh sách sinh viên chuyên ngành CKCTM hưởng chế độ chính sách xã hội được lưu giữ tại phòng CT HSSV, được đăng tải công khai trên Website của Nhà trường và được gửi về các lớp, các khoa, phòng có liên quan [H6.06.04.03], [H6.06.04.11], [H6.06.05.04].

Trạm y tế của Nhà trường được bố trí trong khuôn viên trường phục vụ việc khám chữa bệnh ban đầu cho CBVC và người học. Ngoài ra, nhà trường còn bố trí 01 phòng trực Y tế trong khu ký túc xá gồm các bác sĩ, y tá thường trực chăm sóc sức khỏe tận tình cho người học. 100% sinh viên chuyên ngành CKCTM được khám sức khỏe ngay từ đầu khóa học và được khám sức khỏe trước khi ra trường theo các quy định hiện hành của nhà nước. Ngoài ra, định kỳ hàng năm trạm y tế còn phối hợp với các bệnh viện, trung tâm y tế có uy tín tổ chức khám

sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ y bạ cho tất cả sinh viên chuyên ngành CKCTM của trường nhằm mục đích kiểm tra sức khỏe định kỳ và phát hiện kịp thời các vấn đề sức khỏe để có các phương án điều trị kịp thời. Kết thúc mỗi đợt khám sức khỏe đều có báo cáo kết quả khám và phân loại sức khỏe cho người học để làm cơ sở theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên [H6.06.04.06].

Trong những năm qua, Nhà trường nói chung và Khoa Cơ khí nói riêng luôn chú trọng đến đời sống văn hoá tinh thần của sinh viên chuyên ngành CKCTM thông qua việc phát triển các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và bố trí thời gian hợp lý để sinh viên có thể tham gia. Các hoạt động này được tổ chức định kỳ, ít nhất 1 lần/năm và đã thu hút đông đảo sinh viên tham gia, tạo được không khí vui tươi lành mạnh trong Nhà trường. Ngoài ra, sinh viên chuyên ngành CKCTM còn được tham gia các hoạt động trong các Câu lạc bộ của trường và của Khoa, tham gia các hoạt động ngoại khoá và các hoạt động tình nguyện [H6.06.05.07], [H6.06.05.10], [H6.06.05.01].

Quy mô sinh viên chuyên ngành CKCTM ngày một tăng dẫn đến nhu cầu lưu trú của sinh viên ngày một tăng theo. Để đáp ứng nhu cầu lưu trú của sinh viên, từ năm học 2009 – 2010, Nhà trường đã đưa 6 nhà ký túc xá 5 tầng vào sử dụng với 400 phòng khép kín tương ứng với hơn 3000 chỗ ở để đáp ứng nhu cầu ăn ở, sinh hoạt và học tập cho sinh viên. Mỗi nhà còn dành 4 phòng cho sinh hoạt chung, các phòng trực và thường trực y tế. Các trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá cơ bản đáp ứng được nhu cầu của sinh viên như: phòng khép kín, dịch vụ truy cập Internet, hỗ trợ định mức tiền điện, tiền nước sinh hoạt, có sân vui chơi giải trí, hệ thống căng tin phục vụ việc sinh hoạt của sinh viên luôn được duy trì hoạt động... Ký túc xá cũng có phòng trực y tế đảm bảo sơ khám ban đầu kịp thời khi cần thiết. Tuy nhiên Ký túc xá mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu nội trú của sinh viên chuyên ngành CKCTM do Nhà trường chỉ dành 2 nhà với khoảng 100 phòng cho sinh viên toàn khoa Cơ khí [Ảnh chụp Ký túc xá kèm theo của tiêu chí 4].

Bên cạnh đó, công tác an toàn đối với sinh viên trong quá trình học tập và lao động cũng luôn được quan tâm sâu sát. Tất cả các nhà xưởng thực tập, phòng

thí nghiệm, Ký túc xá đều có quy định nội quy an toàn, nội quy phòng cháy chữa cháy, nội quy và hướng dẫn sử dụng [H6.06.04.07].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách với sinh viên. Sinh viên được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, được chăm sóc sức khỏe thường xuyên và được đảm bảo an toàn trong học tập và sinh hoạt.

3. Những tồn tại

Ký túc xá của Nhà trường chưa đáp ứng được hết nhu cầu ở nội trú của người học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015, Nhà trường nên giao cho Đoàn thanh niên, Hội sinh viên có hoạt động hỗ trợ tìm kiếm nơi ở cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.5: Người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh

Từ khóa: cung cấp môi trường học tập, sinh hoạt, an toàn

1. Mô tả

Trong xu thế hội nhập, trường Đại học KTCN và khoa Cơ khí đã quan tâm đúng mức tới việc tạo môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh cho sinh viên. Nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích đã được tổ chức xuyên suốt năm học và được sắp xếp phù hợp với lịch học của sinh viên.

Nhằm tạo môi trường học tập và sinh hoạt an toàn lành mạnh cho sinh viên, Nhà trường và khoa Cơ khí đã rất cố gắng xây dựng Ký túc xá trở thành nơi lý tưởng cho người học rèn luyện và sinh hoạt với cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ nhu cầu của sinh viên, giá rẻ đồng thời các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên nội trú. Hơn 1000 sinh viên khoa Cơ khí ở nội trú tập trung tại 2 dãy nhà Ký túc xá cũng tạo điều kiện cho khoa Cơ khí quản lý sinh viên được tốt hơn [H6.06.04.08].

Khoa Cơ khí luôn tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành CKCTM tham gia vào các câu lạc bộ hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao do Khoa tổ chức thường xuyên và miễn phí. Tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong nhà trường một mặt luôn bám sát các chương trình hoạt động của tổ chức Đoàn, Hội cấp trên mặt khác chủ động sáng tạo trong chương trình hành động của mình. Kế hoạch của các chương trình ngoại khóa cho sinh viên được lập theo năm học, học kỳ [H6.06.05.10]. Trong năm 2013 sinh viên chuyên ngành CKCTM đã tham gia 3 chương trình thể thao, 3 chương trình văn nghệ, 3 chương trình hiến máu tình nguyện, 2 chương trình sinh viên tình nguyện, chương trình tiếp sức mùa thi, các hoạt động ngoại khóa khác [H6.06.05.07], [H6.06.05.08], [H6.06.05.09]. Ngoài những chương trình hoạt động do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức, sinh viên chuyên ngành CKCTM còn tham gia nhiều chương trình ngoại khóa khác do các câu lạc bộ tổ chức. Đây là những CLB chính thống dưới sự quản lý của Đoàn thanh niên và đáp ứng được hầu hết các sở thích của sinh viên; từ học tập (*CLB Tiếng Anh, CLB kỹ thuật*); tình nguyện (*CLB Mùa hè xanh, CLB tình nguyện vì cộng đồng XQM, CLB thanh niên vận động hiến máu, CLB phát thanh radio...*) đến thể thao (*CLB bóng đá, CLB cầu lông, CLB đá cầu, CLB bóng rổ, CLB võ thuật*); văn nghệ (*CLB guitar âm nhạc, CLB sáo trúc*) [H6.06.05.01].

Hàng năm, Khoa luôn có một buổi tổng kết để báo cáo về các hoạt động văn nghệ thuật, thể dục thể thao đã được thực hiện trong quá trình học để sinh viên chuyên ngành CKCTM thấy được sự quan tâm của Khoa dành cho sinh viên nói chung [H6.06.05.06]. Bên cạnh những hoạt động trên, Khoa cùng với đoàn, hội sinh viên tổ chức định kỳ cho sinh viên sinh hoạt ngoại khóa như đi tổng kết hè tại Sầm Sơn, Cửa Lò.

Hệ thống nhà ăn, căng tin của trường hoạt động liên tục phục vụ nhu cầu thiết thực của sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên chuyên ngành CKCTM nói riêng với chất lượng cao và giá cả phải chăng. Toàn bộ sinh viên trong trường đều được miễn phí sử dụng các sân vận động thể dục thể thao (tại khu Ký túc xá, khu sau giảng đường nhà A10 và sân vận động, nhà thi đấu thể

dục thể thao của trường,), sân khấu (trong nhà và ngoài trời),... [H6.06.05.02], [H6.06.05.05].

2. Điểm mạnh

Khoa đã có nhiều biện pháp hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt cho người học, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn được Khoa quan tâm và tạo mọi điều kiện cho người học yên tâm và niềm say mê trong học tập.

3. Những tồn tại

Khoa và nhà trường chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng hết nhu cầu của sinh viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, Khoa và Nhà trường nên tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về môi trường học tập và sinh hoạt đối với sinh viên toàn khoa nói chung, sinh viên chuyên ngành CKCTM nói riêng.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 6.6: Các chương trình hỗ trợ người học có hiệu quả trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách

Từ khóa: chương trình hỗ trợ, hiệu quả, giáo dục tư tưởng, hình thành nhân cách.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Trường Đại học KTCN nói chung và Khoa Cơ khí nói riêng luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và hình thành nhân cách cho sinh viên, đặc biệt là đối với sinh viên chuyên ngành CKCTM. Nhà trường đã có những quy định về chức trách và nhân sự, về trách nhiệm tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho sinh viên, các quy định cho người học về nghĩa vụ tham gia các hoạt động này, do đó đã có rất nhiều các hoạt động được tổ chức và mang lại hiệu quả [H6.06.06.01], [H6.06.06.02].

Nhà trường đã có những tài liệu tuyên truyền hướng dẫn sinh viên về các

hành vi đạo đức và các giá trị mong đợi như trong các cuốn sổ tay HSSV, niên giám trường học... Các tài liệu này sinh viên được phát miễn phí vào đầu khóa học. Nhà trường còn có kế hoạch và triển khai sinh hoạt lớp vào đầu mỗi năm học do vậy sinh viên được phổ biến kịp thời các hoạt động cũng như trao đổi các vướng mắc với cố vấn học tập.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức rất nhiều các hoạt động tích cực như: “*Tuần sinh hoạt công dân*” để giới thiệu về nhà trường, sứ mệnh của nhà trường cũng như phối hợp với các cơ quan chức năng trong tỉnh để phổ biến pháp luật, về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội vào đầu năm học, kết quả 100% sinh viên tham gia viết bài thu hoạch thì có trên 90% số bài đạt yêu cầu; triển khai tích cực, hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động tới sinh viên của chương trình đào tạo như: cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, cuộc vận động “*Hai không*” [H6.06.06.05], Khoa còn động viên được đông đảo sinh viên tham gia những hoạt động chung của Đoàn trường như: đi thực tế, đi tình nguyện, tham dự hội thi tìm hiểu về phòng chống ma túy, tham gia hội trại phòng chống ma túy, lễ ra quân phòng chống ma túy, tham gia hội thi thanh niên với công tác phòng chống tệ nạn xã hội do Đoàn Khối Dân chính Đảng tổ chức, toàn bộ sinh viên của khoa tham gia ký kết cam kết không vi phạm luật giao thông đường bộ, phóng chống đốt pháo khi nghỉ tết nguyên đán,... Cùng với các hoạt động mang tính chất định kỳ như trên, vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như: ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (26/3), ngày sinh nhật Bác (19/5), chào mừng ngày giải phóng miền Nam (30/4) và ngày Quốc tế lao động (1/5), ngày quốc khánh,... tùy điều kiện cụ thể từng năm mà Khoa cùng với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động theo chương trình kế hoạch của Nhà trường như các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao... nhằm mục đích rèn luyện tư tưởng và hình thành nhân cách cho sinh viên [H6.06.06.02], [H6.06.06.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về lao động công ích đối với sinh viên toàn trường nhằm giáo dục nhận thức của sinh viên về lao động, sinh viên yêu lao động và các thành quả do lao động mà có [H6.06.06.01].

Qua những hoạt động trên sinh viên của Khoa cũng như sinh viên chuyên ngành CKCTM được bồi dưỡng về nhận thức, về tình cảm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lối sống lành mạnh, có tinh thần, trách nhiệm với tương lai, gia đình và xã hội. Theo báo cáo tổng kết qua các năm đã cho thấy kết quả rèn luyện của sinh viên trong Khoa xếp loại khá trở lên chiếm tỷ lệ cao (hơn 30%) và nhiều sinh viên được Nhà trường, Khoa khen thưởng vì đã có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc. Đại bộ phận sinh viên đã có ý thức hơn trong sinh hoạt, học tập và hoạt động cộng đồng, trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, thực hiện tốt các quy định của Nhà trường và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Tỷ lệ sinh viên vi phạm pháp luật hầu như không có.

Mặc dù vậy, tình trạng thiếu ý thức kỷ luật vẫn tồn tại ở một số sinh viên, biểu hiện như nghỉ học nhiều, đến lớp không đúng giờ, mất trật tự trong lớp, vi phạm quy chế thi và kiểm tra. Ngoài những hoạt động chung của Nhà trường thì số lượng các hoạt động mà Khoa tổ chức còn ít, chưa có hoạt động mang tính chất đặc thù dành riêng cho chuyên ngành CKCTM. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng, mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã quan tâm đúng mức các hoạt động trên nên việc tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của sinh viên có chuyển biến rõ rệt. Tình hình trật tự, an ninh trong Khoa cũng như trong toàn trường nói chung rất tốt.

3. Những tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa có giải pháp hiệu quả, thu hút, lôi cuốn được sinh viên tham gia. Bên cạnh đó còn chưa tổ chức được các hoạt động mang tính đặc thù dành riêng cho sinh viên chuyên ngành CKCTM. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2014 – 2015 Khoa Cơ khí có các biện pháp để tạo sự hứng thú và lôi cuốn sinh viên tham gia, xây dựng được những hoạt động riêng, mang tính đặc thù bên cạnh những hoạt động chung của nhà trường trong công tác rèn luyện tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cho sinh viên chuyên ngành CKCTM [H6.06.06.04]. Nhà trường nên tổ chức đánh giá về số lượng và mức độ người học hưởng ứng và tham gia các hoạt động này mỗi năm 1 lần.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 4

Kết luận về tiêu chuẩn 6:

- Nhà trường và khoa Cơ khí luôn luôn đảm bảo các chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo.

- Người học luôn luôn được đảm bảo cung cấp đầy đủ mọi thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập.

- Nhà trường và khoa Cơ khí luôn tích cực chủ động trong việc cung cấp cho người học đầy đủ các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập đảm bảo người học được chủ động trong việc lập kế hoạch học tập của bản thân cũng như kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường.

- Người học được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh, đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội.

- Các chương trình hỗ trợ người học trong việc giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách cũng được triển khai rộng rãi, tích cực như các cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phong trào lao động công ích trong sinh viên, phong trào tình nguyện, tiếp sức mùa thi,...

TIÊU CHUẨN 7: TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT

Mở đầu:

Trang thiết bị, cơ sở vật chất trong đào tạo đóng vai trò đặc biệt quan trọng, đặc biệt trong các khối ngành kỹ thuật nói chung và chuyên ngành CKCTM nói riêng. Để phục vụ cho chương trình đào tạo CKCTM, Nhà trường đã chủ động, tích cực trong việc trang bị các thiết bị tiên tiến, hiện đại đảm bảo phù hợp với thực tế trong sản xuất. Phòng làm việc của giảng viên được bố trí hợp lý, độc lập và phòng học của sinh viên luôn đảm bảo rộng rãi, sạch sẽ và hiện đại. Thư viện của Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ trong toàn trường. Nhà trường luôn trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo CKCTM, các thiết bị này được bố trí tập trung tại 2 trung tâm của nhà trường là Trung tâm Thí nghiệm và Trung tâm Thực nghiệm đảm bảo hoạt động hiệu quả cho cả việc học tập và nghiên cứu khoa học. Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của người học, cán bộ, giảng viên trong toàn trường. Các biện pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm.

Tiêu chí 7.1: Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo CKCTM.

1. Mô tả.

Đến tháng 1 năm 2013 tổng số phòng học của toàn trường là 79 phòng, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Trong đó 9 phòng học có sức chứa từ 150 đến 200 người, ngoài ra còn có một hội trường lớn 300 chỗ ngồi. Các phòng học được sử dụng 02 ca/ ngày, tỷ lệ diện tích sử dụng phòng học/ sinh viên là 2,8 m², các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế chuẩn, bảng từ, 60 phòng học được trang bị máy chiếu projector, 26 phòng học được trang bị tăng âm, loa, mic, 5 phòng học chương trình tiên tiến được trang bị điều hòa nhiệt độ [H7.07.01.01].

Nhà trường có 2 trung tâm: Trung tâm thực nghiệm có tổng diện tích 3288 m², có xưởng cơ khí gồm ban nghề: Ban CNC, ban tiện, ban phay, ban bào, ban

mài, ban sửa chữa, ban nguội, ban hàn, ban rèn. Xưởng điện có 4 ban nghề gồm: Ban điện tử, ban máy điện, ban đo lường, ban trang bị. Trung tâm thí nghiệm có tổng diện tích: 4931 m², số phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử, phòng thí nghiệm Cơ khí – Động lực – Xây dựng, phòng thí nghiệm Khoa học cơ bản – Môi trường, phòng thí nghiệm chương trình tiên tiến, phòng thí nghiệm khoa điện tử, phòng thực hành máy tính. Hai trung tâm được trang bị đầy đủ thiết bị thiết bị (trong đó có nhiều thiết bị hiện đại) phục vụ tốt cho công tác thực hành thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu sinh [H7.07.01.02; H7.07.01.03].

Toàn trường có 06 phòng máy tính phục vụ thực hành với tổng số máy tính 262 bộ (trong đó có 02 phòng máy tính học ngoại ngữ với 62 bộ) phục vụ cho sinh viên và cán bộ học tập, nghiên cứu khoa học [H7.07.01.02].

Đội ngũ giáo viên được trang bị phòng làm việc rộng rãi và đầy đủ trang thiết bị làm việc cụ thể: GS, PGS, TS được bố trí 01 người/ 01 phòng, ThS được bố trí 02 người/01 phòng, KS được bố trí 03 người/ phòng, diện tích trung bình mỗi phòng 20 m², được trang bị đầy đủ bàn ghế làm việc với sinh viên, mỗi phòng có 01 bảng từ, mỗi bộ môn có 01 phòng chung, 3 khoa có 01 hội trường diện tích 50 m² [H7.07.01.04].

Khu vui chơi giải trí của trường có tổng diện tích 12782 m² bao gồm: 01 sân vận động thể dục thể thao, 01 sân bóng đá mini, 02 sân bóng rổ, 02 sân bóng chuyền, 01 nhà tập thể thao, 02 sân tennis, 01 sân khấu trong nhà, 01 sân khấu ngoài trời đảm bảo cho hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao cho cán bộ và học sinh trong toàn trường [H7.07.01.05].

2. Những điểm mạnh:

Các phòng học của Trường thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam, 100% là nhà kiên cố, không có nhà cấp 4, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập. Phần lớn các phòng học được trang bị dụng cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại.

3. Những tồn tại:

Có một vài phòng học bị thấm khó xử lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường có kế hoạch khảo sát đề ra phương án và xử lý chống thấm.

5. Tự đánh giá: đạt mức 3

Tiêu chí 7.2: Có thư viện với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ.

1. Mô tả.

Thư viện của Nhà trường gồm 2 khu vực (phục vụ chương trình thường và phục vụ chương trình tiên tiến) có tổng diện tích xây dựng 3.476 m² gồm 19 phòng được trang bị đầy đủ giáo trình sách tiếng Việt, tiếng Anh cho tất cả các học phần, trong đó nhiều học phần có cả tài liệu in và tài liệu điện tử.

Tính đến tháng 12 năm 2013, Thư viện Trường có 109.942 cuốn sách tiếng Việt, trên 3000 cuốn sách tiếng Anh. Bên cạnh đó Trung tâm học liệu của Đại học Thái nguyên có 210.000 cuốn sẵn sàng phục vụ nhu cầu đọc giả của Nhà trường.

Trong số 109.942 cuốn sách, giáo trình có 20.138 cuốn giáo trình dùng làm tài liệu giảng dạy, học tập, tham khảo; sách, tạp chí ngoại văn có 32.000 cuốn. Ngoài số tài liệu là sách và giáo trình, hệ thống thư viện còn có trên 50 đầu báo, tạp san; 2000 quyển tạp chí chuyên ngành; 2000 quyển luận văn Thạc sỹ, luận án Tiến sỹ và khóa luận tốt nghiệp của SV các khoá, đủ mức đáp ứng cho nhu cầu của độc giả.

Bắt đầu từ năm 2001 nhà trường đã ứng dụng phần mềm Libol trong quản lý thư viện và đưa thư viện điện tử vào sử dụng, tính đến nay đã có 4000 đầu sách được số hóa, bên cạnh đó sinh viên còn được cấp tài khoản sử dụng thư viện điện tử của trung tâm học liệu và nguồn tài nguyên của thư viện điện tử này rất phong phú, trong đó có nhiều tài liệu thuộc lĩnh vực cơ khí. Để thuận lợi cho việc tra cứu thư viện điện tử, Nhà trường đã trang bị 02 phòng máy tính với 50 máy phục vụ độc giả truy cập nguồn tài liệu điện tử của Nhà trường và của Trung tâm học liệu, đồng thời xây dựng tài liệu hướng dẫn tra cứu tài liệu điện tử của Nhà trường [H7.07.02.04].

Mấy năm gần đây Nhà trường đầu tư trung bình hàng năm khoảng 800 triệu đồng để mua thêm tài liệu cho thư viện (không kể số giáo trình do Trường biên soạn và in tại các NXB). Các đầu sách, giáo trình tại thư viện phần lớn mới xuất bản, đặc biệt có nhiều đầu sách tiên tiến trên thế giới.

Nhìn chung thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, cán bộ và sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử.

2. Những điểm mạnh.

Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến trên thế giới, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử.

3. Những tồn tại.

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Định kỳ hàng năm khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sử dụng tài liệu và chất lượng phục vụ của thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 7.3: Có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm và phòng làm việc đáp ứng nhu cầu của người học, cán bộ, giảng viên.

Với diện tích sử dụng 35 ha đáp ứng cho Nhà trường đại học xây dựng nhà làm việc, giảng đường, phòng học, khu vui chơi giải trí. Hiện tại tổng diện tích Trường đã xây dựng được: Nhà điều hành diện tích 3.944 m²; Nhà làm việc các khoa diện tích 10351m²; Trung tâm thực nghiệm diện tích 3288 m²; Trung tâm thí nghiệm diện tích 4931 m²; Giảng đường học diện tích 16317 m²; Hội trường lớn diện tích 612 m²; Thư viện diện tích 3.476 m²; Ký túc xá diện tích 19.080 m²; Các công trình phụ trợ khác diện tích 2.465 m²; khu văn hóa thể thao vui chơi giải trí 12.782 m².

Tổng số phòng học của Nhà trường hiện có là 79 được bố trí ở các nhà A7 (11 phòng), A8 (12 phòng), A9 (17 phòng), A10 (20 phòng), A16 (16 phòng), nhà thí nghiệm (5 phòng thuộc chương trình tiên tiến). Được thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam. Với số lượng phòng học như trên và theo kế hoạch phân công các lớp học phần Nhà trường đáp ứng đủ phòng học 2 ca/ ngày (tính cả thứ 7 và chủ nhật với 1 ca là 4 tiết).

Trong năm 2014 Nhà trường đã sửa chữa lớn toàn bộ các nhà A1; A2; A3; A4; A5 và bố trí khu làm việc cho các khoa với quy mô: GS, PGS, TS được một phòng riêng có diện tích 20 m²; ThS được 2 người một phòng có diện tích 20 m², KS được 3 người một phòng có diện tích 20 m². Phòng trưởng khoa được trang bị điều hòa nhiệt độ, ba khoa có một hội trường với diện tích 20 m² được trang bị bàn quây và 50 ghế, một máy chiếu projector, mỗi phòng được trang bị một bàn tử, mạng Internet, đặc biệt có ba nhà A3; A4; A6 được trang bị thêm hệ thống mạng không dây. Do đó đáp ứng tốt cho công tác quản lý và sinh hoạt chuyên môn.

Khu ký túc xá được trang bị hệ thống mạng Internet với 6 đường truyền có tốc độ cao (đường truyền cáp quang tốc độ 70Mb/s) phục vụ miễn phí cho sinh viên, ngoài ra sinh viên được miễn phí nước uống, 01 m² nước sạch/ tháng, 05 KW điện/ tháng.

2. Những điểm mạnh

Các phòng học và tòa nhà làm việc của Nhà trường thiết kế đạt tiêu chuẩn Việt Nam, phòng làm việc của giảng viên tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

3. Những tồn tại.

Lượng sinh viên đến tự học tại các phòng máy tính miễn phí còn quá ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2014 – 2015 dự kiến xây dựng thêm một tòa nhà thư viện. tạo môi trường học thân thiện, động viên khuyến khích tinh thần tự học và rèn luyện cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 7.4: Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học, cán bộ, giảng viên

Từ khóa: hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ, thông tin, đáp ứng nhu cầu

1. Mô tả

Các ngành học của Nhà trường phần lớn là sử dụng chung các nguồn lực về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin cũng được sử dụng chung.

Tổng số máy tính trong Nhà trường có 373 bộ, trong đó số máy chủ là 09, số máy tính phục vụ thực hành là 281, số máy tính phục vụ giảng dạy, làm việc và NCKH là 83. Số máy chiếu đa năng là 62 máy, toàn bộ các phòng học tại các giảng đường và các phòng máy tính phục vụ thực hành được lắp cố định máy chiếu phục vụ giảng dạy và học tập.

Nhà trường đã xây dựng mạng Intranet kết nối các bộ phận trong Trường [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Toàn bộ máy tính của Nhà trường được kết nối Internet tốc độ cao (đường truyền cáp quang tốc độ 70Mb/s) phục vụ cán bộ, giảng viên và SV Nhà trường truy cập miễn phí 24/24h. Trong khuôn viên Nhà trường được phủ sóng Internet không dây, toàn bộ hệ thống này được quản lý trực tuyến thông qua mạng Internet và có thể kiểm soát được việc truy cập của người sử dụng [H7.07.01.02], [H7.07.01.03].

Website của Nhà trường bắt đầu hoạt động năm từ năm 2004 và năm 2006 được nâng cấp thành cổng thông tin điện tử (<http://www.tnut.edu.vn>) trong đó các phòng, khoa, trung tâm có website riêng. Nhà trường đã thành lập Phòng công nghệ thông tin và thư viện quản trị Cổng thông tin điện tử, đồng thời ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ban này. Toàn thể cán bộ, giảng viên và SV được cung cấp miễn phí hòm thư điện tử của Nhà trường.

Năm 2013, hệ thống học trực tuyến (E-learning) của Trường được triển khai tại địa chỉ <http://el.tnut.edu.vn> đã cung cấp một phương tiện học tập có hiệu quả cho SV [H7.07.03.02].

Công tác quản lý được tin học hóa khá tốt. Việc đăng ký môn học, sắp xếp lịch học, phân công giáo viên, quản lý điểm thi được thực hiện trên phần mềm

quản lý đào tạo EDUSOFT [H6.06.01.01]. Bộ phận tài vụ và tổ chức cán bộ có phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác quản lý. Nhà trường có đội ngũ kỹ thuật viên hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng sử dụng máy tính và hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý.

Nhà trường hiện có 4 phòng máy tính phục vụ thực hành với tổng số máy tính là 200 máy và 02 phòng máy tính với 62 máy phục vụ học ngoại ngữ. Hệ thống máy tính này luôn được đảm bảo hệ số kỹ thuật bởi cán bộ chuyên trách quản lý để hoạt động đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, còn hạn chế trong vấn đề an ninh mạng.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường ứng dụng những phần mềm, thiết bị mới trong đào tạo và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng, Nhà trường đã xây dựng quy định việc sử dụng cho hệ thống mạng và hệ thống phòng máy tính phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

3. Những tồn tại

Công tác đảm bảo an ninh cho mạng máy tính và tốc độ đường truyền thực hiện chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2013-2014, xây dựng cơ chế và giải pháp đảm bảo an ninh cho hệ thống mạng máy tính và tăng tốc độ đường truyền internet.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 7.5: Có các biện pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, cơ sở vật chất của chương trình đào tạo.

Từ khóa: biện pháp, đảm bảo, hiệu quả sử dụng, trang thiết bị, cơ sở vật chất.

1. Mô tả

Các trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường trực tiếp phục vụ giảng dạy như giảng đường, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành ngoại ngữ, hệ thống bàn ghế, máy tính, âm ly loa đài... được dùng chung trong toàn

Trường. Khi sử dụng các trang thiết bị này được điều phối qua thời khoá biểu hoặc lịch theo đơn xin đề nghị của các đơn vị, do đó tần suất sử dụng đạt mức cao: 2 ca trong ngày cả ngày thứ 7 và chủ nhật.

Phòng Quản trị Phụ vụ chịu trách nhiệm quản lý tổng thể các trang thiết bị của Trường. Đối với các thiết bị giao cho khoa sử dụng, khi hỏng hóc các đơn vị này làm đơn đề nghị lên Phòng Quản trị Phụ vụ và Nhà trường xem xét đáp ứng. Từ đó, các kế hoạch thay thế và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động riêng của các đơn vị cũng do các đơn vị chức năng đề nghị, các trang thiết bị phục vụ chung cho toàn trường do Phòng Quản trị Phụ vụ đề nghị, Ban Giám hiệu quyết định [H7.07.01.02].

Việc trích khấu hao tài sản được Nhà trường thực hiện theo quy định của Bộ tài chính, đối với việc sửa chữa hoặc hỗ trợ kỹ thuật cho các trang thiết bị thì Nhà trường có quy định riêng. Khi có hỏng hóc cần phải sửa chữa, nhà trường tiến hành nhanh chóng đối với những hỏng hóc đơn giản. Đối với những thiết bị có chi phí lớn, hoặc cần phải thay thế hàng loạt thì chậm trễ hơn.

Các đơn vị khi muốn sử dụng các trang thiết bị đều phải có đơn xin mượn, khi giao nhận đều được xác nhận trong sổ sách. Tuy nhiên, việc ghi nhật ký mô tả các vấn đề gặp phải khi sử dụng trang thiết bị này thực hiện chưa đầy đủ, chỉ thấy thường xuyên ở phòng máy. Trong các phòng học, phòng máy có nội quy sử dụng, hướng dẫn sử dụng. Tuy nhiên việc thực hiện này còn chưa đầy đủ ở các thiết bị như máy chiếu, âm ly loa đài trên khu giảng đường. Khiến nhiều thiết bị giáo viên và sinh viên sử dụng chưa đúng cách hoặc lãng phí.

Để đánh giá mức độ đáp ứng của các trang thiết bị đối với người sử dụng, năm 2011 – 2012, Nhà trường có lấy ý kiến đánh giá khoá học của sinh viên và giảng viên trong đó có tiêu chí về cơ sở vật chất. Tuy nhiên, khảo sát này chưa được tiến hành thường xuyên, định kỳ.

Trong quá trình sử dụng, Nhà trường có kiểm kê, đánh giá chất lượng, đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, giảng đường lớn, thực hành, phòng làm việc cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường; Để đảm bảo hệ số kỹ thuật cho các thiết bị tại các phòng học và phòng máy tính, ngoài

việc kiểm tra thường xuyên, Nhà trường còn tiến hành tiêu từ 3 tháng 1 lần, trung tu 6 tháng 1 lần, đại tu 1 năm một lần.

2. Điểm mạnh

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị có khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng, có tiếp thu ý kiến phản hồi thường xuyên của cán bộ, giảng viên và sinh viên để sửa chữa, mua mới trang thiết bị.

3. Tồn tại

Việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị còn tiến hành chưa đầy đủ ở các trang thiết bị và các phòng học. Khai thác thiết bị chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải thiện chất lượng

Ngay trong năm học 2014 – 2015 này Nhà trường đã bổ sung hướng dẫn sử dụng lên các thiết bị ở giảng đường như máy chiếu, âm ly loa đài... Tuy nhiên cần đòi hỏi nâng cao hiệu quả khai thác các trang thiết bị thí nghiệm, thực hành.

5. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

- Để phục vụ cho chương trình đào tạo CKCTM, Nhà trường đã chủ động, tích cực trong việc trang bị các thiết bị tiên tiến, hiện đại đảm bảo phù hợp với thực tế trong sản xuất.

- Phòng làm việc của giảng viên được bố trí hợp lý, độc lập và phòng học của sinh viên luôn đảm bảo rộng rãi, sạch sẽ và hiện đại.

- Thư viện của Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ trong toàn trường.

- Nhà trường luôn trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hiện chương trình đào tạo CKCTM, các thiết bị này được bố trí tập trung tại 2 trung tâm của nhà trường là Trung tâm Thí nghiệm và Trung tâm Thực nghiệm đảm bảo hoạt động hiệu quả cho cả việc học tập và nghiên cứu khoa học.

- Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ.

TIÊU CHUẨN 8: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY/ HỌC TẬP

Mở đầu:

Để đảm bảo hiệu quả của chương trình đào tạo, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình CKCTM theo chương trình hoạt động chung của Nhà trường về công tác đánh giá, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Kết quả lấy ý kiến đánh giá của người học về các môn học được giảng viên của chương trình sử dụng để điều chỉnh đề cương môn học và phương pháp giảng dạy. Thông qua đó chương trình đào tạo CKCTM được Nhà trường và khoa liên tục cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các yêu cầu của cả nhà tuyển dụng, người học và xã hội nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chương trình đào tạo được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo bao gồm sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

Từ khóa: chương trình đào tạo, định kỳ, ý kiến phản hồi, hiệu quả, hoạt động đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo của chương trình CKCTM theo chương trình hoạt động chung của Nhà trường về công tác đánh giá, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được tiến hành định kỳ mà mới chỉ được tổ chức ở những thời điểm cần thiết [H8.08.01.01].

Từ tháng 4 năm 2008, Nhà trường đã định kỳ tiến hành lấy ý kiến đánh giá người học về các môn học của chương trình đào tạo CKCTM (kết hợp với hoạt động đánh giá giảng viên) [H8.08.01.02; H8.08.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trực tuyến qua mạng Internet [H8.08.01.04].

Kết quả lấy ý kiến đánh giá của người học về các môn học được giảng viên của chương trình sử dụng để điều chỉnh đề cương môn học và phương pháp giảng dạy. Kết quả lấy ý kiến đánh giá của sinh viên, tổ chức tuyển dụng và cựu

sinh viên đã được sử dụng để điều chỉnh chương trình đào tạo CKCTM [H1.01.01.04; H1.01.01.05]. Để nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo CKCTM, Nhà trường cũng đã lấy ý kiến sinh viên về hoạt động phục vụ đào tạo của các phòng, ban chức năng và các Khoa.

Nhà trường đã ban hành quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về hoạt động đào tạo. Phòng Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị thiết kế, điều chỉnh mẫu phiếu khảo sát, tổ chức lấy ý kiến cũng như xử lý và lưu trữ số liệu sau khảo sát [H8.08.01.05].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã định kỳ khảo sát ý kiến người học về các môn học và giảng viên của chương trình đào tạo CKCTM trong mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được áp dụng để điều chỉnh đề cương, phương pháp giảng dạy.

Ý kiến nhà tuyển dụng, cựu người học về hiệu quả của hoạt động đào tạo của chương trình CKCTM tổng hợp đã được hội đồng khoa học và đào tạo khoa nghiên cứu điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội vào năm 2013.

Quy định về công tác lấy ý kiến người học, cán bộ, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng cũng như quy trình thực hiện đã được ban hành.

3. Những tồn tại

Chương trình đào tạo CKCTM chưa được định kỳ lấy ý kiến nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về hiệu quả của hoạt động đào tạo, mẫu điều tra chưa có tính đại diện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ điều tra, thu thập ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên với quy mô mẫu đủ lớn, áp dụng lấy ý kiến riêng cho chương trình đào tạo CKCTM từ năm học 2014-2015.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 8.2: Chương trình đào tạo được điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội

Từ khóa: chương trình đào tạo, điều chỉnh, ý kiến phản hồi

1. Mô tả

Để đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo thu được kết quả tốt, Nhà trường đã ra quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành CKCTM trên cơ sở mời nhà tuyển dụng cùng đánh giá về hoạt động đào tạo [H8.08.02.01; H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Cùng với hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, hội sinh viên được Nhà trường tổ chức [H8.08.01.05] để rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo [H8.08.02.04].

Bắt đầu từ năm 2008, đào tạo theo học chế tín chỉ được áp dụng thay thế cho đào tạo theo niên chế cũng phản ánh sự thay đổi tích cực của Nhà trường về cơ chế đào tạo theo xu hướng đã thực hiện ở các nước tiên tiến trên thế giới.

Ngoài ra, để hoàn thiện các chương trình đào tạo, Nhà trường còn tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế như chương trình liên kết đào tạo của Đại học Buffalo, Hoa kỳ ...

Tuy nhiên, việc điều chỉnh chương trình đào tạo mới chủ yếu dựa trên tham khảo ý kiến của người sử dụng lao động, các chương trình đào tạo tiên tiến. Việc lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên đánh giá về chương trình đào tạo để điều chỉnh còn nhiều hạn chế.

2. Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham khảo các chương trình đào tạo quốc tế, các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các nhà đào tạo và các tổ chức xã hội khác.

3. Những tồn tại

Việc thu thập ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên về chương trình đào tạo chưa thực sự được quan tâm, do đó các góp ý từ phía họ là không nhiều

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, người học và xã hội. Các ý kiến từ phía sinh viên, cựu sinh viên sẽ được mở rộng do tăng số lượng điều tra do vậy kết quả sẽ cho độ chính xác cao hơn.

5. Tự đánh giá kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 8:

- Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về hiệu quả của hoạt động đào tạo của chương trình CKCTM theo chương trình hoạt động chung của Nhà trường về công tác đánh giá, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Chương trình đào tạo CKCTM đã được Nhà trường và khoa chủ động điều chỉnh phù hợp với các yêu cầu của cả nhà tuyển dụng, người học và xã hội nói chung.

IV. KẾT LUẬN CHUNG

Qua quá trình đánh giá các tiêu chuẩn của chương trình đào tạo CKCTM có thể rút ra một số kết luận sau:

- Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo CKCTM hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh của nhà trường. Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra cũng luôn được điều chỉnh, cập nhật, bổ sung đáp ứng nhu cầu xã hội. Hơn nữa, việc thực hiện, điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo đã có sự góp ý của các bên tham gia: Nhà trường, khoa Cơ khí, cựu sinh viên, sinh viên, người sử dụng lao động. Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy là chương trình đào tạo khi xây dựng, bổ sung, điều chỉnh vẫn chưa thu hút nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học ngoài trường.

- Chương trình đào tạo CKCTM được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ GD – ĐT. Chương trình đảm bảo sự cân đối, logic giữa các khối kiến thức và giữa các học phần, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản cũng đã được quan tâm một cách rõ nét. Chương trình đào tạo đảm bảo cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu xã hội thể hiện ở số sinh viên tốt nghiệp ra trường xin được việc ngay và số sinh viên làm đúng ngành nghề chiếm tỷ lệ cao. Chương trình đào tạo khi xây dựng và sau các lần điều chỉnh, bổ sung cho phép liên thông tốt với các ngành, đảm bảo cho người học cơ hội học tập sau đại học ngay sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh sự liên kết chặt chẽ giữa các học phần của chương trình thì số lượng các học phần tự chọn tương đối lớn, đa dạng về các lĩnh vực đảm bảo cho người học tự lựa chọn các học phần, tự đặt kế hoạch học tập và thời gian học tập cho mình.

- Chương trình đào tạo được tổ chức linh hoạt, người học được xác định có vai trò trung tâm trong quá trình học tập. Xuyên suốt chương trình, sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên là: giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, gợi mở, sinh viên đóng vai trò là người chủ động tiếp nhận kiến thức, tự giác học tập để lĩnh hội tri thức cũng như các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của mình. Trong quá trình học tập, ngoài sự hướng dẫn của giảng viên trực tiếp giảng dạy,

sinh viên còn được sự cố vấn nhiệt tình của đội ngũ cố vấn là GVCN – CVHT, của đội ngũ trợ lý khoa, của BCN khoa Cơ khí cùng các văn bản ban hành hướng dẫn việc thực hiện chương trình đào tạo được công bố công khai trên các trang Web của Nhà trường và của khoa Cơ khí. Sự linh hoạt, mềm dẻo của chương trình đào tạo CKCTM còn giúp người học dễ dàng đăng ký học các chương trình khác đồng thời, tạo điều kiện cho người học có cơ hội học tập các ngành, chuyên ngành khác mà không mất quá nhiều thời gian chuyển đổi.

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác thi một cách minh bạch, chặt chẽ, đảm bảo sự công bằng đối với mọi sinh viên. Các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng rất đa dạng, tuy nhiên tập trung theo hướng phát huy khả năng hiểu biết cũng như khả năng vận dụng kiến thức đã học của sinh viên. Các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra đánh giá kết quả học tập và khiếu nại được xem xét, rà soát tỉ mỉ và được công bố đến từng sinh viên thông qua rất nhiều kênh: GVCN – CVHT, giảng viên giảng dạy, Website của Nhà trường và khoa, Sổ tay sinh viên,... Nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo tính chính xác của kết quả học tập của sinh viên. Việc công bố kết quả thi, kiểm tra cũng được quy định chặt chẽ đảm bảo kịp thời giúp cho việc đăng ký học tập của sinh viên hiệu quả.

- Chương trình đào tạo CKCTM là một trong những chương trình đào tạo lâu nhất của Nhà trường, vì vậy đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia quá trình giảng dạy chiếm tỉ lệ lớn trong toàn bộ cán bộ viên chức của Nhà trường, trong đó phần lớn đều có học vị từ thạc sĩ trở lên. Tỉ lệ giảng viên có trình độ PGS, TS cũng chiếm tỉ lệ lớn và đóng góp cơ bản cho quá trình đào tạo của chương trình. Nhà trường và khoa Cơ khí luôn quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên trẻ. Tiêu chí tuyển dụng giảng viên của Nhà trường ngày một nâng cao (cả về năng lực học tập và trình độ ngoại ngữ, tin học) đảm bảo chọn được những người giỏi nhất tham gia chương trình đào tạo. Việc bố trí, sắp xếp nhân lực vào các vị trí được Nhà trường và khoa quan tâm cân nhắc, đặc biệt là với đội ngũ cán bộ chủ chốt của khoa. Nhà trường và khoa luôn chủ động trong việc đánh giá cán bộ, giảng viên nhằm nâng cao chất lượng

đội ngũ cũng như hiệu quả công tác. Hàng năm nhà trường đều có phong trào thi đua nhằm chọn những cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc để đồng viên tinh thần, vật chất có cán bộ, giảng viên.

- Ngoài đội ngũ cán bộ giảng viên, lực lượng không thể thiếu tham gia vào quá trình đào tạo là sinh viên. Đối với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên có vai trò là trung tâm của quá trình đào tạo. Vì vậy Nhà trường và khoa Cơ khí luôn có chính sách hợp lý thu hút người học tham gia vào quá trình đào tạo. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra cũng như các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và có thể chủ động tìm hiểu thông qua các Website của Nhà trường và khoa. Bên cạnh đó, Nhà trường và khoa Cơ khí luôn chủ động cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập, đặc biệt là tư vấn nghề nghiệp và việc làm. Nhà trường và khoa luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ, chính sách xã hội và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên yên tâm học tập. Hơn nữa, môi trường học tập và sinh hoạt của sinh viên luôn được đảm bảo an toàn và lành mạnh. Các chương trình giáo dục tư tưởng, đạo đức và hình thành nhân cách của sinh viên cũng luôn được khoa và các cấp Nhà trường quan tâm.

- Trang thiết bị phục vụ chương trình đào tạo CKCTM luôn được các cấp Nhà trường và khoa Cơ khí quan tâm đáp ứng. Giảng viên được bố trí phòng riêng với cơ sở vật chất tương đối đầy đủ. Sinh viên được học trong các phòng học rộng rãi, thoáng mát có trang bị đầy đủ quạt điện, đèn chiếu sáng, bàn ghế đủ tiêu chuẩn, các thiết bị phục công tác giảng dạy hiện đại. Bên cạnh đó, sinh viên được thực hành, thực tập trên các máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến, cập nhật với các thiết bị ngoài xã hội. Các thiết bị này đều được bố trí tập trung tại hai trung tâm của nhà trường để thuận lợi cho quá trình triển khai đào tạo và phối hợp đào tạo các chương trình khác. Hệ thống thư viện nhà trường liên tục được cập nhật các tài liệu giảng dạy và học tập mới nhất, đầy đủ các tiếng Việt và tiếng Anh. Số đầu tài liệu và số lượng các tài liệu lớn đảm bảo nhu cầu của cả giảng viên và sinh viên. Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chương trình đào tạo CKCTM được trang bị đầy đủ, hiện đại, tốc độ cao, luôn

sẵn sàng hoạt động đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng của cả giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó, để đảm bảo hiệu quả sử dụng thiết bị này nhà trường chủ động đề ra các quy định về việc sử dụng các thiết bị và phổ biến đến từng giảng viên, sinh viên được biết và thực hiện, những thiết bị này không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy mà còn rất hữu ích cho việc nghiên cứu khoa học của cả giảng viên và sinh viên.

- Chất lượng quá trình giảng dạy/học tập luôn được Nhà trường và khoa Cơ khí quan tâm đúng mực. Việc định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, các nhà khoa học cùng lĩnh vực trên cả nước) về hiệu quả của hoạt động đào tạo cũng được nhà trường triển khai, tuy nhiên chưa có kế hoạch định kỳ. Chương trình đào tạo được điều chỉnh trên cơ sở phản hồi ý kiến từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên và xã hội, tuy nhiên việc lấy ý kiến chưa nhiều nơi và chưa đa dạng trong các lĩnh vực, nhà máy, do đó có thể ảnh hưởng đáng kể đến độ tin cậy.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2015

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Minh Đức

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã/Tên trường: Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Tên chương trình: Cơ khí chế tạo máy

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Thang điểm					Điểm trung bình của tiêu chuẩn
	0	1	2	3	4	
<i>Tiêu chuẩn 1</i>						2,75
Tiêu chí 1.1			2			
Tiêu chí 1.2				3		
Tiêu chí 1.3				3		
Tiêu chí 1.4				3		
<i>Tiêu chuẩn 2</i>						2,83
Tiêu chí 2.1				3		
Tiêu chí 2.2				3		
Tiêu chí 2.3				3		
Tiêu chí 2.4				3		
Tiêu chí 2.5			2			
Tiêu chí 2.6				3		
<i>Tiêu chuẩn 3</i>						3,67
Tiêu chí 3.1					4	
Tiêu chí 3.2					4	
Tiêu chí 3.3				3		
<i>Tiêu chuẩn 4</i>						3,00
Tiêu chí 4.1				3		
Tiêu chí 4.2				3		
Tiêu chí 4.3					4	
Tiêu chí 4.4			2			
Tiêu chí 4.5				3		
<i>Tiêu chuẩn 5</i>						3,20
Tiêu chí 5.1				3		
Tiêu chí 5.2				3		

Tiêu chí 5.3				3		
Tiêu chí 5.4				3		
Tiêu chí 5.5					4	
<i>Tiêu chuẩn 6</i>						
Tiêu chí 6.1				3		
Tiêu chí 6.2				3		
Tiêu chí 6.3				3		
Tiêu chí 6.4				3		
Tiêu chí 6.5				3		
Tiêu chí 6.6					4	
<i>Tiêu chuẩn 7</i>						
Tiêu chí 7.1				3		
Tiêu chí 7.2				3		
Tiêu chí 7.3				3		
Tiêu chí 7.4				3		
Tiêu chí 7.5				3		
<i>Tiêu chuẩn 8</i>						
Tiêu chí 8.1				3		
Tiêu chí 8.2				3		
Điểm trung bình của chương trình CKCTM						3,08

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H1.01.01.01	Ảnh chụp sứ mệnh của Nhà trường		TNUT	
H1.01.01.02	Chương trình đào tạo của Nhà trường		TNUT	
H1.01.01.03	QĐ V/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký	Số 257/QĐ-ĐT, ngày 14/04/2008	TNUT	
H1.01.01.04	Biên bản họp rà soát lại CTĐT	ngày 28/02/2012	TNUT	
H1.01.01.05	QĐ Về việc thành lập Hội đồng điều chỉnh CTĐT 150TC trình độ đại học và tổ thư ký	Số 445/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/07/2013	TNUT	
H1.01.01.06	Chương trình học hệ Liên thông	tháng 08/2009	TNUT	
H1.01.01.07	Lịch sinh hoạt chính trị đầu khóa K45 năm học 2009-2010	2009	TNUT	
H1.01.02.01	Chương trình đào tạo của ngành CKCTM	2009	TNUT	
H1.01.02.02	Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT	2009	TNUT	
H1.01.02.03	Biên bản thông qua đề cương HP		TNUT	
H1.01.03.01	Bảng điểm của sinh viên, danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2009	Số 509/QĐ-ĐT, ngày 11/08/2009	TNUT	
H1.01.03.02	Sổ tay giảng viên	2009	TNUT	
H1.01.03.03	Sổ tay sinh viên	2011	TNUT	
H1.01.04.01	Các văn bản quy định về việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra; văn bản chuẩn đầu ra đã ban hành		TNUT	
H1.01.04.02	Bảng điểm, điểm rèn luyện		TNUT	
H2.02.01.01	Quyết định về việc tập huấn xây dựng chuẩn đầu ra	Số 18/ĐHKTCN-KT&ĐBCLGD, ngày 19/3/2012		
H2.02.01.02	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và công bố chuẩn đầu ra	Số 39/QĐ-ĐHKTCN, ngày 10/04/2012	TNUT	

	của các chương trình đào tạo			
H2.02.01.03	Khung chương trình của Bộ GD&ĐT		Bộ GD-ĐT	
H2.02.01.04	QĐ V/v thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ và tổ thư ký	Số 257/QĐ-ĐT, ngày 14/04/2008	TNUT	
	QĐ V/v Ban hành chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ hệ đại học nhóm ngành kỹ thuật cơ khí	Số 647/QĐ-ĐTĐH, ngày 03/11/2008	TNUT	
H2.02.01.05	QĐ V/v thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ	2009	TNUT	
H2.02.02.01	Chương trình đào tạo	ngày 03/11/2010	TNUT	
H2.02.02.02	V/v Xây dựng kế hoạch đào tạo	ngày 18/03/2010	TNUT	
H2.02.02.03	Sơ đồ kế hoạch đào tạo		TNUT	
H2.02.03.01	Đề cương môn học		TNUT	
H2.02.04.01	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, khoa	2009-2012	TNUT	
H2.02.05.01	Chương trình các học phần học liên thông từ Cao đẳng lên Đại học	ngày 31/08/2009	TNUT	
H2.02.05.02	Danh các học phần của chương trình 2 chuyên ngành CKCTM		TNUT	
H2.02.06.01	Hội đồng xét kết quả học tập		TNUT	
H3.03.01.01	[http://mea.tnut.edu.vn/www/forum/forum.php] , tuyển tập báo cáo hội thảo khoa học.			
H3.03.02.01	Biên bản dự giờ	2010-2013	Khoa Cơ khí	
H3.03.02.01	Quyết định về việc ban hành quy định về Công tác tư vấn và hỗ trợ sinh viên trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp	Số 379/QĐ-HSSV, ngày 25/11/2011	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ làm trợ lý thuộc khoa Cơ khí	Số 492/QĐ-TCCB, ngày 27/08/2009	TNUT	
	Thông báo tổ chức hội nghị học tốt năm học 2009-2010	ngày 22/09/2009	Khoa Cơ khí	
H3.03.02.02	Quyết định về việc ban hành Quy định về phân cấp trong công tác quản lý sinh viên tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Số 120/QĐ-ĐHKTCN, ngày 10/09/2013	TNUT	
H3.03.02.03	Về việc học cùng lúc hai chương trình	Số 262/CV-ĐT,	TNUT	

		ngày 16/04/2009		
	Về việc phân ngành cho sinh viên K43	Số 468/CV-ĐT, ngày 28/07/2009	TNUT	
H3.03.02.04	Quyết định về việc cử ban cán sự lớp		TNUT	
H3.03.03.01	Đề cương thực tập tốt nghiệp			
H3.03.03.02	Sơ đồ các HP theo từng năm học		TNUT	
H3.03.03.03	Thông báo tổ chức thi Robocon, hội trại		TNUT	
H4.04.01.01	Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống TC	Số 907/QĐ-ĐHKTCN, ngày 14/09/2012	TNUT	
H4.04.01.02	Báo cáo đổi mới kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ	Số 181/BC-ĐHKTCN, ngày 15/10/2012	TNUT	
H4.04.01.03	Thông báo về việc chuẩn bị đề thi kết thúc học kỳ hè năm học 2011-2012	Số 130/TB-ĐHKTCN, ngày 13/08/2012	TNUT	
	Thông báo về việc nộp ngân hàng đề thi kết thúc học phần học kỳ 1 năm học 2011-2012	Số 261/TB-ĐHKTCN, ngày 23/11/2012	TNUT	
	Thông báo về việc nộp kế hoạch chấm thi kết thúc học kỳ 2 năm học 2012-2013	Số 89/TB-ĐHKTCN, ngày 21/03/2013	TNUT	
	Thông báo về việc nộp ngân hàng đề thi kết thúc học phần học kỳ 2 năm học 2012-2013	Số 56/TB-ĐHKTCN, ngày 11/04/2013	TNUT	
H4.04.01.04	Lịch thi học kỳ 2 năm học 2008-2009 K40	ngày 24/04/2009	TNUT	
	Lịch thi kết thúc học kỳ 3 năm học 2008-2009	ngày 30/08/2009	TNUT	
H4.04.01.05	Lịch phân công chấm thi học kỳ 2 năm học 2012-2013	ngày 10/05/2013	Bộ môn	
	Bảng tổng hợp điểm thi, Phiếu ghi điểm gốc, Phiếu ghi điểm thành phần	2011-2013	TNUT	
H4.04.01.06	Quy định về công tác thi hệ đại học chính quy tại trường ĐHKTCN	QĐ số 50/QĐ-ĐHKTCN ngày 05/7/2013	TNUT	
H4.04.02.01	Sổ tay sinh viên	2009	TNUT	
H4.04.02.02	Thông báo về xét kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2009-2010	Số 139b/TB-ĐT, tháng 04/2012	TNUT	
	Thông báo về việc nộp điểm để xét tiến	Số 229/TB-ĐT,	TNUT	

	độ học tập học kỳ 2 năm học 2009-2010	ngày 28/05/2012		
H4.04.02.03	Về việc chuyển điểm học phần năm học đầu tiên cho K41	Số 580 CV/ĐT, ngày 15/09/2009	TNUT	
	Thông báo về việc chuyển bị tốt nghiệp cho sinh viên K41 và LT07	Số 220/TB-ĐT, ngày 24/05/2010	TNUT	
H4.04.02.04	Bảng điểm toàn khóa, Danh sách sinh viên tốt nghiệp, Danh sách xét đạt tiêu chuẩn tốt nghiệp	04/2011	TNUT	
H4.04.03.01	Giao nhiệm vụ thanh tra năm học 2012-2013	Số 184/TB-ĐHKTCN, ngày 16/10/2012	TNUT	
H4.04.03.02	Quy định về công tác thi hệ đại học chính quy	Số 50/QĐ-ĐHKTCN, ngày 05/07/2013	TNUT	
H4.04.02.03	Quyết định về việc Thành lập Ban chấm phúc khảo bài thi tốt nghiệp đại học năm 2009	Số 406/QĐ-TN, ngày 25/06/2009	TNUT	
H4.04.04.01	Báo cáo tổng kết 6 tháng đầu năm 2012	ngày 17/08/2012	TNUT	
H4.04.04.02	Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng năm 2012. Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo chất lượng năm 2013	Số 54/BC-ĐHKTCN, ngày 08/04/2013	TNUT	
H5.05.01.01	Thống kê thực trạng đội ngũ viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	11/2013	TNUT	
H5.05.01.02	Bảng kê khối lượng giảng dạy	26/08/2009	TNUT	
H5.05.01.03	Quyết định về việc chi hỗ trợ học phí Cao học năm 2012	Số 937/ QĐ-ĐHKTCN	TNUT	
H5.05.01.04	Quyết định về việc chi tiền thưởng hoàn thành luận án Tiến sĩ đúng hạn	Số 126/ QĐ-ĐHKTCN	TNUT	
H5.05.01.05	Quyết định về việc điều chỉnh lương từ bậc 1 lên bậc 2 cho cán bộ viên chức năm 2013	Số 510/ QĐ-ĐHKTCN	TNUT	
H5.05.01.06	Quyết định về việc ban hành Điều lệ trường Đại học	Số 58/2010/QĐ-TTg	Chính phủ	
H5.05.01.07	Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp		TNUT	
H5.05.02.01	Quyết định về việc cử Cán bộ tham gia lớp học TOEFL-ITP	2013	TNUT	
	Quyết định về việc cử Cán bộ đi học tập trong nước	Số 370/ QĐ-ĐHKTCN, 02/07/2012	TNUT	

	Quyết định về việc cử Cán bộ dự thi nghiên cứu sinh năm 2012	2012	TNUT	
	Quyết định về việc cử Cán bộ dự thi nghiên cứu sinh theo đề án 911	Số 229/ QĐ-ĐHKTCN, 20/06/2013	TNUT	
	Quyết định về việc cử Cán bộ dự thi nghiên cứu sinh	Số 345/ QĐ-ĐHKTCN, 12/08/2013	TNUT	
	Quyết định về việc cử Cán bộ đi dự tuyển nghiên cứu sinh năm 2011	Số 300/ QĐ-ĐHKTCN, 31/05/2011	TNUT	
	Quyết định về việc cử Cán bộ đi học tập trong nước	Số 1259/ QĐ-ĐHKTCN, 12/11/2009	TNUT	
	Quyết định về việc cử Cán bộ đi học Cao học năm 2008	2008	TNUT	
H5.05.02.02	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2013 cho học viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Số 1204/ QĐ-ĐHKTCN, 19/9/2013	TNUT	
	Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2012 cho học viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Số 592/ QĐ-ĐHKTCN, 06/6/2013	TNUT	
	Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho học viên cao học K12	Số 06/QĐ-SDH, 15/02/2012	TNUT	
	Báo cáo tốt nghiệp thạc sĩ kỹ thuật năm 2011	Số 09/CV-SDH, 16/02/2011	TNUT	
	Quyết định công nhận học viên đào tạo trình độ thạc sĩ đợt tuyển sinh tháng 9/2010	Số 1359/ QĐ-ĐHKTCN, 19/10/2010	TNUT	
	Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp cho học viên cao học K10	Số 215/QĐ-SDH, 18/12/2009	TNUT	
	Xét cấp bằng thạc sĩ kỹ thuật	Số 101/QĐ-SDH, 12/07/2008	TNUT	
	Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2009	Số 1698/ QĐ-ĐHTN, 28/12/2009	TNUT	
	Các văn bằng chứng chỉ			
H5.05.02.03	Quyết định về việc cử cán bộ, giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy đại học	Số 345/QĐ-TCCB, 31/5/2010	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ Quyết đi	2012	TNUT	

	công tác			
	Quyết định về việc cử cán bộ tham dự Hội thảo	2012	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ tham dự Hội nghị	2012	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng	2011	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học Tiếng Anh tại Philippines	2011	TNUT	
	Quyết định cử cán bộ đi dự lớp bồi dưỡng hội nhập kinh tế và đối ngoại tại Thái Nguyên	2010	TNUT	
	Quyết định cử cán bộ đi dự lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng các trường đại học	2010	TNUT	
	Thông báo về việc tham dự lớp bồi dưỡng năng lực giảng dạy cho giảng viên trẻ	2012	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài	2011	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài	2013	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh	2009	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ làm tham gia khóa học đào tạo kiến thức về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2008	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ nữ đi bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho nữ cán bộ viên chức ĐHTN năm 2010	2010	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ tham dự lớp tập huấn cán bộ chủ chốt Công đoàn Giáo dục	2009	TNUT	
H5.05.02.04	Danh sách trích ngang cán bộ viên chức tham gia tập huấn công tác văn thư, lưu trữ	Số 1167/ĐHTN-VP, 02/11/2011	ĐHTN	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh	2009, 2010	TNUT	
	Quyết định về việc tổ chức huấn luyện quân sự cho trung đội tự vệ	2008, 2009	TNUT	
	Quyết định về việc cử cán bộ đi học An toàn lao động	2012	TNUT	

	Quyết định về việc chi quỹ cơ quan thường cho công bố Khoa học Quốc tế đăng trên tạp chí có số xuất bản ISSN	Số 193/QĐ-TCCB,04/4/2011	TNUT	
	Giấy đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí NCKH cấp trường, sinh viên năm 2011	20/4/2011	TNUT	
	Giấy đề nghị cấp kinh phí NCKH năm 2008	20/5/2008	TNUT	
	Giấy đề nghị cấp kinh phí NCKH năm 2009	02/7/2009	TNUT	
	Giấy đề nghị cấp kinh phí NCKH năm 2010	2010	TNUT	
	Giấy đề nghị cấp kinh phí NCKH năm 2011	2011	TNUT	
	Giấy đề nghị về việc điều chỉnh kinh phí hoạt động KH&CN năm 2013	06/12/2013	TNUT	
	Phê duyệt dự toán kinh phí đề tài NCKH sinh viên chương trình tiên tiến năm 2013	2013	TNUT	
	Phê duyệt dự toán kinh phí đề tài KHNC ứng dụng cấp trường năm 2013	2013	TNUT	
H5.05.02.05	TOEFL-ITP TEST RESULT- THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY	2013	TNUT	
H5.05.02.06	Báo cáo kết quả thực hiện tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 157/BC-TTKT&ĐBCLGD,23 /10/2009	TNUT	
	Bảng tổng hợp ý kiến sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên	2013	TNUT	
H5.05.03.01	Thông báo về việc xét sơ tuyển hợp đồng.	Số 271/TB-TCCB,13/4/2009	TNUT	
H5.05.03.02	Báo cáo tổng kết năm học.	2008, 2009, 2011, 2012	TNUT	
H5.05.03.03	Quyết định về việc thành lập tổ công tác lấy phiếu tín nhiệm trường đơn vị	2011	TNUT	
	Thành lập tổ công tác thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, Phó các đơn vị trong trường.	2011	TNUT	
	Bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp khoa, phòng, Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp.	2011	TNUT	
	Quyết định thành lập tổ công tác thực	2011	TNUT	

	hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm Trưởng, Phó bộ môn các đơn vị trong trường.			
	Bổ nhiệm trưởng phó bộ môn.	2011	TNUT	
	Tờ trình về việc đề nghị bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng lần đầu nhiệm kỳ 2011-2016.	2011	TNUT	
H5.05.03.04	Quyết định về việc năng lương cho cán bộ viên chức.		TNUT	
	Quyết định về việc năng lương cho cán bộ hợp đồng.	2009, 2011, 2012	TNUT	
H5.05.03.05	Danh sách cán bộ viên chức trường đại học kỹ thuật công nghiệp-ĐHTN đề nghị nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2011.	2011	TNUT	
	Danh sách cán bộ viên chức trường đại học kỹ thuật công nghiệp-ĐHTN đề nghị nâng bậc lương thường xuyên.	2008, 2009, 2011	TNUT	
	Danh sách cán bộ viên chức trường đại học kỹ thuật công nghiệp-ĐHTN đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn.	2011	TNUT	
H5.05.04.01	Quyết định bổ nhiệm cán bộ nhiệm kỳ 2011-2016.	QĐ-TCCB, 15/3/2011, 2011	TNUT	
	Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó bộ môn thuộc khoa Cơ khí.	QĐ-TCCB, 22/9/2008	TNUT	
H5.05.04.02	Danh sách cán bộ viên chức toàn trường tháng 3 năm 2013.	2013	TNUT	
H5.05.04.05	Báo cáo thống kê chất lượng đội ngũ viên chức.	2009 cx	TNUT	
H5.05.05.01	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua năm học 2010 – 2011.	10/9/2011	TNUT	
	Trích biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng.	2013	TNUT	
	Trích biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	2011	TNUT	
	Quyết định thi đua khen thưởng năm học 2007 – 2008	20/11/2008	TNUT	
	Quyết định thi đua khen thưởng năm học 2008 – 2009.	20/8/2009	TNUT	
H5.05.05.02	Quy chế chi tiêu nội bộ.	2011, 2012	TNUT	
H5.05.05.03	Quyết định ban hành Quy chế thực hiện	09/5/2013	TNUT	

	dân chủ trong hoạt động của Nhà trường.			
	Báo cáo liên tịch của ban Giám hiệu và ban chấp hành công đoàn trường.	14/5/2008	TNUT	
H6.06.01.01	Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.	384/QĐ-ĐT, ngày 14 tháng 3 năm 2012	TNUT	
	V/v viết tài liệu hướng dẫn BTL, ĐAMH, ĐATN.	939/CV-ĐT, ngày 08 tháng 12 năm 2011	TNUT	
H6.06.01.02	V/v đăng kí chỗ ở và kế hoạch bố trí sinh viên ở ký túc xá Học kỳ II năm học 2011 – 2012.	02/TB-HSSV, ngày 06 tháng 01 năm 2012	TNUT	
	Tổng hợp danh sách SV diện chính sách đề nghị nhận quà tết năm 2011.	17/HSSV, ngày 13 tháng 01 năm 2012	TNUT	
	V/v xét học bổng năm học 2012 – 2013.	180/ĐHKTCN-HCTC, ngày 19 tháng 7 năm 2013	TNUT	
	V/v khen thưởng sinh viên điển hình tiên tiến năm 2013.	147/QĐ-ĐHKTCN, ngày 11 tháng 10 năm 2013	TNUT	
H6.06.01.03	Sổ tay sinh viên	Năm 2011	TNUT	
H6.06.01.04	Open day	12/ĐHKTCN-CT HSSV, ngày 05 tháng 03 năm 2013	TNUT	
	Công khai chất lượng đào tạo thực tế của trường	Weside của trường http://tnut.edu.vn/public/actual	TNUT	
	Cam kết chất lượng đào tạo	http://tnut.edu.vn/public	TNUT	
H6.06.01.06	Công tác học sinh – sinh viên	Website của trường http://tnut.edu.vn/n32/cong-tac-sinh-vien	TNUT	
	Khoa Cơ khí	Website của khoa http://mea.tnut.edu.vn/	TNUT	
H6.06.01.07	Ký kết văn bản kết nghĩa với các trường PTTH trong ngày hội mở trường		TNUT	
H6.06.01.08	Tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý sử dụng lao động và của cựu sinh viên		TNUT	
	Phiếu khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2012		TNUT	
	Phiếu hỏi ý kiến sinh viên tốt nghiệp		TNUT	

	năm 2012 đánh giá về CTĐT ngành cơ khí chế tạo máy			
H6.06.02.01	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân năm học 2007-2008, năm học 2008-2009		TNUT	
H6.06.02.02	Kế hoạch đào tạo năm học 2012-2013		TNUT	
H6.06.02.08	V/v ban hành quy định về công tác thi hệ đại học chính quy tại trường ĐHKTCN	50/QĐ-ĐHKTCN, ngày 05 tháng 7 năm 2013	TNUT	
H6.06.02.09	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên	Ngày 08 tháng 3 năm 2013	TNUT	
	Phiếu hỏi ý kiến sinh viên tốt nghiệp năm 2012 đánh giá về CTĐT ngành cơ khí chế tạo máy		TNUT	
H6.06.03.03	V/v giải quyết các thủ tục giấy tờ cho sinh viên	390/TB-HSHV, ngày 13 tháng 12 năm 2011	TNUT	
	V/v cử cán bộ giảng viên làm giáo viên chủ nhiệm	88/QĐ-ĐHKTCN, ngày 13 tháng 8 năm 2013	TNUT	
	Quy định về việc giúp sinh viên học tập tại phòng làm việc của giảng viên	Số 213/TB-ĐHKTCN ngày 22/8/2013	TNUT	
H6.06.03.04	V/v thành lập trung tâm tư vấn sinh viên	532/QĐ-TCCB, ngày 19 tháng 10 năm 2011	TNUT	
H6.06.03.05	Phân công trực BCN khoa cơ khí	2011-2013	Khoa	
H6.06.04.01	Về tính dụng đối với học sinh, sinh viên	157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2007	Bộ tài chính	
	Văn bản về chế độ, chính sách xã hội liên quan đến người học phổ biến đầu khoá học	2010-2013	TNUT	
	Quy định mức thu học phí	2009-2013	TNUT	
H6.06.04.03	Danh sách người học hưởng chế độ chính sách xã hội được công bố công khai	2009-2013	TNUT	
H6.06.04.06	Tổng hợp kết quả khám sức khỏe cho sinh viên	2013	Bệnh viện A	
H6.06.04.07	Nội quy Ký túc xá sinh viên Trường ĐHKTCN Thái Nguyên	Ngày 09/12/2011	TNUT	
	Quyết định về việc ban hành Quy định	Số 160/QĐ-		

	Công tác Quản lý sinh viên nội trú của Trường ĐHKTCN	ĐHKTCN ngày 30/10/2013		
H6.06.04.08	Báo cáo số lượng SV khoa Cơ khí nội trú trong khu KTX	2011-2013	Khoa cơ khí	
H6.06.04.11	V/v khen thưởng sinh viên hệ đại học chính quy	78/QĐ/ĐHKTCN, ngày 28 tháng 6 năm 2013	TNUT	
	V/v khen thưởng sinh viên có thành tích trong học tập, rèn luyện	155/QĐ-KT, ngày 30 tháng 6 năm 2011	TNUT	
H6.06.04.12	V/v khen thưởng sinh viên hệ vừa làm vừa học	28/QĐ-ĐHKTCN, ngày 25 tháng 01 năm 2013	TNUT	
	Nội quy KTX SV, Nội quy phòng thí nghiệm, nội quy xưởng thực hành		TNUT	
H6.06.04.16	V/v triển khai năm an toàn giao thông năm 2012	12/HSSV, ngày 13 tháng 1 năm 2012	TNUT	
H6.06.05.01	Quyết định thành lập các câu lạc bộ	2012		
H6.06.05.02	Ảnh chụp thư viện, ký túc xá, sân cầu lông, tennis			
H6.06.05.03	Kế hoạch hoạt động tiếp sức mùa thi	2011-2013		
H6.06.05.04	Giấy xác nhận và giấy cam kết trả nợ tín dụng đối với HSSV	7375/BGDĐT-CTHSSV, ngày 14 tháng 8 năm 2008	BGD	
H6.06.05.05	V/v nhà ăn tập thể tiếp tục hoạt động	302/TB-HSSV, ngày 20 tháng 11 năm 2011		
	Ảnh chụp nhà ăn tập thể			
H6.06.05.06	Các báo cáo về hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao	2012,2013		
H6.06.05.07	Các trương trình văn nghệ, thể dục thể thao được triển khai ở các cấp hàng năm	2012,2013		
H6.06.05.08	Phối hợp tổ chức cuộc thi tiếng hát quốc phòng K22-CN1	16 CV-ĐTN, ngày 16 tháng 7 năm 2013		
	V/v Tổ chức liên hoan văn nghệ quần chúng chào mừng ngày nhà giáo việt nam và 43 năm thành lập trường ĐHKTCN	2008		
H6.06.05.09	Các cuộc thi đấu thể dục thể thao	2012,2013		
H6.06.05.10	Các thống kê theo các mức độ khen thưởng về phong trào văn nghệ, thể dục	2012		

	thể thao			
	Các hoạt động ngoại khoá cho người học hàng năm	2012, 2013		
H6.06.06.01	Chức năng nhiệm vụ của phòng CT-HSSV			
	V/v quy định tổ chức thực hiện chương trình hoạt động xã hội và lao động công ích cho sinh viên hệ chính quy	632/QĐ-ĐHKTCN, ngày 10 tháng 12 năm 2012		
	Phân cấp quản lý khu ký túc xá	2013		
H6.06.06.02	V/v tổ chức các hoạt động trong quý II năm 2013	04/KH-ĐTN, ngày 8 tháng 3 năm 2013		
H6.06.06.03	Báo cáo tổng kết các công tác đoàn và phòng trào thanh niên	2012, 2013		
H6.06.06.05	Các biện pháp của trường để ngăn ngừa người học vi phạm pháp luật và vi phạm các quy định chung	2011,2012		
H7.07.01.01	Thống kê số phòng học của sinh viên	2012	TNUT	
H7.07.01.02	Biên bản kiểm kê năm 2012	2012	TNUT	
H7.07.01.03	Tổng hợp tình hình khai thác máy móc và thiết bị thí nghiệm	2012	TNUT	
	Bảng phân công quản lý thiết bị	2011	TNUT	
	Báo cáo khả năng công nghệ thiết bị thí nghiệm	2011	TNUT	
H7.07.01.04	Ảnh chụp phòng họp chung của khoa Cơ khí, Điện, Quốc tế	2013	TNUT	
	Ảnh chụp thiết bị không dây của nhà trường bố trí tại nhà làm việc của khoa	2013	TNUT	
H7.07.01.05	Ảnh chụp các khu vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục thể thao của sinh viên trong trường	2013	TNUT	
H7.07.01.06	Quy định an toàn khi vận hành máy (TT thực nghiệm)		TNUT	
H7.07.02.01	Ảnh chụp phòng đọc của khoa Quốc tế	2013	TNUT	
H7.07.02.02	Ảnh chụp phòng đọc và phòng mượn sách thư viện trường	2013	TNUT	
H7.07.02.03	Ảnh chụp phòng đọc luận văn, luận án thư viện trường	2013	TNUT	
H7.07.02.04	Ảnh chụp phòng máy tính thư viện trường	2013	TNUT	
H7.07.02.05	Ảnh chụp phòng đọc thư viện ngoại	2013	TNUT	

	văn trường			
H7.07.03.01	Cơ sở vật chất của trường năm học 2012-2013	2013	TNUT	
H7.07.03.02	Ảnh chụp Website trường (E-learning)	2013	TNUT	
H7.07.03.03	Ảnh chụp giảng đường	2012-2013	TNUT	
H7.07.03.06	Báo cáo nội dung hội nghị giao ban	2013	TNUT	
H7.07.03.10	Quyết định chi tiền mừng nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	2013	TNUT	
H7.07.03.11	Sổ theo dõi tài sản cố định tại nơi sử dụng năm 2012	2012	Khoa cơ Khí	
H7.07.03.14	Quyết định ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Khoa chức năng	30/12/2011	TNUT	
H8.08.01.01	Kế hoạch công tác trọng tâm năm học 2012-2013	Số 31, tháng 08/2012	TNUT	
H8.08.01.02	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 31/QĐ-TT-KT&ĐBCLGD, ngày 07/04/2008	TNUT	
H8.08.01.03	Thông báo Về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 38/TB- TT-TT&ĐBCLGD, ngày 25/04/2008	TNUT	
H8.08.01.04	Thông báo Về việc triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trực tuyến qua mạng internet	Số 31/QĐ-TT-KT&ĐBCLGD, ngày 03/04/2012	TNUT	
H8.08.01.05	Phiếu khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp	2012	TNUT	
H8.08.02.01	Quyết định về việc thành lập Hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành CKCTM	Số 31/QĐ-ĐHKTCN, ngày 20/05/2013	TNUT	
H8.08.02.02	Thông báo Về việc tham gia đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành CKCTM	Số 98/TB-ĐHKTCN	TNUT	
H8.08.02.03	GM 117 – Giấy mời tham gia đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành CKCTM	Số 117/GM-ĐHKTCN, ngày 11/06/2013	TNUT	
H8.08.02.04	Thông báo Về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT	Số 110/TB-ĐHKTCN, 2013	TNUT	